

BÁCH KHOA

18

I THÁNG MƯỜI 1957

Trong số này :

- HOÀNG-MINH-TUYNH Chế độ dân chủ cổ điển : nước Anh.
- PHAN-VĂN-TRÍ Vai tưởng cán bộ hợp tác xã.
- VŨ-THỪA-CHI Vết nứt rạn đầu tiên của Cộng sản quốc tế : Vụ Ti-Tô.
- HU-CHU Tìm hiểu cổ thi : Vấn đề lập ý trong thơ đường luật.
- TRẦN-VĂN-KHÊ Nhạc phương Đông, nhạc phương Tây.
- PHÙNG-BÁ-KHANH Văn tự tượng hình.
- THUẦN-PHONG Đất nước trong ca dao.
- NGUYỄN-NGU-Í Trần-Hưng Đạo, một Người và một anh hùng dân tộc.
- Từ-Quyên
ĐẶNG-VĂN-NHÂM Tìm hiểu kiến trúc Văn-Miếu, đền thờ Đức Khổng-Tử ở Việt-Nam.
- PHAN-LẠC-TUYÊN Đường lên Tây Bắc (thơ).
- Á-Nam
TRẦN-TUẤN-KHẢI Đường thi dịch giải.
- YẾU-HẠC và TRINH-NGUYỄN
Thuật theo OSCAR WILDE. Chấm họa mi và bông Hường đỏ.
- LÂM-NGŨ-ĐUỜNG
(do Vi-Huyền-Đặc dịch) Khóat lửa Kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cũ*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lào Mạnh Tú*"
— Rượu Tàu "*Tích Thọ Tú*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES ***DE L'INDOCHINE***

NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « **D.I.C.** » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (**S.F.D.I.C.**)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ
(**S.I.C.A.**) — 32, Bến Bạch-Đặng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — **NHA-TRANG**

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE





Đi **PARIS** hoặc **HONGKONG**

bằng phi-cơ «**SUPER G**»



SAIGON - PARIS

(chuyến bay «**THANH-LONG**»)

cát cánh 20g20 mỗi thứ tư



SAIGON - HONGKONG

(chung với **AIR FRANCE**)

*cát cánh 9g30 mỗi thứ ba
thứ năm
thứ sáu*



Xin hỏi: **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. 22.446 - 47, 21.624 - 25 - 26



De SAIGON, avec le
Super G
d'AIR FRANCE
vous pouvez aller à



AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

12, Đại-lô Thống-Nhất
SAIGON

Tel. 20.981 à 20.984

TẠP CHÍ BÁCH KHOA

Trong những số tới:

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chế độ dân chủ cổ điển: nước Anh.
Chế độ lập hiến nước Anh
(tiếp theo).*
- PHẠM-NGỌC-THẢO : *Vì sao gan dạ hay nhút nhát tại
mặt trận.*
- NGUYỄN-SUNG : *Tiểu công nghệ gia và các sắc thuế.*
- NGUYỄN-HỮU-NGU : *Lé-Lợi, hình ảnh của dân tộc
Việt.*
- HOÀNG-THÁI-LINH : *Tự tử.*
- NGUYỄN-VĂN-BA : *Gương nhân vị xán lạn của y tổ
Việt-Nam: Cụ Lãn-Ông.*
- CÔ-LIÊU : *Nhân đạo Nhập Thiên Thai
của Vũ-khắc-Khoan.*
- J. ROUSSELOT : *Người quét đường.*
(Việt-Tử dịch)



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số: 90\$00 — 1 năm 24 số: 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TÒA SOẠN: 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Hộp thư 339 — SAIGON

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ CỔ ĐIỂN: NƯỚC ANH

HOÀNG-MINH-TUYNH

CHẾ ĐỘ LẬP HIẾN NƯỚC ANH



TRONG một bài trước thực chất, nội dung, không thể nói nước Anh không có hiến pháp được.

tôi đã đứng về phương diện lịch sử mà bàn về chế độ dân chủ nước Anh. Trong bài này,

chúng tôi muốn dựa vào luật thực tại mà phân tích hiến pháp của nước ấy hiện nay thế nào.

A) - Về nguồn gốc luật hiến pháp nước Anh

Như chúng tôi đã nói sơ qua trước đây về luật hiến pháp, nước Anh là nước hiện nay vẫn chưa có hiến pháp, hay đúng hơn, chưa có hiến pháp theo định nghĩa của các nhà luật học. Hầu hết các luật lệ qui định chế độ chính trị đều là tục lệ bất thành văn. Đó là về phương diện hình thức. Còn về phương diện

Các cơ quan của nhà nước điều hành và có quyền hạn ra sao, quan hệ giữa các cơ quan thế nào, đều có những đạo luật qui định rõ ràng.

Hơn thế, người ta còn có thể nói nước Anh đã phát minh ra chính thể lập hiến, nghĩa là chính thể trong đó có luật lệ tối cao qui định cho các kẻ cầm quyền, từ ông vua trở xuống.

1.) *Tính chất tục lệ bất thành văn của luật Hiến Pháp nước Anh*

Nói rằng tổ chức chính trị nước Anh hoàn toàn dựa trên tục lệ bất thành văn, tưởng là điều quá đáng. Có nhiều luật lệ thành văn rõ ràng, như luật lệ điều hành quyền lập pháp do hai đạo luật Bill of Rights và Parliament Act

qui định. Có nhiều luật lệ khác, rất thiết yếu, thì lại do tục lệ qui định, như luật lệ về chế độ quân chủ hiện nay.

2) *Tinh chất mềm dẻo của luật Hiến Pháp nước Anh*

Tuy nhiên, tất cả mọi luật lệ về tổ chức chính quyền và về quyền của người công dân, dù là thành văn hay tục lệ bất thành văn, đều có thể bãi bỏ hay sửa đổi bằng một đạo luật thường. Trên lý thuyết, về phương diện thủ tục, việc sửa đổi qui chế quân rợu không phức tạp gì hơn việc cải tổ nước Anh quân chủ thành nước Anh Cộng Hòa, hoặc việc bãi bỏ quý tộc viện. Cho nên có thể nói hiến pháp nước Anh thuộc loại hiến pháp mềm dẻo. Trên thực tế, mọi luật lệ pháp lý về luật hiến pháp hoàn toàn nằm gọn trong tay nghị viện, nghĩa là hai viện muốn « nặn » ra thế nào nên thế, ông vua chỉ có việc duyệt phê và không thể không duyệt phê được. Vì vậy, người ta thường nói rằng : « Nghị viện Anh có thể làm được hết mọi việc, trừ có việc biến đàn ông thành đàn bà và biến đàn bà thành đàn ông » mà thôi.

B) *Về hai viện*

Chúng tôi nói hai viện mà không nói nghị viện, vì khi chúng tôi nói nghị viện là có ý chỉ *cái toàn thể gồm hai viện và hoàng triều*. Nhưng, như ta sẽ thấy sau, vai trò của ông vua, về phương diện pháp lý, rất ần khuất, lu mờ, nghị viện thực tế chỉ gồm có hai viện, và tuy nói hai viện, rút cuộc ưu thế thuộc hạ nghị viện.

1) *Thành phần của hai viện*

a) *Quý tộc viện*.— Quý tộc viện, tự nguyên thủy lịch sử, cấu thành một cách hết sức phức tạp. Có điều không nên quên là viện này chẳng những có quyền lập pháp, lại có quyền tư pháp tối cao. Luật lệ cấu thành viện này có thể đại khái tóm tắt như sau :

Thành phần không phải do dân cử, có tính chất quý phái và đa số tuyền trách theo kế thừa, cha truyền con nối. Tuy vậy, viện hàng năm mở rộng đón những thành phần mới, phần nhiều là những vị đã từng giữ những chức cao trong trường chính trị, kinh tế hay xã hội. Sự đề cử này tùy thuộc nhà vua, nghĩa là thực tế thuộc quyền nội các, mà nội các lại là phản ảnh nhóm đa số của Hạ nghị viện. Vì vậy, sự tuyền cử viện này chính thuộc quyền cử tri, dù thuộc quyền một cách gián tiếp, nhưng chắc chắn thuộc quyền. Tuy nhiên, từ khi đạo luật Parliament Act ban hành khiến cho Hạ nghị viện giữ được ưu thế về mặt lập pháp, hạ nghị viện không còn phải dùng tới biện pháp gắt gao đề cử thêm nhiều người vào quý tộc viện, để giữ đa số, như đã từng làm từ trước, khi bị quý tộc viện cản trở quyết nghị của mình. Đa số bảo thủ quý tộc viện thực tế không hề cản trở các chính phủ của Đảng Lao động thi hành quyết nghị của họ.

b) *Hạ nghị viện*.— Các dân biểu Hạ nghị viện đều bầu theo lối đầu phiếu *đơn danh* (mỗi khu chỉ bầu một dân biểu), *theo đa số* (không theo tỷ lệ đại diện) và *chỉ một vòng* (không có tái bầu, ứng cử viên nào được nhiều phiếu bầu nhất là trúng cử, mặc dầu không được đa số

tuyệt đối, nghĩa là mặc dầu số phiếu của các người tranh cử với y tổng cộng lại được nhiều hơn số phiếu đã bầu cho y).

Cách thức đầu phiếu này liên hệ quan trọng đến cuộc sinh hoạt chính trị nước Anh. Trước hết, cách đầu phiếu ấy làm giảm số đảng phái, khiến người dân Anh phải tổ hợp nhau lại tùy theo tương quan chính trị, hòng thực hiện chính kiến của họ ở ngay vòng đầu. Bởi không có lối đầu phiếu theo tỷ lệ đại diện, nên các thiểu số trong một khu vực khó bề được trúng cử. Và chẳng, số phiếu tản mát bầu cho các ứng cử viên có khuynh hướng tương tự không thể kết tập nhau ở vòng thứ hai, như đã từng xảy ra tại nước Pháp, trước cuộc chiến tranh, bởi tại Anh không có lệ tái bầu vòng thứ hai.

Hơn nữa, vì lý do thống kê, cách thức đầu phiếu theo đa số, gây ra kết quả có lợi cho phe đa số. Như trong cuộc đầu phiếu năm 1945, đảng Lao động được 11 triệu rưỡi phiếu, đảng Bảo thủ 9 triệu, đảng Tự do hơn 2 triệu. Nhờ cách thức đầu phiếu theo đa số, đảng Lao động được 390 ghế, đảng Bảo thủ 196 và đảng Tự do 31. Ta nhận thấy, nếu theo cách thức đầu phiếu theo tỷ lệ thì mỗi đảng sẽ được một số ghế như sau : Đảng Lao động : 306, đảng Bảo thủ : 253 và đảng Tự do : 58. Một người Pháp, với óc luận lý, có thể cho kết quả trên của cuộc đầu phiếu là bất công. Tuy nhiên, phải công nhận trên thực tế, cách thức đầu phiếu của nước Anh khiến cho chỉ một đảng nắm được đa số và có thể thành lập được một nội

các thuần nhất hơn. Về phương diện thực tế, phải chăng đó là một kết quả tương đối mỹ mãn và rút cuộc đỡ bất công hơn là kết quả đưa tới chỗ dễ cho một đảng kém quan trọng được đóng vai trò trọng tài giám định giữa hai đảng, điều có thể xảy ra, nếu các ghế trong viện phân chia thực đúng số phiếu phân chia giữa cử tri ?

Cách thức đầu phiếu trên còn sinh ra kết quả khác nữa, là khiến cho đa số có thể thay đổi dễ dàng trong các cuộc tổng tuyển cử. Một số phiếu tương đối kém có thể thay đổi hẳn vị trí của các đảng, trong khi cách thức đầu phiếu theo tỷ lệ, trái lại, khiến cho nghị viện ở mãi một trạng thái bất định. Cái thể luân phiên của lưỡng đảng nước Anh, đảng này cầm quyền thì đảng kia đối lập, chính là do cách thức đầu phiếu theo đa số trên phát sinh ra vậy.

Tuy nhiên, không nên quá thiên mà cho rằng cách thức đầu phiếu trên là thập phần mỹ mãn, và cách thức ấy đem áp dụng ở nước nào cũng gây nên kết quả hay như tại nước Anh. Thực ra, nhờ có truyền thống và tính chất đặc thù của người Anh, nên nước Anh mới có thể có được cuộc sinh hoạt chính trị với diện mạo và tiết điệu hiện nay.

Tuy không tệ nhị bằng người Pháp, người Anh thực tế hơn và nhất là cụ thể hơn, nên họ không nề hà trong việc lựa chọn một số đảng ít mà mạnh. Song giữa các đảng chính trị đối lập nhau, vốn sẵn có sự thỏa thuận căn bản trên một lập trường triết lý

và một quan niệm về sinh hoạt chính trị và xã hội.

Các đảng đối lập nhau, là đối lập về « ê-kíp », về phương thuật, về chương trình khác nhau, chứ không phải về triết lý, về tín ngưỡng căn bản khác nhau. Tại nước Anh, đầu phiếu có nghĩa là thuận hay chống chính sách quốc hữu hóa, hoặc chính sách thuế khóa, chứ không có nghĩa là biểu dương một tín ngưỡng, một lý tưởng. Trong mỗi kỳ tổng tuyển cử, mục tiêu tranh cử không phải là đề đạt tới chỗ thực hiện nguyên tắc dân chủ, nhân quyền, hoặc chủ nghĩa duy vật hay chủ nghĩa lý tưởng.

2.) Chức năng của hai viện

Chức năng của nghị viện phân ra hai loại : một loại về hành sử quyền lập pháp, một loại về kiểm soát chính sách của nội các. Tuy nhiên khi hành sử các quyền trên, vai trò của hai viện hơn kém khác nhau rất xa. Nhất là từ khi ban hành đạo luật Parliament Act năm 1911.

a) Quyền lập pháp.— Cách phân chức năng hành sử quyền lập pháp rất phức tạp. Sáng quyền pháp luật, nghĩa là quyền đề nghị luật, vừa thuộc về Hoàng triều tức là nội các, vừa thuộc về nghị viện (1).

Trái lại, quyền khả quyết hay quyền thông quá luật, lại thuộc nguyên có nghị viện. Nhưng chỉ hạ nghị viện mới có quyền quyết định hẳn. Quyền của quý tộc viện trước kia tương tự quyền của hạ nghị viện, từ sau đạo

luật Parliament Act năm 1911, giảm đi rất nhiều.

Ở đây, ta cần phải phân biệt giữa các money bills, tức là các luật về tài chính với các luật thường.

Đối với các money bills, việc của quý tộc viện chỉ là đăng ký, biên chép vô sở. Khi quốc nhận một money bill đã được hạ nghị viện thông quá, quý tộc viện có Quyền « hãm » lại trong một tháng đã hạn đó, nếu quý tộc viện không. Hơn thuận chấp thuận dự luật đã đưa tại nghị viện biểu quyết vẫn được đệ, lên nhà vua thừa chuẩn và trở thành đạo luật thật sự. Money bill là dự luật về các khoản chi thu của Nhà Nước. Trong trường hợp không rõ rệt khiến khó phân biệt dự luật có phải money bill hay không, chỉ vị speaker (tức là vị chủ tịch hạ nghị viện) mới có quyền phán quyết.

Đối với các dự luật khác, nghĩa là đối với hầu hết các bản văn lập pháp, quyền của quý tộc viện được rộng rãi hơn, nhưng không vượt quá một thứ quyền phủ quyết có tính chất hữu hoãn, nghĩa là tạm ngưng. Theo nguyên tắc, những dự luật ấy phải được quý tộc viện tán đồng, nhưng nếu hạ nghị viện khả quyết một bill thông luôn ba khóa hội, thì sự chấp thuận của quý tộc viện không cần thiết nữa, và có thể đệ trình nhà vua xin thừa chuẩn để ban bố thành luật.

(1) Thật ra, hiện nay, chỉ những dự luật do nội các đệ trình mới được xem xét. Thực tế, chính phủ giữ độc quyền sáng quyền pháp luật.

Ngoài ra, vẫn có sự hăm dọa của hạ nghị viện đối với quý tộc viện vì quyền «*lừa*» người vào trần ngập quý tộc viện, nhưng hạ nghị viện vì có nhiều phương tiện khác để đối phó với sức đề kháng của quý tộc viện, nên không phải cần đến biện pháp này lắm nữa.

Việc ban hành luật thuộc về nhà vua, nghĩa là thuộc về hành pháp. Dự luật (*bill*) do hai viện thông quá chỉ trở thành đạo luật chấp hành khi nào được nhà vua thừa chuẩn. Nhưng theo qui tắc cổ truyền từ gần hai thế kỷ nay, tất cả các *bills* do hai viện thông quá đều được nhà vua thừa chuẩn cả.

b) Quyền kiểm soát nội các.— Ngoài quyền lập pháp, hai viện còn có một loại quyền cốt thiết khác — cốt thiết trong chế độ nghị viện — đó là kiểm sát hành vi của quyền hành pháp, và làm thời, bắt buộc nội các phải từ chức. Về điểm này, từ lâu, quý tộc viện không còn được quyền hành rộng rãi như hạ nghị viện. Chỉ hạ nghị viện mới có thể bắt buộc nội các phải từ chức và muốn cầm quyền, chính phủ chỉ cần được tín nhiệm của viện này là đủ.

Thế thức kiểm soát nội các của hạ nghị viện thường làm bằng cách thảo tấu nghị đáp từ, chất vấn, thảo luận một kiến nghị phê bình. Còn khi hạ nghị viện muốn tỏ ra không tín nhiệm nội các, thì họ thường biểu quyết khước từ ý kiến của nội các, hoặc biểu quyết

một kiến nghị phê bình hay bất tín nhiệm.

c) Các chức chương khác.— Ngoài hai loại quyền trên, hai viện còn có một quyền nữa thuộc phạm vi tư pháp. Trước hết do thủ tục impeachment, hạ nghị viện có thể tố cáo trước quý tộc viện các vị tổng trưởng, song hiện nay trách nhiệm về hình luật của các vị tổng trưởng không còn thành vấn đề, và các vị ấy chỉ còn có trách nhiệm về chính trị mà thôi. Thứ nữa, quý tộc viện có những quyền hạn về tư pháp đối với các vấn đề thuộc thường luật, khiến viện này trở thành một thứ tối cao pháp viện. Sau hết, hạ nghị viện cũng có thẩm quyền tài phán, khi xét xử các việc có liên hệ đến đặc quyền của viện (*Breaches of privileges*).

3.) Nhiệm kỳ của hai viện

Từ khi ban hành đạo luật Parliament Act, nhiệm kỳ của hai viện trước định là bảy năm, rút xuống còn năm năm. Nhiệm kỳ này có thể được triển hạn khi cần thiết (chẳng hạn trong thời kỳ chiến tranh). Trong tình trạng bình thường, nhiệm kỳ trên còn rút ngắn hơn nữa bằng thủ tục giải tán, sẽ bàn trong một số sau.

HOÀNG-MINH-TUYNH

biên khảo

KỶ TỐI : Về vua và các vị tổng trưởng.
Về liên hiệp Anh.

Danh-ngôn, danh-lý trong số này quy về ý chính :

LẠC QUAN

VAI TƯỜNG CÁN BỘ HỢP TÁC XÃ

PHAN-VĂN-TRÍ



ÉT lại quá trình phát triển của phong trào hợp tác xã ở Việt-Nam, từ khi nước nhà được độc lập, về LƯỢNG, phong trào

đã phát triển mạnh mẽ. Nhờ sự nâng đỡ của chính quyền về mặt tài chánh cũng như chuyên môn, các hợp tác xã đủ loại thuộc phạm vi nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, kỹ nghệ và tiểu thủ đã được thành lập khắp nơi.

Tuy nhiên, nếu người ta chỉ chú trọng phát triển phong trào về lượng để rồi quên mất phần PHẠM của nó — một phần cần được đi đôi với LƯỢNG — thời sớm hay muộn, nếu phong trào không đi tới thất bại, cũng sẽ bị bộn đầu cơ, trực lợi đem tới lạc hướng.

Thử giải đáp vài câu hỏi sau đây, ta sẽ thấy sự cần thiết của vai tước cán bộ.

1.— Ai sẽ là người trực tiếp phụ trách phát động phong trào về LƯỢNG cũng như về PHẠM ?

2.— Ai sẽ là những phần tử đầu tiên xung phong đi truyền bá tư tưởng hợp tác xã trong thôn dân ?

Ở những nước tiền tiến,

Ở những xứ sở đã có một trình độ giáo dục hợp tác xã khá cao,

Ở những quốc gia mà phong trào hợp tác xã đã tiến mạnh, thời chính người dân với tinh thần yêu chuộng hợp tác xã, sẽ đồng thời là hậu thuẫn của phong trào, là cò động viên cho những hợp tác xã sắp thành lập và cũng là *cán bộ không công*, hy sinh để hướng dẫn và truyền bá phong trào sâu rộng trong quần chúng.

Nhưng ở những quốc gia mà phong trào hợp tác xã hãy còn trong thời kỳ ấu trĩ, người dân chưa hiểu biết

mục đích và nguyên tắc của phong trào; chưa nhận định sự rõ rệt, sự ích lợi của giải pháp hợp tác xã trong công cuộc giải phóng con người khỏi sự áp bức của tư bản, chưa từng nghe nói tới khối đại gia đình hợp tác xã với thành phần trên 40 quốc gia hội viên lập thành một « Liên Minh Hợp Tác Xã Quốc Tế », và cũng chưa từng chứng kiến những thành công rực rỡ mà nhiều đơn vị hợp tác xã đã thực hiện trên nhiều quốc gia, thời có lẽ nhiều người sẽ đồng ý với chúng tôi và đồng thanh giải đáp hai câu hỏi trên kia với ba tiếng gọn ghẽ : « NGƯỜI CÁN BỘ ».

Cán bộ là nhân viên của Chính phủ, đào tạo do Chính phủ, đề phụ trách trực tiếp hướng dẫn và phổ biến phong trào hợp tác xã trong nhân dân.

Cán bộ thủ một vai trò quan trọng và cần thiết của phong trào. Cán bộ là một gạch nối liền giữa nhân dân với Chính phủ. Nhìn qua việc làm của cán bộ với phong trào hợp tác xã, người dân có thể thấu hiểu Chính phủ được phần nào, có thể đọc được tư tưởng ở Chính phủ đang ân cần lo lắng cho dân như thế nào.

Cũng vì những lý do trên, Chính phủ, trong chương trình chấn hưng kinh tế, cũng đã đào tạo được nhiều cán bộ hợp tác xã.

Tháng 6 năm 1956, Sở Hợp tác xã Lúa Gạo thuộc Bộ Cải Cách Điền Địa, đã tổ chức một lớp huấn luyện cán bộ hợp tác xã tại trường

Nông Lâm Mục, Blao. 44 cán bộ Cải Cách Điền Địa thuộc các tỉnh Trung và Nam phần đã tới dự. Sau khi mãn khóa, 20 người đã được chuyển sang phục vụ các hợp tác xã Lúa Gạo. Số còn lại hiện đang mong chờ một ngày nào sẽ được dịp đem áp dụng sự học hỏi của mình trong công cuộc khuyến khích phong trào hợp tác xã ở nước nhà.

Huấn luyện và xử dụng người cán bộ

Vấn đề huấn luyện cán bộ thật rất cần, nó đòi hỏi ở các cấp lãnh đạo, ở các chuyên viên hợp tác xã, và ở cả các cán bộ đã từng phục vụ các hợp tác xã, nhiều cố gắng, nhiều kinh nghiệm, nhiều hy sinh và sáng suốt trong việc thiết lập các chương trình huấn luyện, trong nhiệm vụ soạn thảo các bài vở học tập chuyên môn về mặt lý thuyết cũng như thực hành, và trong sứ mệnh tổ chức và điều hành các lớp huấn luyện. Nói tóm lại, phải làm sao để đào tạo được nhiều cán bộ ưu tú đủ tư cách, đủ khả năng, và có nhiều thiện chí để phục vụ, thì phong trào hợp tác xã mới mong phát triển được đều hòa và vững chắc, về PHẠM cũng như về LƯỢNG, như đã nhấn mạnh ở đoạn trên.

Nếu chúng ta đã nhận định vấn đề huấn luyện cán bộ là cần, thời sau đây, ta sẽ thấy vấn đề xử dụng người cán bộ sẽ rất cần hơn.

Vậy xử dụng cán bộ cho đúng **LÚC**, đúng **CHỖ** và đúng với *nguyên* *nguyên* của cán bộ, đây sẽ là một nghệ thuật của cấp lãnh đạo.

Sau khi đào tạo cán bộ, ta cần phân phối họ ngay vào những địa điểm phù hợp với khả năng, với kinh nghiệm địa phương của mỗi cá nhân.

Nếu đào tạo một cán bộ để rồi cả năm sau mới dùng họ, hoặc để họ phục vụ một công tác nào khác, thời bao nhiêu điều họ học hỏi sẽ mờ dần trong trí nhớ, tổn ngân quỹ quốc gia vô ích, mà uổng cả công trình huấn luyện của các chuyên viên nữa.

Chúng tôi xin phép trích đoạn thơ của một anh em cán bộ để chúng ta quan niệm thêm sự cần thiết của vấn đề xử dụng cán bộ đúng **LÚC** và đúng **CHỖ**.

... « Từ ngày học ở Blao về, chúng tôi mãi hy vọng sẽ được tuyển dụng làm việc và chắc được hưởng lương hưởng khá hơn.

Mộng ấy chưa thành đạt, thì chúng tôi phải từ cán bộ Cải cách Điền địa chuyển sang Công Dân Vụ, lương hưởng lại sụt xuống nữa... »

Vấn đề xử dụng người cán bộ đúng **CHỖ** cũng rất cần. Có những anh em cán bộ đã từng sống nơi tỉnh nhà quen với phong tục, hiểu biết địa thế, thường tiếp xúc với nhiều người, đã từng sống dưới mái gia đình êm ấm và đã phù hợp với khí hậu địa

phương. Nếu không được xử dụng đúng chỗ, người cán bộ sẽ gặp nhiều trở ngại trên đường phục vụ phong trào, sẽ chán nản khi phải xa gia đình, khi gặp những người mới lạ chưa từng hiểu biết mình... và sẽ xao nhãng nhiệm vụ người cán bộ khi sức khoẻ bị sa sút vì không hợp với khí hậu địa phương mới.

Kiểm soát người Cán Bộ

Kiểm soát trong tinh thần xây dựng với một chính sách mềm dẻo, vừa được việc mà vừa đắc nhân tâm, đây mới là nghệ thuật của người kiểm soát. Cái lối kiểm soát phong kiến, lối thời, ý quyền thế cấp trên đè đàn áp nạt nộ cấp dưới, không những thất nhân tâm, mà kết quả thường thường là thất bại.

Chê một người cán bộ trước mặt mọi người rằng họ dở, không đủ khả năng, họ thiếu tinh thần trách nhiệm... tức là diệt hết ý muốn cải tiến của họ. Nên áp dụng phương pháp ngược lại, nghĩa là khuyến khích họ nhiều và tỏ ra tin tưởng là khả năng của họ có thể đủ để tránh những khuyết điểm về sau, thời người cán bộ, dầu có dở thật, cũng sẽ cố gắng tự cải tiến để thỏa mãn lòng tin tưởng của người kiểm soát.

Đây tôi xin phép nêu ra một mẩu chuyện : « Nhân dịp nghỉ hè cuối niên học 1955, tôi được gởi đi tập sự ở hợp tác xã giữa trung tâm đô thị Sydney. Một buổi sáng cuối tuần, tôi theo kiểm soát viên tới thăm một hợp tác xã bán trái cây cách Sydney lối 20 cây số trên đường thủ đô Canberra. Tôi nơi, ông chào hỏi mọi người,

hỏi sơ qua tình hình hoạt động trong tháng, rồi trên nét mặt vui tươi, ông chào cán bộ, vào văn phòng giám đốc, có ý đề giải thích về hậu quả của sự trễ nãi trong việc gọi phúc trình công tác hàng tuần về Trung ương. Cán bộ vừa bước vào, ông chỉ ghế mời ngồi, yêu cầu cán bộ cho biết lý do về sự chậm gọi phúc trình của anh, rồi ông điềm đạm giúp anh giải quyết những thắc mắc và nhỏ nhẹ khuyên anh nên tôn trọng kỷ luật và cố làm tròn sứ mệnh đã được giao phó. Nghệ thuật kiểm soát của ông khiến người cán bộ phải kính phục, vui vẻ nhận lỗi mình và hứa sẽ giữ tròn phận sự từ đây ».

Tập hợp các cán bộ

Công việc đào tạo người cán bộ có đủ tư cách, đủ khả năng và kinh nghiệm chuyên môn, không thể thực hiện ngay sau một khóa huấn luyện, dẫn thời gian đào tạo ấy ngắn hay dài. Những công tác của người cán bộ trong thời gian ở hợp tác xã sẽ giúp ta xác định tư cách và khả năng của đương sự. Sau một giai đoạn giúp việc ở các hợp tác xã, anh em cán bộ cần được tham dự các lớp nghiên cứu bồi túc chuyên nghiệp. Mỗi tháng các cán bộ nên được hội họp tại trung ương hoặc một địa điểm nào khác, trình bày chung những kinh nghiệm thu thập và những trở ngại vấp phải trên đường phục vụ của từng người ở mỗi địa phương, đề trao đổi ý kiến, giúp nhau giải đáp những vấn đề thắc mắc và đề lãnh hội thêm sự hướng dẫn của trung ương.

Nha hợp tác xã với trách nhiệm đào tạo cán bộ

Trong công cuộc cải tổ bộ Kinh tế do nghị định số 356-BKT/NC/NĐ ngày 25 tháng 6 dl. năm 1957, Phó Tổng Thống đã không quên thành lập một Nha Hợp tác xã. Đặt dưới quyền điều khiển của một giám đốc, nha này gồm có bốn sở và một phòng :

- 1.— Sở pháp chế, tổ tụng và tuyên nghiên huấn,
- 2.— Sở chương trình kế toán và kiểm soát,
- 3.— Sở hợp tác xã lúa gạo,
- 4.— Sở hợp tác xã nông sản khác, và
- 5 — Phòng hợp tác xã tiêu thụ.

Sở pháp chế tổ tụng và tuyên nghiên huấn được chia làm hai phòng :

- a) Phòng pháp chế tổ tụng.
- b) Phòng tuyên nghiên huấn.

Như thế từ nay chúng ta đã đặc biệt có một phòng tuyên nghiên huấn đề chuyên lo sưu tầm và nghiên cứu các tài liệu chuyên môn thuộc phạm vi phong trào hợp tác xã, quốc tế, quốc nội, đề phổ biến cho nhân dân.

Yếu tố căn bản của công cuộc phổ biến phong trào hẳn phải là vấn đề « NGƯỜI », mà người cần thiết đề trực tiếp và thường xuyên giải thích về mục đích, ích lợi, nguyên tắc, phương pháp thành lập và điều hành hợp tác xã hẳn phải là « CÁN BỘ ».

Nói đến người, ai chẳng là người, nói đến cán bộ, thời rất nhiều thanh niên Việt-Nam sẽ có thể là cán bộ. Còn nói đến người cán bộ đủ tư cách, khả năng và tinh thần phục vụ, việc ấy hoàn toàn đòi hỏi ở kinh nghiệm chuyên môn, ở trí sáng suốt, ở đức công bằng, nói tóm lại ở cả một chương trình huấn luyện đầy đủ được soạn thảo do phòng tuyên nghiên huấn, trong sứ mệnh đào tạo cán bộ để phục vụ phong trào, tức là để thi hành các chương trình hoạt động được thiết lập do Nha hợp tác xã trung ương, và cũng để chuyển đạt nguyện vọng của người dân lên Chính phủ.

Kết luận

Từ trước đến nay biết bao nhiêu người phụ trách lãnh đạo các tổ chức trong xã hội loài người, ít ai đã tránh khỏi những trở ngại ban đầu. Phong trào hợp tác xã ở Việt Nam cũng đã cùng chung một số phận, tuy nhiên những khó khăn ấy chỉ là những dịp để ta

rèn luyện đức kiên nhẫn và đề ta nung đúc trí quật cường trong công cuộc phát triển phong trào. Bằng cơ là từ ngày thành lập chế độ Cộng Hòa, phong trào hợp tác xã, về LƯỢNG đã khả quan, còn về PHẠM, nếu chúng ta khởi sự từ ngay bây giờ, tôi thấy vẫn chưa muộn.

Xét lại quá trình hoạt động của phong trào hợp tác xã bên Anh-Cát-Lợi, trên 20 năm chìm nổi cả một thế hệ OWEN hoàn toàn thất bại, kể đến thế hệ các nhà tiên phong xẹp tác hã Rốc-dên (Rochdale) với những nhà lãnh đạo có đủ thiện chí như Charles Howard và William Cooper, họ vẫn gây lại được phong trào cho tiền đồ xừ sở.

Họ thủ vai tiên phong mà còn thành công rực rỡ, huống chi ta đóng vai *nối chí*, đã có một hệ thống, một chánh sách, một phương pháp vạch sẵn để noi theo, không lý nào ta lại chịu thất bại sao.

Vậy thành công ít hay nhiều, còn tùy ở trình độ hiểu biết và tinh thần ủng hộ hợp tác xã của *nhân dân*, mà sự hiểu biết ấy, tinh thần ấy, nếu có, hẳn phải nhờ ở ảnh hưởng của các cấp lãnh đạo và **CÁN BỘ** hợp tác xã. Vậy cán bộ thủ một vai tưởng rất cần thiết của chương trình giáo dục về **PHẠM** phong trào do phòng tuyên nghiên huấn sẽ phụ trách gần đây.

NHẠC MỚI

Chúng tôi vừa nhận được nhạc phẩm **TRỞ VỀ TÒ ẤM (La Paloma)**, nhạc của Yradier. Lời ca của **Nguyễn-huy-Hiền**, do ông **Nguyễn-huy-Hiền** gửi tặng.

Xin cảm ơn ông Hiền và trân trọng giới thiệu cùng các bạn yêu nhạc.

BÁCH KHOA

PHAN-VĂN-TRÍ

VẾT NÚT RẠN ĐẦU TIÊN
CỦA CỘNG SẢN QUỐC TẾ:

VỤ TI-TÔ

(Biển cổ trọng đại nhất của C.S. thời hậu chiến)

VŨ - THỪA - CHI

CHƯƠNG THỨ TƯ

CỘNG SẢN QUỐC TẾ ĐÃ THẤT BẠI NHƯ THẾ NÀO ?



HO đến đây, người viết đã giữ một thái độ hoàn toàn khách quan, đã dựa vào những sử liệu chính xác để diễn lại một cách vô tư vụ án lịch sử Ti-Tô.

Bây giờ trên lập trường tự do, chống Cộng, ta hãy nhận định lại biến cố lịch sử ấy, rút ra những kết luận thích đáng.

Vụ Ti-Tô cho ta thấy những gì ?
Cộng sản là kẻ thù của Độc lập,
Dân chủ, Tự do.

Chúng ta không muốn lý-luận, chỉ thấy sự thật trong vụ này mà chứng minh.

Qua những hành động của Nga-sô, ta phải nhận rằng Cộng sản quốc tế thực hiện một chương trình nô lệ hóa các đảng, các nước Cộng sản chư hầu.

Các hiệp ước kinh tế thương mại, chương trình kinh tế chung của khối Cộng chỉ có ý nghĩa đặt Nga-sô ở một địa vị chúa tể, nắm chặt yết hầu của các nước lệ thuộc, vơ vét, bóc lột tài nguyên của họ, rồi dựa vào sự nghèo đói, yếu hèn về kinh tế ấy mà dẫn dắt tất cả vào đường lối chính trị thôn tính thế giới của Nga-sô.

Các hiệp định, thỏa ước quân sự của Cộng sản quốc tế, nhằm hai mục tiêu xa

và gần. Mục tiêu xa và cũng là đề tài tuyên truyền chính thức của Cộng sản quốc tế, là chuẩn bị lực lượng đổ vào trận đại chiến, thế tất phải có giữa hai phe Dân chủ và Cộng sản. Mục tiêu gần và hết sức quý quyết là biến các lực lượng vô trang của chư hầu thành bộ phận phụ thuộc của Hồng-quân Nga. Như thế, Nga vừa có thể sử dụng các lực lượng ấy cho đường lối chính trị xâm lược của mình, vừa yên tâm, không phải lo ngại về sức phản ứng của chư hầu, kiểu Ti-Tô, chống ách thống trị Cộng sản quốc tế.

Phòng Thông Tin Đế tam quốc tế chỉ là một công cụ của Nga để áp bức, uốn nắn các đảng Cộng sản chư hầu cho thành thực, ngoan ngoãn, để dựa vào số đông đập tắt những xu hướng đi chệch ra ngoài đường lối chính trị của Nga-sô (như việc Nga dùng Phòng Thông Tin làm áp lực đối với Nam-Tur).

Trong vụ Ti-Tô, các đảng Cộng sản Đông Âu đã tỏ ra một thái độ phục tùng đến khiếm nhục, thay vì thấy ở đây một lối thoát mới, họ đã nhắm mắt vâng lời Nga-sô để chặn đứng ở Nam-Tur và ở ngay chính họ, sự phản ứng tất nhiên phải có của kẻ bị trị.

Trong sự trạng nói trên, rõ ràng là nguyên tắc Dân tộc tự quyết được ghi ở bản hiến chương Liên hiệp quốc bị chà đạp, rõ ràng là với Cộng sản, không thể có Độc lập, Dân chủ, Tự do.

Cộng sản là một tà thuyết phi nhân

Đó là điều nhận định thứ hai của ta.

Thử nhìn những sự việc cụ thể. Các đảng viên Cộng sản Nga cùng đảng viên Cộng sản Nam-Tur vốn tự nhận đồng chí hướng. Thế mà giữa họ diễn

ra ngấm ngấm cuộc chiến tranh gián điệp. Đảng viên Cộng sản Nga đến tổ chức và trao công tác điều tra, báo cáo những điều cơ mật, trong hàng ngũ đảng Cộng sản Nam-Tur, vận động lôi kéo, chia rẽ nội bộ đảng Nam-Tur.

Rồi thì, trong khi trên lý thuyết, Cộng sản luôn luôn rêu rao vấn đề « tự nguyện giác ngộ cách mạng », các đảng Cộng sản tìm mọi cách hèn hạ nhất để áp bức, đè nén kẻ không cùng tư tưởng với mình, chứng minh là cuộc chiến tranh nguội của Phòng Thông Tin Cộng sản nhằm bao vây, đánh đổ nhóm Cộng sản ly khai Ti-Tô.

Một sự việc nữa mà vụ Ti-Tô phơi trần là sự căm hờn của Cộng sản quốc tế đối với các xu hướng yêu Tổ quốc, yêu Tự do. Mưu toan thẳng tay bóp chết những xu hướng thiêng liêng ấy, Cộng sản quốc tế đã bộc lộ bản chất của mình rõ ràng là thù nghịch với những điều vốn là những thiên hướng của con người.

Thái độ của Cộng sản quốc tế trong vụ Ti-Tô còn cho ta thấy một cái gì gần như quy luật của Cộng sản, — cái mà họ thường gọi là kỷ luật sắt — đó là : phải luôn luôn phục tùng, nhắm mắt phục tùng lợi ích tối cao của Cộng sản quốc tế, chống lại thì không chỉ bị gạt ra ngoài, còn bị đánh đổ, bóp chết một cách lạnh lùng không tiếc thương.

Chủ nghĩa Cộng sản với những tính chất như thế, với những đường lối, thủ đoạn như thế, rõ ràng chống nghịch với nhân phẩm, nhân quyền và nhân đạo, là một tà thuyết phi nhân vậy.

Vụ Ti-Tô không chỉ hiển cho ta những nhận định trên.

Nó còn phơi trần một tình trạng khủng hoảng của Cộng-sản quốc-tế.

Khủng hoảng về tổ chức

Đảng Cộng sản Nga-sô thường tự nhận là tổ chức chính trị cách mạng siêu đảng, làm gương mẫu cho các đảng Cộng sản khác về đường lối chính trị cũng như phương thức hoạt động.

Nga-sô luôn luôn đề cao ưu thế tinh thần này với mục đích lấy đây làm phương tiện diệt trừ phản động lực quốc gia, cột chặt các đảng Cộng sản vào vòng lệ thuộc của mình.

Việc giải tán Đệ tam quốc tế thời Đại chiến và thành lập Phòng Thông Tin Cộng sản sau này chỉ là những chiến thuật. Thật ra bao giờ Đảng Cộng sản Nga cũng cố gắng nắm chặt vai trò lãnh đạo duy nhất và tối cao của mình.

Theo tinh thần ấy, Đảng Cộng sản Nga đã nghiêm khắc kết án Đảng Cộng sản Nam-Tur và buộc các đảng Cộng sản khác hưởng ứng quan điểm của mình.

Nay sự thật đã chứng tỏ rằng Đảng Cộng sản Nam-Tur với đường lối chính trị khác, với phương thức hoạt động khác, vẫn đứng vững và thắng lợi trong cuộc tranh chấp Nga-sô — Nam-Tur, và Đảng Cộng sản Nga đã chính thức, công khai thừa nhận rằng Đảng Cộng sản Nam-Tur vẫn đi đúng đường.

Do đó, Đảng Cộng sản Nga bị đặt vào một tình trạng mâu thuẫn : Đảng Cộng sản Nga cần nắm giữ ưu thế tinh thần để lãnh đạo các đảng khác, mà cũng cần thay đổi quan hệ giữa mình và các đảng khác để giữ vững hàng trận, trong khi đó thì hai nhu cầu này tương phản, hạn chế lẫn nhau, và cũng không có cái gì bảo đảm rằng các đảng khác sẽ

không lần lượt tìm con đường riêng thích hợp.

Một tình trạng khủng hoảng về tổ chức Nga-sô chưa bao giờ gặp, mà hậu quả tất yếu là vai trò « chí tôn » của Đảng Cộng sản Nga hay Bôn-sơ-vít, lu mờ dần.

Khủng hoảng về lý thuyết

Cho đến ngày nổ ra vụ Ti-Tô, Nga-sô luôn luôn tự nhận vai trò lãnh đạo thế giới Cộng sản về mặt tư tưởng.

Bộ máy tuyên truyền của Cộng sản quốc tế luôn luôn nhắc đi nhắc lại rằng các chính sách, chủ trương của Nga-sô phản chiếu sát đúng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lê. Và các đảng Cộng sản thế giới phải luôn luôn tự kiểm thảo chính sách chủ trương của mình dưới sự soi sáng của lập trường, quan điểm Nga Cộng.

Mà khuôn rập về tư tưởng có nghĩa là chịu sự chi phối của Đảng Cộng sản Nga về tư tưởng, là nhận vai trò nô lệ tinh thần.

Đây là bí quyết sức mạnh của Nga-sô. Tình hình này làm cho các đảng Cộng sản thế giới, dù muốn dù không, chấp nhận một sự thật : trung thành với Nga-sô tức trung thành với chủ nghĩa Cộng sản mà Đảng Cộng sản Nga tiêu biểu, hay nói cách khác, không thể bảo rằng chống lại Nga-sô mà trung thành với chủ nghĩa Cộng sản được.

Nhưng nay đảng Cộng sản Nam-Tur lại chống Nga-sô mà vẫn tuyên bố trung thành với chủ nghĩa Cộng sản. Hơn thế, Nam-Tur lại dám quan niệm, diễn dịch những nguyên lý Mác-Lê theo ý riêng của mình. Và cuối cùng, Nam-Tur vẫn được thừa nhận là không trái nghịch với lý tưởng Cộng sản.

Sự kết thúc bất ngờ của vụ Ti-Tô có sức mạnh của trận cuồng phong làm đảo lộn tất cả quan niệm, ý thức của các đảng Cộng sản khác.

Một vấn đề trọng đại và mới mẻ được đặt ra trong tư tưởng mọi người : soát xét lại các giá trị tinh thần mà Đảng Cộng sản Nga-sô tiêu biểu từ trước đến nay.

Một nhu cầu ám ảnh, thúc đẩy mọi đảng : kiểm điểm lại nhận thức của mình về chủ nghĩa Cộng sản.

Như vậy, ta thấy rằng hàng ngũ Cộng sản quốc tế đang bị giao động mạnh mẽ.

Do vụ Ti-Tô mà các đảng Cộng sản, kể cả đảng Cộng sản Nga, đang ở tình trạng mất phương hướng.

Sức mạnh chính cấu kết, trói buộc các đảng Cộng sản với nhau, chủ nghĩa Cộng sản bắt đầu suy yếu vậy.

Khủng hoảng về tổ chức và về lý thuyết nằm trong một phạm vi : sự khủng hoảng của ý thức hệ Cộng sản (idéologie).

Khi nhớ rằng ý thức hệ là cơ cấu nền tảng của mọi phong trào tư tưởng, ta phải nhận rằng Cộng sản quốc tế bắt đầu suy yếu, xuống dốc.

Thất bại của Cộng sản quốc tế, do đó, hết sức nặng nề trong vụ Ti-Tô vậy.

CHƯƠNG PHỤ LỤC

CÓ CỘNG SẢN « QUỐC GIA » HAY KHÔNG ?

hay là

MỘT NHẬN ĐỊNH CẦN THIẾT

Tài liệu này sẽ thiếu sót, nếu ta không dành ít phút suy nghiệm về sự thắng lợi của Ti-Tô và đảng Cộng sản Nam-Tur.

Vì vấn đề này rất quan trọng : phải chăng có Cộng sản « quốc gia » ?

Muốn trả lời câu hỏi này ta phải phân tích những nguyên nhân thắng lợi của Ti-Tô và đảng Cộng sản Nam-Tur.

Theo chúng tôi, có hai nguyên nhân :

1-) **Hậu thuẫn của nhân dân Nam-Tur trong công cuộc chống Đức rồi chống Nga.**

Lịch sử chứng tỏ rằng nhân dân Nam-Tur có một tinh thần yêu nước rất mãnh liệt. Suốt 4 năm trời bị phát xít Đức chiếm đóng đất nước, tinh thần ấy càng bị nung nấu, kích thích. Chính Đức cũng bị bức tức rằng không ở đâu như Nam-Tur,

quân đội Đức trong thời gian dài chiếm đóng, bị quấy rối, tiêu mòn bởi những quân du kích nằm trong lòng nhân dân. Đền trừng phạt, chúng thắng tay tàn sát. Một ví dụ : tại Kragoulevats, chúng giết 6000 thường dân trong đó có trọn một lớp học gồm thiếu nhi trên dưới 15 tuổi và các ông giáo sư già. Tội ác của chúng lại làm cho nhân dân thêm quyết tâm kháng chiến.

Trong hoàn cảnh ấy, Ti-Tô và phe nhóm đứng lên tổ chức nhân dân tranh đấu vũ trang chống xâm lược.

Phát-xít Đức quyết giữ yên hậu phương nên không bố, đàn áp dã man và không ngừng.

Suốt bốn năm trời, phe Ti-Tô kiên quyết chiến đấu với một chánh sách mà tình thế bắt buộc phải theo đúng là : kháng

chiến. Nhân dân Nam-Tur ủng hộ họ là việc dễ hiểu vậy.

Đến khi đất nước Nam-Tur vừa được giải phóng thì nhân dân Nam-Tur phải đương đầu ngay với một nguy cơ khác : Nga-sô với chính sách xâm lược, với uy thế của cường quốc chiến thắng. Kẻ thù đã thay đổi nhưng nguy cơ của quốc gia có phần trầm trọng hơn là khác vì Nga-sô quỷ quyệt, sâu độc hơn phát xít Đức. Trong hoàn cảnh này thì Ti-Tô và Đảng Nam-Tur chống Nga-sô. Sự chống nghịch này có tính cách ăn khớp với lập trường chống Nga xâm lược chính trị, kinh tế của nhân dân, nên nhân dân Nam-Tur làm hậu thuẫn cho Ti-Tô.

Như vậy, ta thấy hai điều. Một là nhân dân Nam-Tur ủng hộ Ti-Tô và phe nhóm, trước chống Đức, sau chống Nga, vì họ yêu nước hơn là có cảm tình với Cộng sản quốc tế, vì hoàn cảnh đặc biệt của Nam-Tur buộc Cộng sản, muốn tồn tại, phải đặt đường lối dân tộc lên trên tất cả. Hai là sự ủng hộ của nhân dân Nam-Tur vô hình trung có điều kiện hẳn hoi : vì quốc gia dân tộc. Khi nguy cơ chung của dân tộc giảm nhẹ đi rồi thì nhân dân tất có thái độ với chính sách, chủ trương Cộng sản quốc tế.

2.) Sự nâng đỡ của thế giới tự do.

Khi bị khai trừ khỏi hàng ngũ Cộng sản quốc tế, Nam-Tur đã quay lại Tây phương. Trong tám năm trời, bị Nga-sô và các nước Cộng sản láng giềng tuyệt giao, bao vây, phong tỏa kinh tế, Nam-Tur đã được các nước dân chủ giúp đỡ rất nhiều. Nam-Tur đã giao thương với Anh, Mỹ, Pháp, Thụy-điển, Thụy-sĩ v.v..., đã được Mỹ giải tỏa cho số vàng mà chính phủ hoàng gia Nam-Tur giữ tại Mỹ năm 1941. Tính số tiền Tây phương viện trợ cho Nam-Tur đến 2 tỷ mỹ kim, nghĩa là 700 tỷ phật lạng theo thời giá.

Sự nâng đỡ của thế giới tự do ảnh hưởng hai mặt : một đằng, Nam-Tur có thể dựa vào đó, kết hợp với sự nỗ lực chủ quan, mà tồn tại, chịu đựng thử thách. Mặt khác, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Nam-Tur cũng do đó mà đơm ít nhiều tính chất nhân nhượng, chưa hẳn sắc mùi Cộng sản. Ví dụ : Nam-Tur đã đóng cửa biên giới Hi-lạp, cắt đứt liên hệ với đảng Cộng sản Hi-lạp.

Sự nâng đỡ của thế giới tự do cũng là một yếu tố quan trọng giúp cho Nam-Tur thắng lợi vậy.

Phân tách những nguyên nhân đưa Ti-Tô và Đảng Cộng sản Nam-Tur đến thành công như vậy, ta trở lại câu hỏi : có Cộng sản « quốc gia » hay không ?

Ở đây, ta thêm một câu hỏi nữa : phải tiếp nhận thắng lợi của Nam-Tur như thế nào cho đúng ?

Và ta đã có đủ điều kiện để trả lời ;

a) Không, Cộng-sản không thể nào « quốc gia », nói đến Cộng sản là nói đến cái gì phi nhân, vô gia đình, vô tổ quốc.

b) Ti-Tô và Đảng Cộng sản Nam-Tur thắng lợi, không phải là chính trị Cộng sản, Đảng Cộng sản thắng lợi, mà là tinh thần yêu nước, chống Đức, chống Nga của nhân dân Nam-Tur thắng lợi.

Cho nên ta tiếp nhận sự thành công của Nam-Tur trong việc chống lại Cộng sản quốc tế với sự hân hoan : chứng kiến bước đường suy vong của Cộng sản quốc tế, thấy rõ thắng lợi của tinh thần yêu nước, sức mạnh của nhân dân, ảnh hưởng quan trọng của thế giới tự do.

Và ta cũng tự nhắc một điều : Nhân dân Nam-Tur chưa nói lời nói cuối cùng.

Sự ủng hộ, hợp tác của họ đối với nhóm Ti-Tô có điều kiện, như ta đã biết.

Nếu họ bị đè nén, bóc lột vì những chính sách, chủ trương Cộng sản, đến lượt họ sẽ quay mũi dùi tranh đấu lại chế độ thống trị bên trong.

VŨ-THỪA-CHI

VẤN ĐỀ LẬP Ý trong

LỐI THƠ ĐƯỜNG LUẬT

Hu. Chu



ĐỌC thơ cổ, nếu là người chu chí, tất ai ai cũng nhiều khi phải băn khoăn về cái chuyện thi đề. Thật vậy, trong tất cả những tập cổ thi lục

hiện đang được lưu hành, thi cứ chừng mười bài thơ, tôi đã thấy có đến ba bốn cái thi đề không thích đáng. Đây, xin hãy nghe xem :

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo.
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Từng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo,
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá dâuớp động dưới chân bèo.

(YÊN-ĐỖ)

Bài đó như vậy mà các nhà thi học lại đặt tên là *Thu điếu* thì ta nên nghĩ phải hay không? Thu điếu có nghĩa là mùa thu câu cá, thì chữ *thu* đành rồi, song họ sẽ giải thích thế nào cho ta về chữ *điếu*, trong khi cái phần quan trọng nhất của bài, là bốn câu thực luận, không hề tả sự câu cá, mà chỉ tả cái quang cảnh ao thu ?

Đây, xin lại kể thêm bài nữa :

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn.
Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn.
Gác mái ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng mục tử lại cô thôn.
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
Kẻ chốn chương đài người lữ thú,
Lấy ai mà giải nỗi hàn ôn.

(THANH-QUAN)

Bài này thi Nguyễn-văn-Ngọc đặt là *Cảnh chiều hôm*, còn Dương-quảng-Hàm thi *Trời hôm nhớ nhà*. Vậy nó nên là *Trời hôm nhớ nhà* hay *Cảnh chiều hôm*? Mà không lẽ nó lại nên có cả hai cái thi đề ấy, trong khi... trong khi nó lại cần phải có một cái tên nào khác để nêu ra đủ hai cái ý quan trọng nhất là *giữa đường xa* và *ngày sắp hết*?

Nào, những ai đồng ý với tôi mà đặt tên hai bài trên, một gọi *Trên ao thu* và một gọi *Đường chiều*?

Những bài thơ cổ của ta sở dĩ đã có cái tình trạng lối thôi về thi đề như vậy, ấy là do ba lẽ:

1. — Cổ nhân không thích đặt thi đề: rất nhiều bài thơ chỉ được tác giả có làm mà không có gọi.

2. — Cổ nhân không coi trọng thi đề: tác giả có thể để gọt một thi cước suốt ba năm, nhưng ít khi chịu tìm đặt một thi đề cho thích hợp. Và do đó, khi thi đặt rất hàm hồ như *ngẫu cảm*, *ngẫu hứng*, *cảm hứng*, *cảm hoài*, *vô đề*, *hoài cổ*... khi thi đặt rất dài dòng như *Nghe sáo trên sông tiền quan thị ngự họ Lục*. *Tại sông Khúc sau lúc say tặng các người thân*...

3. — Cũng vì không coi trọng thi đề, nên nghe đọc thơ của người khác, cổ nhân tất là chẳng mấy khi cần hỏi rõ và cần nhớ kỹ tên bài đề khẩu truyền cho hậu thế. Thế rồi vì không biết được hoặc không thấy có, các nhà thi học đời sau đã tự ý mỗi người đặt cho mỗi bài một cái tên gọi; và lẽ tự nhiên rằng, văn chương tự cổ vô bằng cứ, cũng một bài một câu một chữ, đã để ai mà hiểu đúng như ai

Các nhà thi học đời nay đã có nhiều khi đặt ra những thi đề thất đáng, mà nếu quả như vậy thì tuy bởi họ đã hơi sơ suất, nhưng tôi thấy thật cũng là bởi cái cách lập ý quá phóng phiếm của tiền nhân. Thi ta hãy phân tích một bài này:

Năm gian nhà cỏ thấp le te.

Ngõ tối đêm sâu dóm lập loè.

Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,

Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.

Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt,

Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.

Rượu tiếng rằng hay hay chẳng mấy.

Độ dăm ba chén đã say nhè.

(YÊN-ĐỒ)

Đọc bài thơ trên, một bài mà nhà thi học Dương-Quảng-Hàm gọi là *Thu ẩm*, tôi đã phản văn mãi mà thật vẫn chưa biết nên chính danh lại thế nào cho hợp lý. Đặt là *Thu ẩm*? Nhưng tại sao lại «*ẩm*» trong khi suốt cả năm câu đầu chỉ tả cái cảnh một đêm thu ở chỗ sân nhà? Còn nếu đặt là *đêm thu* thì trong ba câu cuối, trong những ba câu cuối, làm gì có ý tả về đêm và «*thu*»? Xem đến đây, chắc cũng có người nghĩ: đặt là *đêm thu* thì thiếu uống rượu, đặt là *uống rượu* thì thiếu đêm thu, vậy há còn phải dài lời chỉ với cái thi đề *thu ẩm*, hay chu toàn hơn, *thu dạ ẩm*? Nghĩ như thế thì cũng đúng, nhưng đúng mà tôi thấy chỉ đúng ở cái sự «*thu xếp cho gọn việc*», chứ thật chưa thể đúng ở phương diện lập ý: một bài thơ, nhất là một bài thơ Đường luật, có thể nào chia ra hai phần riêng rẽ, năm câu

trên chuyên tả một ý này, mà ba câu dưới chuyên tả một ý kia đầu ! Kia, ta hãy cứ tạm nói ngay trong thể văn xuôi, với cái đầu bài « thu dạ ẩm », thì một nhà văn nào hay một thi sinh nào dám năm phần bài tả toàn đêm thu và ba phần bài toàn uống rượu ?

Để chứng minh thêm rằng những danh sĩ đời xưa cũng có nhiều khi đã cầu thả trong việc lập ý, tôi xin nêu ra đây một bài thơ của Thôi-Hiệu. Bài này là một bài đề lầu Hoàng-hạc, một bài mà thi giới kim cổ đã cho là quán tuyệt cổ kim về loại hoài cổ theo thể thất ngôn bát cú, một bài mà đến ông vua thơ Lý-Bạch cũng phải khâm phục cảm bút viết : « Trước mặt có cảnh mà nói không được vì có thơ Thôi-Hiệu ở trên đầu ».

Xin chép lại :

Tịch nhân dĩ thừa Hoàng-hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng-hạc lâu
Hoàng-hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Tĩnh xuyên lịch lịch Hán-dương thụ
Phương thảo thê thê Anh-vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Bản dịch của Tản-Đà

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu
Mà đây Hoàng-hạc riêng lầu còn tro
Hạc vàng đi mất từ xưa
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay
Hán-dương sông tạnh cây bầy
Bãi xa Anh-vũ xanh đầy cỏ non
Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai

Đọc bài thơ trên và cứ xét từng câu từng chữ, thì tôi dám chắc ai cũng phải chịu nó là kiệt tác. Nhưng ta sẽ nghĩ sao nếu xét toàn bài mà cần nhắc cái tình ý của tác giả ở trong hai câu kết đối với sáu câu đầu ? Theo tôi thì bài thơ này đã hỏng, hỏng về phương diện lập ý, hỏng vì trong khi còn cần phải tiếp diễn cái ý hoài cổ :

Tịch nhân dĩ thừa Hoàng-hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng-hạc lâu
Hoàng-hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Tĩnh xuyên lịch lịch Hán-dương thụ
Phương thảo thê thê Anh-vũ châu

... thì bỗng nhiên tác giả lại bỏ bằng ngay đi mà quay ra đột ngột :

Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu

Nói cho hết lẽ thì tôi cũng chịu nhận rằng lúc bấy giờ Thôi-Hiệu lên lầu Hoàng-hạc, trong lòng ông ta thật đã có phát cảm ra hai mối tình, một là tình hoài cổ và một là tình hoài thổ. Nhưng luận theo cái tâm lý chung của con người thì lẽ hẳn là hai mối tình này không thể nào ngẫu sinh đồng thời, mà tất phải vào hai đợt cảm nghĩ. Chẳng hạn, một lưu lạc khách khi ghé thăm núi Dục-thủy thì có thể vừa hoài cổ vừa hoài thổ, nhưng lẽ bao giờ mà khách lại tự nhiên song hoài ngay trong một lúc để than gọn một câu rằng : « Chao ôi, chốn này trải bao đau bề

mà vẫn còn lưu lại di tích của cụ Trương xưa; trông sương đầu non, ta nhớ quê hương mà buồn nát dạ!»?

Đính chánh và bổ túc

« Bách Khoa » số 14, đầu trang 43 (trong bài « Mười lăm bà mẹ kẻ lại cho các bạn họ đã « dè không đau » như thế nào ») có câu :

Ở Saint-Martin-Vesuble (1), một thị trấn nhỏ cách Nice 60 cây số, Jean Paul Le Chanole đang quay một phim mà cái tên tạm thời là « Không đau ».

Và ở cuối trang này, có chữ thích :

Các bạn nên nhớ bài này đăng báo tháng 11 năm 1956. Gần 10 tháng rồi, chắc phim đã hoàn thành.

Nay thì chúng tôi có thể tin cho các bạn hay rằng phim đã hoàn thành, và tên phim chánh thức là :

« Le cas du docteur Laurent »

(Trường hợp của bác sĩ Laurent).

Đây là trường hợp của một bác sĩ lúc đầu không tin ở phương pháp « dè không đau », nhưng sau bị phương pháp này chinh phục, đã can đảm chống lại thành kiến, tập tục, mà áp dụng phương pháp tiến bộ và nhân đạo này để cứu một sản phụ. Vai bác sĩ Laurent — vai chính — do tài tử quốc tế Jean Gabin đóng.

Chắc rằng nội trong năm nay, phim ấy sẽ chiếu tại nước ta. Vậy các bạn nào đã chú ý đến phương pháp này chờ bỏ qua một cơ hội tốt... sắp đến.

(1) Vesuble, chứ chẳng phải Vesuble hay Vesubes như đã in lầm 2 lần.

Bởi nghĩ như vậy, nên tôi trộm tưởng bài thơ này thật đã có một khoảng trống rất lớn về thi tứ ở giữa luận và kết; và lẽ tất nhiên là tôi phải lấy làm tiếc cho Thôi-Hiệu, đã muốn góp chung hai mỗi vịnh đó trong một bài thơ duy nhất, mà lại đem biệt tả một cách quá rành rẽ ở hai phần. Kia, ta xem như một bài hoài cổ của Thanh-Quan :

Tạo hóa gây chi cuộc hi trường,
Đến nay thấm thoát mấy tình sương.
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.
Đá vẫn bên gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang thương.

... Bài này, ta sẽ phê bình ra sao về cách lập ý, nếu tác giả không đặt :

Nghìn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường.
Mà lại đặt :

Trời hôm cổ quận nơi nao nhỉ,
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường.
hoặc :

Quê nhà lữ thứ nay dành đã,
Ai kẻ hàn ôn chỗ chiếu giường.

HU - CHU



NHẠC PHƯƠNG ĐÔNG, NHẠC PHƯƠNG TÂY

*« Đông là Đông, Tây là Tây,
Đông Tây không bao giờ gặp nhau ».*

(R. KIPLING)

TRẦN-VĂN-KHÊ

III. NHỮNG CHO BAT ĐỒNG GIỮA HAI LỐI NHẠC ĐÔNG VÀ TÂY



HÚNG tôi vừa thấy rằng nhạc là con đẻ của xã hội. Nếu nền tảng của hai xã hội khác nhau, lẽ tất nhiên, hai lối nhạc

do hai xã hội ấy sinh ra cũng khác nhau. Thêm vào đấy, những chỗ khác nhau về tập tục, về ngôn ngữ, về quan niệm thẩm mỹ, thì chúng ta thấy rằng, hai lối nhạc Đông, Tây phải khác nhau.

Khác nhau rất nhiều về mặt hình thức, vì âm thanh bất đồng, âm giai bất đồng, nhạc điệu bất đồng, sự quan trọng của yếu tố nhạc bất đồng, vì quan niệm về sự sáng tác nhạc bất đồng và cách tấu nhạc cũng bất đồng.(1)

A/.— Âm thanh bất đồng

Người phương Tây nghe nhạc phương Đông thường nói : Chúng tôi có cảm giác rằng họ đàn trật, họ hát không đúng giọng, hoặc dây đàn không ăn với nhau.

Người phương Đông nghe nhạc phương Tây nghĩ rằng giọng đàn thiếu uyển chuyển, tiếng nhạc thiếu duyên dáng, khi hát họ la lớn quá, họ run giọng quá.

Sở dĩ có chỗ không hiểu nhau như thế, vì âm thanh dùng trong hai lối nhạc rất khác nhau.

Các bạn có dịp nghe một câu hò mái đẫy, các bạn thấy rằng trong câu : chiều chiều trước bến Văn-Lâu, ai ngồi, ai

(1) Xin các bạn đọc tha thứ cho chúng tôi, vì chúng tôi bắt buộc phải dùng ít danh từ chuyên môn, các bạn đọc chịu khó xem đến các đoạn sau, chúng tôi sẽ tuần tự giải thích những danh từ chuyên môn ấy).

câu, ai sầu, ai thảm, ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai mong... mấy chữ Văn-Lâu. Ai câu, ai thảm, ai nhớ, phải hát với một giọng lơ lơ mới ra điệu hò Huế. Vì chỗ lơ lơ ấy, mà không thể dùng ký âm (solfège) Âu Mỹ để chép nhạc khúc của một câu hò mái dầy một cách thật đúng. Phạm-Duy trong khi ghi lại khúc điệu của câu hò mái dầy, đã phải làm một bản đối chiếu giữa hai gam (gamme) Âu và gam hò mái dầy. Nhưng với bản đối chiếu ấy, người đã nghe qua một lần các cô gái dò ở sông Hương hò, thì mới có thể xem bản nhạc mà hò đúng. Một người chưa biết hò, chưa nghe hò mái dầy lần nào, khó thể nhìn bản nhạc do Phạm-Duy ghi mà hò cho đúng. Không phải Phạm-Duy ghi sai, nhưng trong nhạc Việt-Nam cũng như trong các lối nhạc ở phương Đông, các âm thanh không cùng một cao độ với các âm thanh dùng trong nhạc phương Tây. (Những bạn nào muốn hiểu một cách tường tận hơn chỗ bất đồng giữa các âm thanh dùng trong nhạc phương Đông và nhạc phương Tây, có thể xem bản đối chiếu giữa những thanh dùng trong nhạc Thái-Lan và nhạc Âu do ông Phờ-ra-chen-đu-ri-yăng-ga (Phra Chen Duriyanga) viết trong quyển Nhạc Xiêm về lý thuyết thực hành (1); hoặc bản đối chiếu giữa những thanh dùng trong nhạc Trung-Hoa và nhạc phương Tây do ông Văn-At (J.A. Van Aalst) viết trong quyển Nhạc Trung-Hoa). (2)

Ngoài ra, một thanh dùng trong nhạc phương Đông bị những cách rung, những chữ nhấn, mà thay đổi đi nhiều. Âm-thanh phát ra không còn chất tinh anh của nó nữa. Âm thanh dùng trong

nhạc phương Đông có một thanh chánh và nhiều thanh phụ. Thí dụ như chữ *xang* trong điệu *Xuân* (Nam Xuân) thật ra là chữ *xang* phụ thêm những chữ *xế*, *xề* rồi xuống lại *xang*. Chữ *xề* phải nhấn lên giọng *xề* tức là đi lên gần giọng *cống* rồi trở về *xề*. Nếu không nhấn như thế, thì người nghe bảo rằng nhạc *cống* không đàn ra điệu *Xuân*.

Cùng một chữ *cống* mà đàn Bắc nhấn khác, đàn Nam đàn Oán, nhấn khác. Vì chỗ nhấn đó, mà cao độ của những âm thanh dùng trong nhạc phương Đông không nhứt định.

Trong nhạc phương Tây, mỗi âm thanh được qui định một cách khoa học. Mỗi thanh có một cao độ nhứt định. Theo nghị định ngày 16 tháng 2 năm 1859, trong nước Pháp, thanh *La 3* có 435 ba động (vibrations) trong một giây, với nhiệt độ 15 độ, 6. Tại Luân-Đôn, thanh *La 3* năm 1896 có 439 ba động trong một giây. Nhưng gần đây, trong các nước ở Âu Mỹ, thanh *La 3* có 435 ba động trong một giây.

Nhờ có thanh *La 3* nhứt định như thế, tất cả những cây đàn trong một giàn nhạc có thể lên dây theo một bậc. Trong một giàn nhạc phương Đông, đàn lên dây theo giọng người ca hoặc theo những bậc kèn sáo.

Thật ra thì vấn đề nhứt định cao độ của một thanh, người Trung-Hoa khi xưa đã đề ý đến rồi. Căn bản nhạc Trung-hoa đặt trên 12 thanh gọi là *luật*, *lũ*.

(1) Theo quyển *Siamese Music in theory and practice* của ông Phra Chen Duriyanga. Tr. 22

(2) Theo quyển *Chinese Music* của ông J.B. Van Aalst. Tr. 21

Sáu thanh thuộc về khí dương gọi là sáu luật ; sáu thanh thuộc về khí âm gọi là lữ. Chúng tôi sẽ giải thích về luật, lữ trong đoạn sau khi chúng tôi đề cập đến vấn đề âm giai. Hiện giờ chúng tôi chỉ nói đến chỗ người Trung-hoa khi xưa đã biết định cao độ của một thanh căn bản, cũng như người phương Tây ngày nay định cao độ của thanh La 3. Thanh căn bản của nhạc Trung - Hoa ngày xưa là Hoàng Chung. Hoàng Chung là cái chuông màu vàng. Từ đời Huỳnh-Đế (2.697-2.597 trước Tây Lịch) Hoàng Chung đã được qui định và người xưa đã đúc thành chuông, đã dùng ống trúc, ống bằng ngọc thạch mà giữ cao độ của Hoàng Chung. Sau khi Tần-Thủy-Hoàng đốt sách chôn học trò, những chuông đồng đều bị đem ra phá để lấy đồng làm khí giới. Đến đời nhà Hán, nhờ gia đình họ Chế còn giữ lại truyền thống của nhạc ngày xưa mà nhạc sĩ thời bấy giờ mới biết chút ít lý thuyết về nhạc, và gia đình họ Chế, gốc gác tại nước Lỗ, quê hương của Khổng - Tử, mới định lại Hoàng Chung. Từ đó đến sau, mỗi triều đại nào cũng có đặt riêng một bộ đề lo qui định hoàng chung. Theo sách của ông hoàng Tái-Dục viết từ thế kỷ thứ 16 về nhạc Trung - hoa và theo phỏng đoán của ông La-Loa (Laloy) (1) thì cao độ thanh Hoàng Chung ở giữa cao độ của hai thanh Mi 3 và Fa 3. Theo công trình khảo cứu của ông Mô-rít Cu-răng (Maurice Courant) thì cao độ của hoàng chung gần bằng cao độ của thanh Mi 3.

Đến các đời sau thì truyền thống ấy không còn được giữ nữa. Hiện giờ trong các nước phương Đông, nhạc

công lên dây theo người ca hay theo bậc kèn sáo, khi đàn cò nhạc.

Các bạn vừa thấy rằng âm thanh dùng trong hai lối nhạc Đông, Tây khác nhau. Nếu chúng ta sắp tất cả những thanh dùng trong hai lối nhạc Đông, Tây, từ thấp lên cao, chúng ta thấy rằng toàn thể các thanh ấy mà chúng tôi gọi là âm giai, cũng khác nhau.

B/.— Âm giai bát đồng

Những chữ nhạc, chữ đàn đánh riêng vẫn là những thanh riêng biệt. Trong nhạc ta có những chữ Hò, xự, xang, xê, cồng, liêu, ú cũng như trong nhạc Trung - hoa. Trong nhạc Âu - Châu có những chữ đàn : đô (do), rê (ré), mi, fa, xôn (sol), la, si.

Nếu sắp những chữ đàn ấy theo thứ tự, từ thấp lên cao hay từ cao xuống thấp, toàn thể các chữ đàn ấy là một âm giai (Chúng tôi dùng chữ âm giai mặc dầu chữ « Gam » (gamme) giản dị hơn, vì lẽ chúng tôi muốn chỉ rằng những chữ nhạc sắp theo thứ tự từ thấp lên cao như những bậc của một cây thang, mà chữ giai có nghĩa là cây thang.)

Âm giai nhạc Việt-Nam lấy theo âm giai của nhạc Trung-hoa nên chỉ có năm âm : Hò, xự, xang, xê, cồng. Giọng liêu và ú chỉ là giọng hò và xự mà cao hơn một bát độ (octave). Âm giai đó người phương Tây thường gọi là âm giai ngũ cung (gamme pentatonique), hay gọi lầm là âm giai Trung-hoa (gamme

(1) Theo quyển La musique Chinoise (Nhạc Trung-hoa) của ông Louis Laloy. Tr: 43

(2) Theo luận án Tiến Sĩ của ông Maurice Courant với đầu đề Essai historique de la musique classique des Chinois Tr. 79 80 và mấy trang kế...

chinoise). Chúng tôi bảo gọi làm vì âm giai ngũ cung không riêng gì người Trung-hoa mới dùng, người Việt-Nam khi đàn những bản theo điệu Bắc, người Nhật khi lên dây đàn So no Koto (một loại đàn tranh) theo lối Tai-si-ki-ri-ô-sen (Taisiki Ryosen), hay lối Bân-si-rít-sư-sen (Banshiri ritsusen), người Ấn-độ khi đàn theo điệu Ai-ra-phi (Arabhi) người da đen Phi-châu, người xứ E-cốt (Ecosse), người bộ lạc Anh - Ca

Nếu so sánh hai âm giai thì ta thấy rằng trong âm giai ngũ cung, chúng ta không dùng hai chữ nhạc mi và si. Không dùng không phải tại người phương Đông không biết hai giọng ấy. Bằng có là từ đời nhà Tống bên Trung-Hoa đã có âm giai thất cung (gamme heptatonique) và người Mông-Cồ dùng bảy chữ nhạc : Ho, se, i, chang, tche, cong, fan.

Chính người Mông - Cồ sau khi lập nên nhà Nguyên (đầu thế kỷ thứ 13)

Âm giai Ngũ cung (Đông)	HỒ	XỰ	XANG	XÊ	CÔNG	LIÊU		
Âm giai Thất cung (Tây)	DO	RÉ	MI	FA	SOL	LA	SI	DO
Âm giai Mông-Cồ	HO	SE	i	CHANG	TCHE	CONG	FAN	LIOU

(Incas) châu Mỹ, đều dùng âm giai ngũ cung. Nhưng người phương Đông, nhưt là người Trung-hoa và Việt - Nam dùng âm giai này nhiều hơn hết.

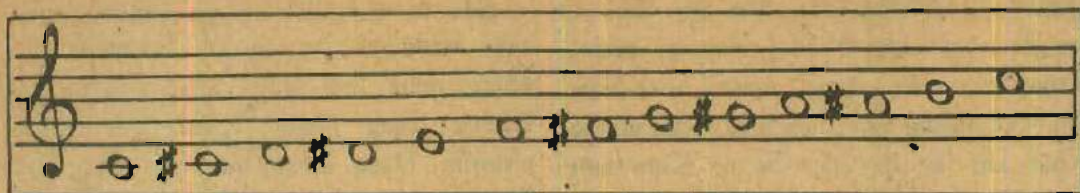
Người phương Tây mỗi khi muốn bắt chước một lối nhạc phương Đông đề sáng tác thì cũng dùng âm giai này.

Âm giai Âu Mỹ có bảy chữ nhạc : đô, rê, mi, fa, xôn, la, xi.

đã đem đến cho người Trung-Hoa lối ký âm Hồ, xử, xang, mà sau này người Việt-Nam cũng dùng (1).

Dầu cho trong âm giai phương Đông có năm hay bảy âm, toàn thể âm giai phương

(1) Theo bài của Mao Hiao Ts'van về nhạc Trung-Hoa, trong quyển La Musique des origines jusqu'à nos jours. Trang 442. Chúng tôi đề ý rằng chữ fan có khi cao bằng si bémol có khi cao bằng si.



Đông cũng không giống hẳn âm giai phương Tây, vì lẽ, mấy âm thanh ấy, đứng riêng đã khác, thì khi sắp theo thứ tự từ thấp đến cao, không thể giống nhau được. Và lại chúng ta thấy rằng người phương Đông thường dùng âm giai ngũ cung, người phương Tây thường dùng âm giai thất cung.

Người phương Tây còn dùng một âm giai khác mà người phương Đông không dùng bao giờ : đó là bán âm giai (gamme chromatique) Âm giai này gồm có 12 bán âm (demi-ton). Người phương Đông không dùng âm giai ấy. Nhưng chẳng phải là họ không biết âm giai ấy. Từ đời vua Huỳnh-Đế (2.697 - 2.597 trước Tây Lịch), người Trung-Hoa đã biết cả 12 thanh mà họ gọi là *luật, lữ*. Theo tương truyền, thì một hôm Huỳnh-Đế sai Lệnh-Luân đi đến phía Tây núi Côn-Lôn tại xứ Đại-Hạ. Đến đó Lệnh-Luân gặp một thứ trúc đặc biệt, cây nào, cây nấy cũng bằng nhau. Lệnh-Luân chặt một cây trúc giữa hai mắt và thổi ra một tiếng. Tiếng ấy giống như tiếng của ông ta thốt ra trong lòng bình tĩnh (1), có lúc lại giống như tiếng sóng trên sông Hoàng-Hà. Tiếng ấy là tiếng Hoàng Chung, tức thì có đôi chim phụng bay đến. Con phụng cất tiếng kêu sáu lần ; con hoàng đáp lại sáu tiếng. Lệnh-Luân cắt trúc làm thành 12 ống để ghi lại tiếng kêu của đôi chim phụng hoàng (2). Lệnh-Luân đem 12 ống trúc

ấy về cho vua Huỳnh-Đế, và từ đấy, sáu dương luật ghi lại tiếng kêu của chim phụng (trống) và sáu âm lữ ghi lại tiếng kêu của chim hoàng (mái). 12 luật lữ ấy là :

1/ Hoàng Chung	thuộc về	tháng 11	và chỉ	Ti
2/ Đại lữ	»	»	chạp	»
3/ Thái Thốc	»	»	giêng	»
4/ Giáp Chung	»	»	2	»
5/ Cô Tây	»	»	3	»
6/ Trung Lữ	»	»	4	»
7/ Nhuy Tân	»	»	5	»
8/ Lâm Chung	»	»	6	»
9/ Di Tắc	»	»	7	»
10/ Nam Lữ	»	»	8	»
11/ Vô Xạ	»	»	9	»
12/ Ứng Chung	»	»	10	»
				Hợi

Đề tiện bề so sánh, chúng ta thử cho cao độ Hoàng Chung bằng cao độ của

(1) Theo quyển *La musique chinoise* (Nhạc Trung-Hoa) của Louis Laloy Tr. 38.

(2) Theo quyển *Chinese Music* (Nhạc Trung-Hoa) của ông J.A. Van Aalst Tr. 7

Và báo *Journal of the North China Branch of the Royal Asiatic Society* — Số VIII. Năm 1874 Tr. 96

thanh Do trong nhạc Âu, thì các tiếng kia có cao độ gần bằng cao độ của các thanh Do♯, Ré, Ré♯, Mi, Fa, Fa♯, Sol, Sol♯, La, La♯, Si. Chúng tôi nói là gần bằng chứ không bằng hẳn. Nhưng do đó chúng ta thấy rằng, người Trung - Hoa khi xưa đã biết cả 12 thanh của bán âm giai (gamme chromatique). Nhưng họ không dùng tất cả những thanh ấy để sáng tác nhạc, mà để chỉ cho nhạc công biết bài nào bản nào phải bắt đầu từ tiếng nào: Hoàng Chung hay Cô tây, Trung Lữ hay Ứng Chung v.v., (3)

Các bạn vừa thấy rằng, nếu âm giai dùng trong nhạc Đông, Tây có chỗ gần giống nhau, nhưng âm giai ngũ cung mà người phương Đông cho là đủ, thì người phương Tây cho là thiếu. Bán âm giai mà người phương Tây dùng, người phương Đông cho là thừa. Âm thanh đã khác nhau, âm giai khác nhau đến nhạc điệu cũng khác nhau.

C — Nhạc điệu bất đồng

Toàn thể những thanh sắp theo thứ tự từ thấp lên cao là một giai. Nếu chúng ta lựa trong những thanh ấy một số thanh dùng đặc biệt để diễn tả một lối nhạc vui hay buồn, những thanh được lựa chọn ấy hợp với nhau thành một điệu (mode). Âm giai giống như những chữ a chữ b, còn điệu là tiếng nói đặc biệt của một dân tộc, hay là một lối văn vui hoặc buồn. Sắp các chữ từ A đến Z là làm công chuyện sắp đặt âm giai. Lựa những chữ cần thiết để viết thành câu văn là làm công chuyện sắp điệu.

Người phương Tây có hai điệu: trưởng hay ma-jor (majeur), và thiếu hay mi-nor (mineur) mà chúng ta có thể nói là hai điệu vui buồn. Mỗi điệu có một số định luật về hòa âm (harmonie) mà chúng tôi không đề cập đến trong phạm vi bài tiểu luận này. Chúng tôi chỉ nhấn mạnh chỗ mỗi điệu là bản tính âm nhạc của một dân tộc. Người Âu - châu, người Trung - Hoa, người Việt-Nam, người Ấn-độ hay người Nhật, người Nam - Dương, có những điệu nhạc khác nhau. Trong nhạc Việt-Nam có hai điệu chánh là Bắc và Nam. Điệu Bắc phỏng theo Trung - Hoa, và điệu Nam chịu ảnh hưởng của nhạc Ấn-độ ngang qua điệu nhạc Chăm. Ngoài ra còn những điệu địa phương như điệu a đào ở Bắc - Việt, điệu ca Huế ở Trung-Việt, điệu Oán và điệu Vọng-cổ ở Nam-Việt. Mỗi điệu chánh còn có thể chia ra nhiều điệu phụ. Như trong điệu Bắc có vừa Bắc, vừa Nhạc. Trong điệu Nam còn có Xuân, Ai, Đảo (theo lối nhạc trong Nam) hay các điệu Ai giang Nam, Hạ Giang Nam (gần như Nam Ai, Nam Xuân trong Nam). Điệu a đào có bao nhiêu điệu: mưỡu, Hát nói, Dịp ba Cung Bắc, Đại Thạch v.v... (Trong phạm vi bài này, chúng tôi không thể đi sâu vào chỗ định nghĩa những chữ điệu hay thể, xin các bạn nhạc sĩ tha thứ cho).

Người Ấn-độ cho rằng họ có 72 điệu khác nhau.

(3) Trong phạm vi bài này, chúng tôi không thể giải thích rành rọt ý nghĩa của luật, lữ và thảo luận về tánh cách thần huyền của người Trung-Hoa trong khi định luật, lữ. Sau này, trong những bài về Nhạc Trung-Hoa chúng tôi sẽ có dịp đi sâu vào vấn đề ấy.

Người Trung-Hoa có 60 điệu.

Không phải một lối nhạc có nhiều điệu là lối nhạc đó hay hơn một lối nhạc khác. Nhưng chúng tôi chỉ muốn cho các bạn đọc thấy rằng đi đến địa hạt *Điệu*, thì Đông, Tây rất khác nhau. Trong cổ nhạc Việt-Nam, hay cổ nhạc Trung-Hoa, ta không thể nói rằng một bản nhạc thuộc về điệu *ma-jor* hay *mi-nor*, vì hai điệu này theo nhiều định luật mà trong lối cổ nhạc Trung-Hoa và người Việt-Nam không có. Người phương Tây khi nghe nhạc phương Đông thường nói rằng nhạc phương Đông có tánh cách *mi-nor*. Đó là những người chỉ biết chút ít về nhạc, chứ những nhạc sư và những nhà khảo nhạc cho rằng không thể liệt một điệu nhạc phương Đông vào loại *ma-jor* hay *mi-nor*. Nói đến điệu *ma-jor* người phương Tây nghĩ ngay đến trường tam độ (*tierce majeure*). Trong cổ nhạc Trung-hoa và Việt-Nam, chúng ta không có quan niệm trường tam độ.

Nói gì đến những điệu thật đặc biệt như điệu *Hi-ra-jô-si* (*Hirajoshi*) của người Nhật hay các điệu *pê-lôc* (*Pelog*), *xơ-lanh-dơ-rô* (*slendro*) của người Nam-Dương, thì không có điệu nào trong nhạc phương Tây có thể đem ra để so sánh được.

Nhạc phương Đông là những lối nhạc mà căn bản là *điệu* (*musique modale*). Nhạc phương Tây là những lối nhạc mà căn bản là *cung* (*musique tonale*). Chúng tôi đưa ra một thí dụ cụ thể cho các bạn dễ hiểu. Trong nhạc Việt-Nam điệu Bắc là điệu vui, điệu Oán là điệu buồn, Điệu Xuân nghe tho-thoái. Trong mấy điệu ấy, lên dây đàn

cao thấp không can hệ. Chỉ can hệ ở các chữ nhấn cho ra điệu mà thôi. Một bản nhạc có thể chấm dứt bằng chữ *đàn* nào cũng được. Bài Lưu Thủy Đoàn chấm dứt bằng chữ *hò*. Bài Không Minh Tọa-Lầu chấm dứt bằng chữ *xê*, bài Kiềm-Tiền chấm dứt bằng chữ *xơ*. Trong nhạc Âu-châu, phần nhiều các bản nhạc phải chấm dứt bằng chủ âm, (1) (*tonique*). Và mỗi Cung có ý nghĩa riêng của nó. Thí dụ như theo ông La-vi-Nhắc (*Lavignac*) thì cung *Do* có ý nghĩa giản dị, cung *Fa* có ý nghĩa đồng quê v.v...

Chúng ta thấy rằng về phương diện nhạc điệu, Đông Tây rất khác nhau. Nói gì đến sự quan trọng của các yếu tố nhạc, Đông, Tây không cùng giống quan niệm với nhau.

D. — Quan trọng của yếu tố nhạc bất đồng

Người phương Tây thấy trong nhạc có 3 yếu tố : nhạc khúc (*mélodie*), tiết tấu, (*rythme*) và hòa âm (*harmonie*). Theo người phương Đông thì nhạc chỉ có hai yếu tố : nhạc khúc và tiết tấu. Vì trong lối cổ nhạc phương Đông, không có phần hòa âm.

Người phương Đông đặt tất cả sự quan trọng vào nhạc khúc. Cái hay của một nhạc công là biết thêu dệt thể nào cho nhạc khúc uyển chuyển hơn, thâm thúy hơn, kiều diễm hơn. Vì vậy mà cùng một bản nhạc, cũng từng ấy chữ mà có người đàn nghe thắm thía, có người đàn nghe trơ trẽn. Có khi người nhạc công tự ý thêm vào vài chữ hoặc nhấn (nắn) có *gân*, nhấn *đồ hột*, để cho nhạc khúc thêm duyên. Lúc đàn cũng

(1) Có người dịch là nguyên âm.

như lúc nghe, người phương Đông để ý đến nhạc khúc nhất,

Người phương Tây đặt sự quan trọng vào hòa âm. Những nhạc sĩ nào dùng những hợp thanh lạ (accord) rất được tôn trọng. Khi đàn hoặc nghe đàn, người phương Tây không những nghe phần nhạc khúc mà họ còn để ý đến phần hòa âm. Vì thế mà người phương Tây thường cho rằng nhạc phương Đông nghèo nàn, và không sâu sắc. Họ chú trọng về bề sâu. Người phương Đông chú trọng về bề mặt. Người phương Đông cho rằng nhạc công phương Tây không biểu diễn một bản đàn một cách rõ ràng như người phương Đông. Nhiều phần đi chung với nhau nên nghe lộn xộn. Chỉ vì người phương Đông không quen nghe các lối nhạc đa hưởng (musique polyphonique). Như khi đàn bản Lưu-Thủy trường chấn hạn, cây đàn kiem (nguyệt) đàn câu : « Là hò là tòn là hò ». Cây đàn tranh (thập lục) đàn câu « Á hò liêu hò liêu xàng liêu hò ». Những chữ chánh đều giống nhau : « hò tòn » và « hò ». Câu dưới thêm chữ « Á », và « liêu xàng liêu ». Nhưng đó cũng là một nhạc khúc biến thể. Người phương Tây khi nghe chữ « hò » hay chữ « liêu », nghe luôn cả ba chữ « xàng, cồng, liêu » đánh lên cùng một lúc.

Vì có chỗ bất đồng trong khi đặt quan trọng cho một yếu tố nhạc, nên người phương Tây có thể chê nhạc phương Đông, cũng như người phương Đông có thể chê nhạc phương Tây.

Về phương diện tiết tấu (rythme) hai bên Đông, Tây cũng không hiểu nhau. Người phương Tây khi nghe nói một

nhạc công đàn bản Vọng Cồ nhịp 8 hay nhịp 16 v.v... họ ngạc nhiên và khi nghe xong câu nhạc, họ bảo rằng : « Anh bảo là nhịp 16, nhưng tôi có thể phân câu nhạc ấy ra làm 4 câu mỗi câu 4 nhịp, như thế chúng tôi có thể gọi là nhịp tư (mesure à quatre temps) chẳng hạn. Người phương Tây khi nghe người Ấn-độ nhịp theo lối Ec-ta-la (Ektala) là nhịp 12 của nhạc Ấn-độ cũng nói rằng họ có thể chia nhịp Ec-ta-la ra thành 3 câu nhịp tư. Nhưng họ không biết rằng ở phương Đông, người nhạc sĩ cộng nhịp chớ không có như nhịp như người phương Tây. Và lại người phương Đông cho rằng một câu nhịp 16 hay nhịp 12 có tánh cách đặc biệt của nó. Người phương Tây đem phân tách và chia một câu 16 hay 12 nhịp ra 4 hoặc 3 câu mỗi câu 4 nhịp thì chẳng khác nào khi họ gặp một hình ngũ giác, họ đem chia hình ấy ra 3 hình tam giác. Nhưng theo người phương Đông thì họ giữ toàn thể cái hình ngũ giác, chớ không chia ra 3 hình tam giác.

Về nhịp mạnh, nhịp nhẹ, mà trong tiếng nhà nghề ở miền Nam-Việt, nhạc công thường gọi là *nhịp* (mạnh) và *lát* (nhẹ), phương Đông và phương Tây cũng khác nhau.

Nhịp đôi (mesure à deux temps) bên Âu-châu, lúc nào cũng có hai nhịp ; nhịp đầu mạnh, nhịp sau nhẹ. Trong cổ nhạc Trung-Hoa có hai lối nhịp đôi :

Lối nhịp *nhút nhán*, *nhút bản* nhịp đầu mạnh, nhịp sau nhẹ.

Lối nhịp *Tiêu lục tứ*, nhịp đầu nhẹ, nhịp sau mạnh.

Ngay trong một nhạc khúc, những chữ nhạc để thêm duyên dáng cho câu nhạc

mà người Âu gọi là « notes ornamentales ». đối với người nhạc sĩ phương Tây không quan trọng chi cả. Đó chỉ là những chữ đàn « qua đường » không phải vào trong một hệ thống hòa âm.

Trong nhạc Việt-Nam, những chữ đàn
đề thêm duyên dáng ấy, có một giá trị
đặc biệt, vì chính những chữ đàn ấy làm
cho một nhạc khúc từ điệu này biến
thành điệu khác. Cũng một câu :

Liêu liêu xàng liêu xẻ, xẻ liêu xàng.

Xề liêu xàng xề xang

mà tùy cách nhấn chữ xẻ chữ xang,
người nghe biết rằng nhạc công đàn một
câu trong bản Nam-Xuân hay bản Nam-Ai.

Người phương Đông đặt sự quan trọng trong nhạc khúc, người phương Tây đặt sự quan trọng trong hòa âm. Trong nhạc khúc, những chữ đàn «đề thêm duyên dáng» mà người nhạc công phương Đông cho là cần hệ, thì người nhạc công phương Tây cho là những chữ đàn phụ.

Vì thế mà trước một câu đàn nẫu (nẫu) khêu, người phương Đông xuất xa, mà người phương Tây vẫn thản nhiên : vì thế mà Đông, Tây chưa hiểu nhau về cái hay, cái đẹp trong những lối nhạc của đôi bên.

E— Quan niệm về sáng tác nhạc
bất đồng

Chúng ta đề ý rằng, cò nhạc phương Đông không dồi dào bằng cò nhạc phương Tây. Người phương Đông chỉ học những bản cũ và ít khi sáng tác những bản mới.

Bên Trung-Hoa ngày xưa chỉ có vua

chúa mới sáng tác nhạc (1). Trong sách Lễ-ký có câu nói rằng người hiền nhạc mà có thể sáng tác nhạc là bậc thánh. (2)

Phải chăng vì thế mà chẳng có nhạc sĩ nào dám tự cho mình là bậc thánh đề sáng tác những bản nhạc mới ? Phải chăng ngày xưa các bậc vua chúa muốn giữ độc quyền viết nhạc ? Từ xưa các Tiên Vương như Phục-Hy, Thần-Nông, Huỳnh-Đế, vua Nghiêu, vua Thuấn sáng tác nhạc. Khổng-Tử biết đàn, biết hát, lại viết rất nhiều về nhạc thuyết, Khổng-Tử thích đàn đến đời, một hôm ở tại nước Tề, nghe một điệu nhạc *Thiếu* do vua Thuấn sáng tác mà trong ba tháng trường không thèm ăn thịt. Khổng-Tử chỉ sáng tác có một bài hay là người đời nay còn tìm thấy có một bài ấy thôi, đó là bài *Ý-Lan*.

Người Ấn-độ tin rằng âm nhạc do nữ thần Xa-rát-xờ-oa-ti (Saraswati) đặt ra (3). Các điệu chánh do thần Ma-ha-đê-vô (Mahadev) và nữ thần Pạ-va-ti (Parvati) đặt ra.

Theo quan niệm của người phương Đông
khi xưa thì người thường không thể sáng
tác nhạc. Chỉ có những bậc phi thường
mới có thể sáng tác nhạc.

Người phương Tây không chịu đứng một chỗ. Họ sáng tác không ngừng, không cần phải là một người phi thường, chỉ cần phải học và có nhiều khiếu về nhạc là sáng tác được.

(1) Lễ Ký, bản dịch của Cha Séraphin Le Couvreur Tr. 62.

(2) - L₃ K_y » » » »
 » T_L 60

(3) Theo quyển The Music of India của H. Popley. Tr. 7

Do đó mà nhạc phương Đông có tánh cách *tĩnh* (statique) còn nhạc phương Tây có tánh cách *động* (dynamique).

Về phương diện kỹ thuật sáng tác thì người phương Đông không có đề lại những quyển sách về nhạc thuật, hay về những định luật về môn sáng tác nhạc. Người đời sau chỉ học những bản nhạc cũ hoặc dùng nhạc khúc cũ mà đặt lời mới.

Người phương Tây trong khi sáng tác nhạc, theo những định luật về nhạc khúc, về hòa âm, nên mỗi khi người phương Tây nghe một bản nhạc sáng tác không theo luật của họ, họ rất lấy làm khó chịu. Một bản nhạc mà nhạc khúc khi lên lúc xuống không theo luật lệ, không có một nhạc đề (thème) và những biến khúc (variations), một câu nhạc mà số nhịp không phải là 4 trường canh, hay là 8, 12, 16 trường canh, một bản nhạc không kết thúc bằng chủ âm (tonique), người phương Tây cho là viết không đúng luật cổ điển của thuật sáng tác bên phương Tây.

Người phương Đông sáng tác theo cổ truyền, không luật lệ nhứt định, người phương Tây sáng tác theo lẽ lối của họ. Hai bên có hai quan niệm rất khác nhau về thuật sáng tác nên không hiểu nhau.

Đến khi đem một bài nhạc ra biểu diễn, thì hai lối tấu nhạc cũng khác nhau.

F— Cách tấu nhạc bất đồng

Khi đàn độc tấu (solo), người phương Đông chú trọng vào chữ *nhấn* (nắn), còn người phương Tây chú trọng vào chỗ *lạnh tay*. Nhạc công phương Đông đàn thông thả, và có thể thêm bớt vài chữ đàn, cốt đừng làm sai điệu là được. Người phương Tây thì bản viết thế nào, đàn thế nấy và

trong khi biểu diễn cố giữ sao cho đúng với tinh thần của người viết nhạc. Người phương Đông khi biểu diễn hay đàn theo ý mình và thường khi làm sai cả ý người viết nhạc.

Khi đàn hợp tấu, thì người phương Đông chỉ đàn một bản, dù cho có nhiều cây đàn hòa với nhau. Có khác chỉ khác chút ít, như cây đàn tranh (thập lục) có chữ Á, và đánh song tòng (tiếng đôi như liêu hò, xự ú, xàng xang, v.v.). Đàn theo Huế, thì thường có nhịp ngoại (tức là nhịp xong mới đến tiếng đàn : syncope). Tất cả các nhạc khí đều đàn một bản.

Người phương Tây, khi hợp tấu, thì mỗi cây đàn giữ một phần, nhiều cây đàn, thì có nhiều chiết phần (partitions), mấy chiết phần ấy tuy khác nhau, nhưng lúc hòa chung với nhau nghe không chướng tai vì những chiết phần ấy viết theo luật hòa âm.

Người phương Đông trong khi hòa nhạc không cần người nhạc trưởng (chef d'orchestre, chỉ huy vì các nhạc công đều học thuộc lòng bản đàn và cùng đàn một bản.

Người phương Tây phải có một người nhạc trưởng chỉ huy, vì số bài bản của họ rất nhiều, họ không thể học thuộc lòng tất cả các bản đàn, họ cần phải có bài bản để trước mặt và khi đàn mỗi người giữ một phần, khó mà nghe toàn thể giàn nhạc.

Trong khuôn khổ « BÁCH KHOA », chúng tôi không thể đi sâu vào các vấn đề. Chúng tôi chỉ vạch ra mấy điểm giống nhau, mấy chỗ bất đồng giữa hai lối nhạc Đông, Tây, để các bạn nhạc sĩ, và những người yêu nhạc thấy qua mấy đặc tính căn bản, của hai lối nhạc, mà tìm tòi thêm, học hỏi thêm để khỏi phán đoán vội vàng một lối nhạc mình chưa được hiểu, để các bạn khỏi

« nhập cảng » những lối nhạc không phù hợp với nhạc tính của nước nhà. Chúng tôi không dám nghĩ rằng mình đã xem xét vấn đề này một cách tường tận. Chúng tôi nêu ra mấy điều n chĩn h chĩ : bĩn đĩc cĩ mĩt ít tài liệu để thảo luận thêm.

Kết luận

Là sản phẩm của hai xã hội khác nhau, hai lối nhạc Đông, Tây không thể nào giống nhau được. Từ lý thuyết đến thực hành, hai lối nhạc theo hai quan niệm khác nhau. Người phương Đông muốn nghe và hiểu nhạc phương Tây, cũng như người phương Tây muốn nghe và hiểu nhạc phương Đông, phải tạm gác một bên những thành kiến, những tập tục của mình. Muốn hiểu nhạc một nước nào, ta cần phải biết qua nền tảng xã hội, truyền thống văn hóa, và có khi cả tiếng nói của nước ấy. Nhạc sĩ Bê-la Bạt-tóc (Bela Bartok), người Hung-gia lợi, đã phải đi đến nước Lỗ-Ma-ni, nước Pháp, Y-pha-nho, ông chịu khó học tiếng nước Lỗ, nước Pháp, nước Y-pha-nho, và cả tiếng Á-rập để tìm hiểu những lối nhạc đặc biệt của mấy nước ấy.

Chúng ta không thể vội vàng khen, chê một lối nhạc mà chúng ta chưa tìm hiểu.

Sau khi đã xem xét một cách khách quan hai lối nhạc Đông, Tây chúng tôi thấy rằng :

1.— Nhạc phương Đông quá tĩnh trong khi nhạc phương Tây rất động.

Nhạc phương Đông đầu thế kỷ 20 không khác cỡ nhạc phương Đông từ mấy thế kỷ trước bao nhiêu. Trong khi đó nhạc phương Tây đi từ loại thánh ca đến lối nhạc cổ điển với Jãn-Xê-bát-Xiêng-Bắc (Jean Sébastien Bach), qua Be-tô-vơ

(Beethoven) khai mào cho lối nhạc lãng mạn với các nhạc sĩ Sô-panh (Chopin), Su-be (Schubert), Lít-zơ (Listz), Bệt-li-ô-zơ (Berlioz) ; ngày nay họ đi đến loại nhạc kim thời với Đê-buýt-xi (Debussy), Ra-ven (Ravel) và lối nhạc thập nhị âm (dodéca-phonique) với Sơ-khơn-bec (Schoenberg). Trong xã hội phương Tây, có nhiều cuộc cách mạng chính trị, kỹ nghệ, làm thay đổi cả nền tảng xã hội của họ; đường giao thông thuận tiện, sự trao đổi về văn hóa giữa các nước phương Tây rất dồi dào, nhạc của họ nhờ thế mà phát triển nhanh chóng.

Xã hội phương Đông không gặp những cuộc cách mạng chính trị và kỹ nghệ như phương Tây (mãi đến cuối thế kỷ thứ 19 mới có ít nhiều sự thay đổi trong các nước Á-châu), đường giao thông không thuận tiện, các nước Á-châu lại thi hành chính sách bế môn tỏa cảng, nên nhạc phương Đông chậm tiến hơn nhạc phương Tây.

2.— Nhạc phương Đông thiếu tính cách khoa học hơn nhạc phương Tây.

Nhạc phương Đông không được các nhà vật lý học âm thanh học, toán học để ý tìm tòi về phần lý thuyết (luật hòa âm) hay thực hành (cách làm đàn cho kêu hơn xưa) như nhạc phương Tây. Vì thế mà nhạc phương Đông còn thô sơ hơn nhạc nhạc phương Tây.

3.— Về mặt nhạc thuật thì nhạc phương Đông chú trọng đến phần khúc điệu, còn nhạc phương Tây chú trọng đến phần hòa âm.

Về khoản này, không biết lối nhạc nào hơn lối nhạc nào, vì người phương Tây

ngày nay, sau khi đi sâu vào địa hạt hòa âm, nay muốn quay về địa hạt nhạc khúc và tìm những nhạc hưởng mới lạ trong các âm giai phương Đông. Âm nhạc phương Đông chuyển từ tĩnh sang động và đang tìm cách đi vào bề sâu của âm nhạc tức là đang tìm một hệ thống hòa âm.

Sau khi các nước châu Á nằm lại được chủ quyền nội-trị, điều kiện kinh tế, chánh trị, xã hội mới đã làm cho phong trào sáng tác nhạc lên cao.

Nhưng người nhạc sĩ phương Đông

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài kỳ trước đăng KB. 17, trang 29, dòng 6 có chỗ sai lầm, xin đính chính lại như sau :
 « một bản đơn tựa là *Tiến Chiêm thành* » nay sửa bản đơn tựa là *Chiêm thành âm*

nói chung, người nhạc sĩ Việt Nam nói riêng, nếu hấp thụ được tánh cách *động*, được phương pháp khoa học của nhạc Âu-Tây, không thể bỏ cả căn bản của nền nhạc nước nhà. Một câu nhạc diễn tả được tình cảm của một dân tộc phương Tây có thể bị người phương Đông không hiểu. Một người nhạc sĩ phương Đông học nhạc Tây mà thiếu căn bản về nhạc của nước mình không thể sáng tác nhạc phù hợp với tâm hồn dân tộc của mình.

Mỗi lối nhạc có một điểm hay riêng.

Mỗi dân tộc có một óc thẩm mỹ khác.

Trong cuộc gặp gỡ giữa hai lối nhạc Đông Tây, khi một nước nào cần nhập cảng nhạc thuật của một nước khác, đừng để cho nhạc thuật ấy làm mất dân tộc tính của nhạc nước mình.

TRẦN-VĂN-KHÊ

Tích truyện « Mãi Cốt »

CHIẾN-QUỐC-SÁCH gó thuật lại chuyện mua xương ngựa, gọi là « Mãi Cốt ». Một ông vua muốn đem ngàn vàng mua cho được con ngựa gọi là Thiên lý mã, ngày đi ngàn dặm. Có người tới xin vua cho đi mua ngựa. Vua thuận. Người ấy đem vàng tới nơi bán ngựa, thì ngựa đã chết. Anh ta bèn bỏ năm trăm vàng mua bộ xương ngựa đem về cho vua. Vua nổi giận, hỏi, anh ta đáp :

— Ngựa chết còn mua năm trăm, huống chi ngựa sống ! Thiên hạ thấy nhà vua mua ngựa chết năm trăm, tất sẽ tranh nhau mang ngựa tốt tới cho nhà vua.

Quả nhiên, chỉ nội trong năm ấy, người ta đem bán cho vua tới ba con thiên lý mã. Phải chăng người mua xương ngựa muốn cho ông vua một bài học : Muốn cầu hiền thì trước hết phải bày tỏ thành tâm.

VĂN TỰ TƯỢNG HÌNH

PHÙNG - BÁ - KHANH



GÀY nay, hầu hết thế giới đều dùng, (trừ một số quốc gia theo Hồi giáo có kiểu mẫu tự riêng), hệ thống an-pha-bê, do

dân Phéniciens khởi sáng, làm phương tiện ghi chép tư tưởng của loài người. Tuy nhiên, cũng có nhiều chủng tộc, vì lạc hậu, hoặc vì tập quán lâu đời, vẫn phải duy trì phương pháp họa hình (système pictographique) trong văn tự, như từ thừa muôn vạn năm xưa.

Lối văn tự tượng hình hay họa hình có khi còn rất thô sơ như kiểu viết của dân Indiens ở Châu-Mỹ và dân Esquimaux ở vùng Bắc - Cực.

Gần đây, người ta tìm thấy nhiều cuốn niên lịch bằng da trâu của dân da đỏ Dakotas thuộc vùng Alaska, Bắc-Mỹ. Thò dân này đã dùng vật nhọn mũi mà vạch, lên da trâu phơi nỏ, tỷ như một hình người có nhiều chấm nhỏ ở toàn thân, để ghi một nạn dịch đậu mùa

hay ban đỏ; hay vạch một hình nhân có nhiều tia dài nơi cửa miệng, để « kỷ niệm » một trận dịch ho gà của trẻ nhỏ...

Lối văn tự họa hình của dân Esquimaux cũng không khác mấy, nhưng họ không dùng da trâu, mà dùng gỗ hay xương cốt súc vật.

Xét ra, lối văn tự tượng hình đã có ngay từ Thái cổ do các dân tộc Trung-Hoa, Á - Rập và Ai - Cập v.v... phát minh.

Bằng lối cồ tự (hiéroglyphes), người Ai-Cập thừa xưa đã « viết » chữ đại khái như sau :

Muốn viết chữ « SAO », họ vẽ một điểm tròn có phụ thêm năm tia nhỏ từ điểm đó tỏa ra các phía. Muốn viết chữ « ĐÊM », họ vẽ một vòng cong hình bán nguyệt úp sấp, rồi thêm một ngôi sao ở phía dưới. Muốn viết chữ « TẾ », họ vẽ hình một bức tường nghiêng đổ. Muốn viết chữ « ĐỘI », họ vẽ một đầu người có cái lọ để trên...

Người Á-Rập xưa cũng dùng phương pháp đó. Nhưng về sau, họ cải biến và đơn giản hóa dần dần, cho tới mức chỉ còn là những dấu hiệu (signes), không ăn nhịp gì với lối tượng hình nguyên thủy.

Sau khi xét qua những kiểu viết của dân Esquimaux, Indiens ngày nay hay của dân Ai - Cập, Á - Rập ngày xưa, rồi so sánh với Hán Tự, ta thấy rằng lối chữ tượng hình của người Trung-Hoa hoàn hảo hơn nhiều, nhưng rất rườm rà, cầu kỳ và khó nhớ.

Thoạt kỳ thủy, người Trung - Hoa cũng chỉ biết « viết » một cách thô sơ như kiểu Á-Rập và Ai-Cập nói trên, nghĩa là họ vẽ theo gần đúng hình hài của những vật mà họ muốn ghi chép.

Tỷ như, họ đã viết chữ « NHÂN » giống với hình người; chữ « MỤC » giống con mắt; chữ « NHĨ » giống cái tai; chữ « KHẨU » giống cái miệng; chữ « HỎA » giống ngọn lửa cháy; chữ « XUYỀN » giống giòng sông chảy; chữ « SON » giống dãy núi ba chòm; chữ « MÃ » giống con ngựa; chữ « NGƯ » giống con cá; chữ « ĐIỀU » giống con chim.

Nhưng về sau, người Trung-Hoa thấy rằng nếu cứ vẽ nguyên hình các đồ vật và súc vật, thì vừa mất thì giờ, vừa

trông rắc rối không đẹp, nên họ đơn giản hóa và hoa mỹ hóa dần dần, khiến cho ngày nay, ta mới có những chữ Hán gọn gàng và đẹp mắt.

Bằng chứng là hiện thời, mặc dầu đã có quốc ngữ, người Việt vẫn ưa dùng chữ Hán, nhất là kiểu chữ Triện (Caractères calligraphiques), trong việc trang sức thần thờ, cũng như việc trang hoàng phòng khách, bàn thờ, đình, chùa, nghề, miếu... khác nào, vào hồi thế

kỷ 17 và 18 trở đi, người Âu-Châu đã ưa dùng kiểu chữ Gothique do người Đức đặt ra.

Một đặc điểm của Hán Tự là ngoài lối viết tượng hình, lại còn lối viết hội ý, (écriture idéographique).

Tỷ dụ, để tả anh thợ săn bắn chết mười con sư tử, người ta liền vẽ một cái nỏ (arbalète) căng giây, hướng vào hình vẽ của mười con sư tử. Nhưng để đỡ tốn công, người đời sau chỉ vẽ mười cái đầu

sư tử, có mũi tên dài xuyên thủng ngang qua. Rồi người đời sau nữa lại đơn giản hóa đến mức tối thiểu...

Đó là cách dùng một phần làm tiêu biểu cho toàn thể hay dùng một vài vật hữu hình rồi xếp đặt lại để gợi ý tới những vật trừu tượng, vô hình dung hay không cụ thể.

Cho nên, người Trung-Hoa đã viết hai

	 MỤC		 SƠN
	 NHĨ		 NGƯ
	 KHẨU		 MÃ
	 THỦY		 NGŨ
	 HỎA		 ĐIỀU
	 XUYỀN		

chữ «MỘC木» để chỉ cái rừng (Lâm 林), hay ba chữ «MỘC» thành chữ «sầm森» để tả cái cảnh cây cối um tùm rậm rạp.

Đồng thời, Hán tự, với hai cái dấu chân bước, nếu ở trên gạch ngang là chữ «THƯỢNG上», nếu ở dưới gạch ngang là chữ «HẠ下»; một gạch ngang đặt ở trên chữ «THỔ土» thành chữ «VƯƠNG王» với ngụ ý rằng nhà Vua có quyền hành hơn hết mọi người trên trái đất; một gạch ngang đặt trên chữ «ĐẠI大» thành chữ «THIÊN天» với hàm ý rằng Trời là lớn nhất trong Vũ Trụ; một dấu chấm điểm trên đầu chữ «VƯƠNG», thành chữ «CHÚA», (主) nếu điểm bên cạnh chữ «VƯƠNG», thành chữ «NGỌC» (玉).

Về chữ «VIẾT» (写) là nói, (theo Hán tự, thì chữ «TẢ» nghĩa là «VIẾT» (écrire), còn chữ «VIẾT» nghĩa là «NÓI»: (dire), như trong câu «KHÔNG-TỬ VIẾT», người ta chỉ việc chấm thêm một điểm ngang vào giữa chữ «KHẦU» (口), để tỏ rằng khi mồm há ra và lưỡi lo le, tức là «NÓI» vậy. Ngoài ra, chữ «TỬ» (子) gồm có chữ «NHÂN» (người) trong một cái khung như bốn bức tường đóng kín; chữ «SÀU» (愁) gồm có chữ «THU» ở trên chữ «TÂM», (Thu tâm ai gọi lên sầu. ? ! !), để tả nỗi buồn mỗi độ thu sang với hoa tàn lá úa. . .

Nhưng không hiểu tại sao, người Trung-Hoa thượng cổ lại khinh thường bạn nữ lưu quá xá ? ! Bằng chứng là người Trung-Hoa đã qui tụ ba chữ «NỮ» là con gái, để làm thành một chữ «GIAN» (姦) nghĩa là kém đoan trang và bất chính. Ấu, một phần cũng là nhờ chữ Hán, mà ta càng biết thêm cái óc

«Trọng nam khinh nữ» của dân tộc Á - Đông thừa xưa vậy.

Ngoài ra, cũng nhờ Hán tự mà ta có thể tìm hiểu được phần nào về trạng thái xã hội thời Phong kiến phôi thai. Tỷ như chữ «QUẦN» là «BẦY» (Troupeau), đem phân tách ra, ta thấy chữ «QUẦN» (羣) hợp lại bởi chữ «QUÂN» là ông Vua, là người cầm đầu, và chữ «DUƠNG» là con dê; như vậy, xã hội cổ Trung - Hoa cũng đã sống bằng nghề chăn dê, nghề-du mục. Hay cũng chính chữ «QUẦN», nhưng nghĩa, là cái quần (pantalon): chữ «QUẦN» (裙) này gồm có có «QUÂN» (君) là vua, là người cầm đầu và chữ «Y» (衣) (theo nghĩa cổ) nghĩa là vật che thân thể, có khi bằng lá cây hay da muông thú. . . Như vậy, có lẽ, về thời Thái cổ, trong mỗi bộ lạc, chỉ có một mình viên đầu xỏ là được mặc quần, còn bao nhiêu bộ hạ đều phải cỡi truồng hay đóng khố. (?)

Tóm lại, lối văn tự tượng hình và hội ý của người Trung-Hoa thật là tinh vi, ý vị và phong phú, khiến cho không thể nào hiểu xiết được.

Để dẫn chứng, chúng tôi xin giới thiệu bộ «KHANG-HI TỰ ĐIỂN» là một trong những bộ sách có giá trị nhất của Văn học sử Trung-Hoa. Bộ Tự vị này xuất bản cách đây gần 300 năm, dưới Trào vua Khang-Hi (Kang - Hsi) tức Thanh Thánh Tổ (1662-1722). Cuốn sách này được soạn thảo rất công phu, hàng mấy năm trời, với sự hợp tác của toàn thể văn quan trong Triều và các bậc sĩ phu trứ danh trong nước.

Ấn hành trên giấy «tàu bạch» vừa tốt, vừa mỏng và bóng, bộ Khang-Hi Tự

Điền gồm có 12 đại tập ghi tên theo thập nhị CHI, (từ Tý, Sửu... đến Tuất Hợi); mỗi đại tập lại chia làm 3 tiểu tập, tỷ như tập Tý thì chia ra « TÝ TẬP THƯỢNG », « TÝ TẬP TRUNG » và « TÝ TẬP HẠ ».

Bộ Khang Hi Tự Tiền này, mà tôi nhận thấy nó chứa tới 45.000 chữ Hán. Ấy là chưa kể những tiếng mới mượn của Âu-Mỹ và những tiếng vì nhu cầu mới được đặt ra trong khoảng gần trăm năm nay, như ta đã thấy trong lối văn « Bạch-Thoại » (Pạc Và) hiện thời.

Chữ HÁN đã nhiều lại khó viết, khó nhớ; vì không có mẫu tự, nên học chữ nào là chỉ biết một chữ ấy thôi. Hơn nữa, nếu sai một ly, sẽ đi một dặm. Tỷ như chữ « ĐIỀN », (田) nếu nét sò ở giữa thò lên sẽ thành chữ « DO » (由) thật suông sẽ thành chữ « GIÁP » (甲), nếu vừa thụt, vừa thò, sẽ thành chữ « THÂN » (身)...

Chính vì thế mà năm 1955, Ô. Wei Chueh, Chủ tịch Ủy Ban Cải Cách Hán

Tự đã phải phân nản với ký giả Anh-Cát-Lợi James Cameron như sau:

« Ở nước tôi, một em học sinh mười tuổi phải học tới 200 chữ; nếu muốn đọc nhật báo, ít nhất phải hiểu 7.000 chữ. Các nhà in nước tôi, tối thiểu, phải có 35.000 chữ đúc. Chúng tôi không có an-pha-bê, nên không thể dùng mấy chữ được. Về diện tích, chúng tôi phải đếm nét chữ, rồi đổi ra con số (chiffres). Như vậy, việc giáo dục ở nước tôi bị ngăn trở rất nhiều, và văn hóa bị chậm tiến. Cho nên, chúng tôi nhất quyết phải cải cách Hán Tự, để theo kịp trào lưu tiến hóa của Tây-Phương »...

PHÙNG-BÁ-KHANH

Tài liệu tham khảo

- *Le premier alphabet de l'homme* của Johannes Lowenstein;
- *Les hommes fournis (les Chinois) travaillent* của J. Cameron;
- *La définition du mot « Ecriture »* của Paul Augé;
- *Phần cổ văn trong bộ KHANG-HI TỰ ĐIỀN.*

Nhất ty phù cứu đỉnh

NGHIÊM-QUANG đời Hán là người có khí tiết cao thượng nổi tiếng một thời. Nhờ ảnh hưởng của ông mà nhân tâm thế đạo duy trì được, và cơ nghiệp nhà Hán vững thêm được hai trăm năm. Nói về ông, người đời thường nhắc câu: *nhất ty phù cứu đỉnh*, một sợi tơ đỡ được chín cái vạc (chín vạc chỉ chín châu trong nước) ám chỉ sợi giây câu của ông Nghiêm-Quang (vì ông hay đi câu) đã giữ cho quốc gia vững chắc như bàn thạch.

ĐẤT NƯỚC TRONG CA DAO

Thuần - Phong

II.— Từ BẮC chí NAM



ON sông gấm vóc, ai
chẳng thương yêu ?
Đất nước oai hùng,
ai không quý mến ?
Phương chi, ta là

người con của ĐẤT NƯỚC, nhà ta
ở trong lòng ĐẤT NƯỚC, làng ta là
phần tử của ĐẤT NƯỚC, ta lẽ nào
đối với ĐẤT NƯỚC như kẻ lạ người
dưng ? Lòng yêu ĐẤT NƯỚC là tự
nhiên, không cần ép buộc, không cần
khuyên mời, khi bộc lộ, khi tiềm tàng,
tùy hoàn cảnh lịch sử. Nhà bác học
như kẻ bình dân, người cầm quyền như
hàng lê thứ, mấy ai yêu ĐẤT NƯỚC kém
ai ? Những chàng áo vải, các gái thơm
tơ đã ghe phen tỏ lòng yêu ĐẤT NƯỚC
oanh liệt, kiêu hùng, họ đã làm tròn
phận sự của người con đối với ĐẤT
NƯỚC ; họ đã châu toàn bảo vệ
NƯỚC và NHÀ ; họ đã giữ gìn ruộng
vườn làng mạc ; họ đã làm cho vẻ

vang ĐẤT NƯỚC. ĐẤT NƯỚC đã
hãnh diện với những người con xứng
đáng thương yêu, trong những khung-
cảnh ưu tú :

... Ôm gối ngâm nga,
Bốn mùa phong cảnh với ta vui vầy,
Oanh ca dẻo dặt lâu tây,
Rộn nơi phương thảo, sánh bày
giai nhân.
Quyên ca, Oanh hời nam lân,
Giục người du tử dạo chân hà trì.
Cúc vàng với gió rù rì,
Tuyên mời tiều khách thăm thì say sưa,
Nón mai tuyết trắng quen ưa,
Đưa người tài tử thơ từ ngâm nga.
Bốn mùa nổi cảnh lẫn qua,
Lại mừng thung thồ dân ta đâu
bằng (1)...

(1) Ca dao, tả phong cảnh làng An-Phú, tổng
Cầm-Bối, huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà-Đông, do
Bà Trần-Thị-Gái truyền cho ; ở đây chúng tôi
xin trân trọng tạ ơn Bà.



Con dân đất nước

Thật có đâu bằng những vườn cam
vàng quít đỏ, những đồng ruộng lúa
rẫy khoai, những đám nứa trổ cờ dài,
những nương dâu dưới đồi xanh biếc
với những chàng trai lý lắc bên cạnh
những cô gái ngây thơ :

— *Chị kìa bết tóc đuôi gà,
Nắm đuôi chị lại hỏi nhà chị đâu ?*
— *Nhà tôi ở dưới đám dâu,
Thân trên đám đậu, đầu cầu ngó qua.
Ngó qua nhà trống bên sông,
Thấy con bìm bịp ăn trầu (?) đỏ môi.*

Trong lòng ĐẤT NƯỚC thanh bình,
đời sống hồng tươi như hoa hồng mới
nở, hiển cho lòng thanh xuân đang rào
rạt tình yêu, những tự do chọn vàng
thử đá :

— *Tóc em dài, em cài bông hoa lý,
Miệng em cười có ý anh thương.*
— *Khoan khoan, buông áo em ra,
Đề em đi bán kẹo hoa em tàn !*

Những tâm hồn lương thiện, những
tấm lòng thơ ngây, không phải như
khách qua đường, không phải ong chường
bướm chán : phải duyên phải lứa thì
họ phải lòng nhau, đề thành lập gia
đình lo toan sự nghiệp.

*Nhà anh chỉ có một gian,
Nửa thì làm bếp, nửa toan làm ruộng.
Anh cậy em coi sóc trăm đường,
Đề anh buôn bán chầy chường
thông hành,
Còn chút mẹ già nuôi lấy cho anh,
Đề anh buôn bán thông hành đường xa.
Liệu mà thờ kính mẹ già,*

*Đừng tiếng nặng nhẹ, người ta
ché cười,*

*Dù no, dù đói cho tươi,
Khoan ăn, bớt ngủ, liệu bài lo toan.
Cho anh đành dạ bán buôn.*

Tâm đầu ý hiệp trong cảnh hàn vi,
họ đã kể trong người ngoài phân công
chia việc :

*Anh đi em ở lại nhà,
Hai vai gánh vác mẹ già, con thơ.
Lầm than bao quản muối dưa,
Anh đi, anh liệu chen đua với đời.*

Cái giang san nhà chồng phải gánh,
gánh nhẹ vì một niềm tin tưởng rằng
kẻ ngoài chân mây sẽ trở về cùng người
trong cánh cửa :

*Dù ai buôn đâu, bán đâu,
Mồng mười tháng tám chọi trâu
thì về.*

*Dù ai buôn bán trăm nghề,
Mồng mười tháng tám trở về chọi trâu.*

Chẳng phải chàng dưng sĩ một đi
không lại, cũng chẳng phải đưa con hoang
phóng đảng lưu linh, người ta đi đông
đi đoàn tha phương cầu thực,
nhưng lòng còn mang nặng một mối gia
đình, chân còn vướng lại quê hương
làng mạc.

Cho nên đâu đường đi lối về ngăn
sông cách núi, người ta cũng trở về
làng cũ nhà xưa, theo tiếng gọi của
ĐẤT NƯỚC thúc giục trong hồi chuông
kính trống sấm :

*Làng ta mở hội vui mừng,
Chuông kêu, trống đóng vang lòng
đôi bên.*

Lòng nào không lay theo hồi chuông
ngân, theo hồi trống giục, là tiếng thiết

tha cảnh tình những đứa con ám muội
lạc đường, là tiếng van lơn cầu xin ban
bổ lượng từ bi cải hóa những tâm hồn
hung ác, là lời khuyên nhủ của người
mẹ hiền thảo thê bên tai những đứa con
hoang của ĐẤT NƯỚC nhân từ ? Lời
kêu thiết yếu, ĐẤT NƯỚC thân yêu,
sắt đá nào cũng mềm vì tiếng gọi, vì
nhớ quê xưa làng cũ :

Làng ta phong cảnh hữu tình,
Dân cư giáng khúc như hình con long.
Nhờ trời hạ kế sang đông,
Làm nghề cấy cấy vun trồng tốt tươi.
Vụ năm cho đến vụ mười,
Trong làng kẻ gái, người trai đua nghề.
Trời ra, gắng ; trời lặn, về,
Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề
truyền chuyên,



Non sông gấm vóc

Lòng yêu quê xưa làng cũ tức thị tình
yêu quê hương, tình yêu ĐẤT NƯỚC thể
hiện. Tình yêu ĐẤT NƯỚC tập trung
vào làng quê, nhưng chẳng phải hạn
định bên xó hè, trong lũy tre, quanh
đình miếu. Tình yêu ĐẤT NƯỚC
chen hòa khắp non sông, bao trùm cả
Nam Bắc, tươi đẹp trong cảnh lạc nghiệp
an cư :

Xem trên trắng bạc trời hồng,
Dạo miền sơn thủy, bể sông thái bình.

Ngoài lũy tre xanh trên ngàn muôn
dặm non sông gấm vóc, ĐẤT NƯỚC
còn có những phong cảnh lịch thanh,
những non linh nước trí, những đô thị
phồn vinh :

Thành Hà-Nội năm cửa, chàng ôi !

Sông Lục-Đầu sáu khúc, nước chảy
xuôi một dòng :

Nước sông Thương bên đục bên trong,
Núi Đức Thánh Tản thất cô bông
mà lại có thánh sinh ;

Đền Sông thiêng nhất xứ Thanh.
Ở trên tỉnh Lạng có thành tiền xây,
Trên trời là chín tầng mây,

Dưới sông lấm nước, núi nay
lấm vàng.
Chùa Hương - Tích mà lại có hang.
Trên rừng lấm gỗ, thời chàng biết
không ?

ĐẤT NƯỚC đã dồi dào tài sản
lịch sử và tinh thần, cũng không kém
nghèo nguyên liệu khoáng sản kinh tế.
Nhưng ĐẤT NƯỚC ta không phải
quanh quẩn từ xứ Thanh đến tỉnh Lạng ;
ĐẤT NƯỚC ta còn chạy xa xăm khỏi
miền Kinh-Bắc, khỏi vùng Sơn - Nam,
vượt khỏi sông Gianh : tiếng chuông
dánh từ đền Sông, Hương-Tích, vang
vội mãi tận đất Phú-Xuân :

Gió đưa cành trúc là đà,
Tiếng chuông Thiên - Mục, canh gà
Thọ-Xương.

ĐẤT NƯỚC ta gồm có sông Hương
núi Ngự với những cô gái Huế trời gót
anh tài làm cho :

Học trò ở Quảng ra thi,
Thấy cô gái Huế chùn đi không đành.

Thật thế, chùn nào đi đành, khi nghe
tiếng hò mái nhì lạnh lớt, tự dưới lái
bồng cắt lên theo nhịp mái chèo ?

Núi Ngự-Bình trước tròn sau méo,
Sông An-Cự nằng đục mưa trong.
Em đây vốn thiệt chưa chồng,
Núi cao sông rộng biết gọi lòng cùng ai !

Những học trò xuất chúng như Trần-Quý - Cáp, Phan-Châu - Trinh, Huỳnh-Thúc - Kháng... của đất Quảng cũng khôn đành tách bước ra đi, khi từ bên kia ngai vàng cất lên thâm trầm một câu hò mái đẩy chứa chan lòng thương dân, tràn trề tình ĐẤT NƯỚC :

Trước bến Vân-Lâu,
Chiều chiều trước bến Vân-Lâu,
Ai ngồi ai câu,
Ai sầu ai thảm,
Ai thương ai cảm,
Ai nhớ ai trông,
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,
Đưa câu mái dẩy chạnh lòng nước non.

Tuy nhiên, những học trò kia sau rồi cũng phải tách bước ra đi, đi theo tiếng gọi thiêng liêng của ĐẤT NƯỚC, đi đập phá xiềng xích gông cùm cho ĐẤT NƯỚC, vì ĐẤT NƯỚC đã bị phản bội rồi :

Đất Thừa-Thiên,
Trai hiền gái lịch,
Non xanh nước bích,
Điện ngọc sông trong,
Tháp bảy tầng,
Thánh miếu chùa Ông,
Trách thay ai một dạ hai lòng,
Tham đồng bạc trắng, nỡ phụ lòng
dân đen !

ĐẤT NƯỚC quý yêu đã bị phản bội rồi ! Đã mấy phen rồi ! May thay, những đứa con yêu quý ĐẤT NƯỚC đã từng đứng lên giành lại độc lập một cách kiêu hùng, như những đứa con của đất Quảng-Nam ấy, những đứa con của đất Tây-Sơn, những đứa con của truyền thống Bình-Định :

Ai vô Bình-Định mà coi,

Đàn bà cũng biết cầm roi đi quờn !

Vâng, ĐẤT NƯỚC ta ở đây, ở quê hương của Nguyễn-Huệ, sản xuất cả một truyền thống hùng hào, không hề thẹn với ĐẤT NƯỚC, như tục ngữ đã chứng minh :

Trại An-Thái,

Gái An-Vinh.

Trai gái trong hai xã này của huyện Bích - Khê, đã nổi danh vô nghệ, đáng mặt hậu duệ của Quang-Trung ; với câu tục ngữ ấy, họ làm vẻ vang cho ĐẤT NƯỚC.

Nhưng ĐẤT NƯỚC không phải hạn
giới ở đất Nam-Ngãi-Bình ; giới hạn
của ĐẤT NƯỚC còn đi đến Phú-Yên,
Khánh-Hòa, Bình - Thuận, là vùng nổi
tiếng với hải phẩm như nước mắm và
cá mè.

ĐẤT NƯỚC ta, ở miền Nam-Ngãi Bình-Phú-Khánh-Thuận, có diêm đặc biệt là sản phẩm chẳng những làm giàu có cho ĐẤT NƯỚC, làm no ấm cho nhân dân, mà còn gây dựng và nuôi nấng đời sống tình cảm. Thật thế, ở Bình - Định, xoài ngọc Thanh-kiều ngọt ngào và bánh ịch lá gai ngọt bùi khéo léo, là những dấu mỗi nhân duyên:

— Gió đưa mười tám lá xoài,

Lấy chồng Bình-Định cho dài đường đi.

— Muốn ăn bánh ích lá gai,

Lấy chồng Bình-Định sự dài đường đi.

Còn ở Bình-Thuận, Khánh-Hòa, con cá mè, ngoài công dụng thông thường là để ăn tươi, ăn gỏi, làm khô làm mắm... còn dùng làm lễ vật đi cưới xin :

Cô kia bới tóc cánh tiên,
Ghe bầu đi cưới một thiên mấm mồi,
Không tin dò thử lên coi :
Rau răm ở dưới mấm mồi ở trên.

Thứ mấm mồi ấy có lẽ được cô gái ở Phú-Yên thích hơn cả bánh ích lá gai và xoài ngọc ở Bình-Định nữa, vì anh trai ở Bình-Thuận đã chở mấm mồi Đức-Thăng Hàm-Tân đi cưới vợ ở Phú-Yên, giành mối với trai Bình-Định :

Tiếng đồn cô gái Phú-Yên,
Con trai Bình-Thuận đi cưới một thiên cá mồi.

Bắt đầu từ biên giới Trung - Hoa, ĐẤT NƯỚC ta gồm cả hệ thống núi non miền Tây Bắc, nối tiếp xuống giải Trường-Sơn, chấm dứt ở Bình - Thuận, rồi tỏa ra thành một vùng bình nguyên minh mông bất ngát về phía cực Nam.

Vùng bình nguyên ấy đã nổi tiếng là cái vựa lúa không lỗ với thủ đô ánh sáng :

— Chợ Sài-Gòn đèn xanh đèn đỏ,
Anh coi không lỗ rõ, anh ngờ đèn tàu...
— Đường Sài-Gòn cây to bóng mát,
Đường Chợ-Lớn hội cát nhỏ để đi...

Ngoại trừ hai cánh đồng quanh năm ú nước là Đồng-Tháp-Mười và Rừng U-Minh, vùng bình nguyên miền Nam là một đồng lúa vô biên, Bắc giáp Cao-Miên có sông Sở-Thượng là chỗ nổi tiếng với cá đồng mà là nơi khi ho cò gáy :

Ngó lên Sở-Thượng thêm buồn,
Muốn giẫm cội rễ sợ đường xa xuôi.

Chính sông Sở-Thượng là ranh giới phân đất Chùa-Tháp với Đồng-Tháp-Mười.

Đồng-Tháp-Mười là một đồng trũng, đọng nước suốt năm, cỏ mọc năm ba thước cao, không trồng trọt được và không cư trú được :

Trời sanh, kinh đỏ, đất xanh,
Đĩa bu, muối cắn làm anh nhớ nàng.

Tuy nhiên, ở ven cứ địa của Thiên-hộ Dượng ấy, những thị trấn như Cao-Lãnh, Tân-Châu đã làm cho ĐẤT NƯỚC nổi tiếng với tầm tang tơ lụa và gỏi tốt gà hay :

Gà nào hay cho bằng gà Cao-Lãnh,
Gái nào bảnh cho bằng gái Tân-Châu ?
Anh thương em chẳng ngại sang giàu,
Mứt hồng đôi lượng, trà Tàu đôi cân.

Đối lại với Đồng-Tháp-Mười, ở miền Tây có đồng U - Minh hì hòm, cũng ngập nước quanh năm, với một cánh đồng rừng tràm vô tận :

Chèo ghe sợ sấu cắn chùn.
Xuống bưng sợ đĩa, lên rừng sợ ma.

ĐẤT NƯỚC ở đây tuy cũng nuôi sống con người bằng thò sản như cây củi, mật ong... nhưng tựu trung vẫn không phải là cảnh cực lạc :

Anh đi ba bữa anh về,
Rừng cao nước độc chó hễ ở lâu.

Đồng bào sống cơ cực ở đây vẫn nhận thấy cảnh khờ của mình, nên đem so sánh xứ Rạch-Giá ở U-Minh với một thị trấn nổi danh là Tây-Đô :

Xứ Cần-Thơ nam thanh nữ tú,
Xứ Rạch-Giá vượn hú chim kêu...

ĐẤT NƯỚC ở Tháp-Mười và U-Minh thật là chỗ khi ho cò gáy, « con muối lớn như con gà mái, con đĩa trâu lớn cỡ bắp tay », nhưng lại là một vựa

cá dòi dào, một nguồn thủy lợi vô tận, nuôi sống nhân dân từ đời nọ sang đời kia :nào giăng câu, nào đặt lợp, nào câu nhắp, nào câu rê, nào đào đĩa, nào gió rờ... bất kỳ phương pháp giản dị với dụng cụ thô sơ thế nào cũng bắt được cá tôm ; thậm chí trẻ con cũng bắt được cá dễ dàng :

*Mà ơi ! đừng đánh con hoài,
Đề con câu cá nấu xoài má ăn.*

Cá tôm ở hai cánh đồng ấy, đến mùa bắc, kéo nhau ra các sông ngòi, chan đều khắp ĐẤT NƯỚC miền Nam, nuôi sống nhân dân dư dả rồi làm mồi cho điều quạ :

*Ba phen quạ nói với điều :
Đi về sông cái có nhiều cá tôm.*

ĐẤT NƯỚC miền Nam đã nòi danh là cái vựa lúa khổng lồ, lại là cái vựa cá trù mật, nhưng ở thực tế, kẻ chơn lăm tay bùn không phải luôn luôn là chủ nhơn ông ; trái lại, không biết ai đầu giành lấy hết quả của mồ hôi nước mắt mình :

*Tay anh dấn ráng thả đĩa,
Một mai con cá cựa biết vìa tay ai ?*

Cho nên từ chỗ địa bầu bụng trấp, tiếng yểu von rĩ rả theo cánh gió bay đi :

*Gió thổi hiu, Bắc Liêu kia hơi !
Đoạn sầu này biết gởi cho ai ?*

★

Người dân chôn nhau, cắt rún trong ĐẤT NƯỚC, sống lên nhờ ĐẤT NƯỚC, chôn xương gởi nặc trong ĐẤT NƯỚC. Không phân biệt người con hiếu trung với đứa trẻ phản bội, ĐẤT NƯỚC hiền lành, rộng lòng dung dưỡng toàn thê con dân. ĐẤT NƯỚC chờ che và tung trọng những người con đã âm thầm hay phấn khởi chết cho ĐẤT NƯỚC. ĐẤT NƯỚC cũng chứa chấp xương tàn cốt rụi của những đứa trẻ lén lút hay công khai sống hại ĐẤT NƯỚC. Trung thành hay phản phúc, con dân đều qua, bền bỉ và nhân từ, ĐẤT NƯỚC còn mãi ; ĐẤT NƯỚC còn mãi, nhờ các con ưu tú, trung kiên, và còn mãi với danh thơm tiếng tốt của các con anh hùng trung trực. ĐẤT NƯỚC đã sống trên bốn ngàn năm với những người con yêu quý, những Trưng-Trắc, Trưng-Nhị, những Lê-Lợi, những Quang-Trung... ĐẤT NƯỚC còn sống mãi mãi với những người con yêu quý trong những thế hệ sau này. ĐẤT NƯỚC với nhân dân sống mãi với nhau, đùm bọc che chở lấy nhau, như mẹ ôm con, như con bám mẹ, như :

Nhiều điều phủ lấy giá gương...

THUẦN-PHONG

TRẦN-HƯNG-ĐẠO:

MỘT NGƯỜI

VÀ MỘT ANH HÙNG DÂN TỘC

NGUYỄN-NGUỘI

Chỉ những bậc vĩ nhân mới có những tình cảm vĩ đại



NÀI sanh ngày nào, sử sách quên chép, nhưng ngày Ngài mất, sử sách có ghi: đó là ngày 20 tháng 8 năm Canh-tí, dương lịch nhằm năm cuối của thế kỷ XIII, năm 1300.

Vậy ngày 20 tháng 8 năm nay, năm Đinh-dậu, dương lịch năm 1957, là giỗ thứ 657 ngày Ngài qua đời. Và nước Cộng Hòa Việt-Nam của chúng ta đã lấy ngày này làm quốc lễ.

Công sở nghỉ việc; học đường nghỉ dạy.

Như một ngày chủ nhật, tôi mong được dự vào một cái gì để sống lại chút nào cái không khí lịch sử hơn sáu trăm năm về trước, để cho tâm hồn nhuần gội cái hào khí của ông cha..., nhưng tôi đành chịu. Chánh phủ chưa có tổ chức một cuộc lễ công cộng, để toàn dân nhớ đến người anh hùng dân tộc cùng đồng bào anh dũng đã đứng sau lưng Người, nhớ đến dặng mà cùng nhau ngấm nghĩ, cảm thông... Tôi sức nhớ đến thờ Ngài ở ngay kinh đô, do hội Bắc-Việt Ái hữu thông nom; song tôi bỏ ý định đến nơi thờ phụng ấy, vì —

Không xem ngày lễ này nhiều người đã thờ, đã cúng, đã kỷ niệm Người đuổi giặc xâm lăng Bắc phương với một tinh thần... vụ lợi, chúng tôi muốn nói tinh thần mê tín dị đoan. Nên tôi phải ngồi nhà, sống với người xưa bằng cách « đốt lò hương ấy », dờ lờ trang sử cũ.

Hương hồn Người có phảng phất đâu đây ?



Hỡi người đại anh hùng của dân tộc Việt

Kẻ hậu sanh lần dờ trang sử cũ, lần hương thơm, đường khói nhẹ bao vây, không giấu được niềm vui pha chút tự hào. Vì phòng quân Mông-cò dừng quá tham lam, bằng lòng với đất nước Trung-hoa lớn rộng và phì nhiêu, mà chẳng ào sang quê hương nòi Lạc-Việt đến ba lần, khiến Người chẳng mang cả gánh sơn hà với chức Tiết-chế thống lĩnh toàn quân, tạo một sự nghiệp võ công oanh liệt cho riêng mình và cho cả dân tộc, trước tác những « *Hịch tướng sĩ* », « *Binh thư yếu lược* », « *Vạn kiếp tông bí truyền thư* », thì tên tuổi Người cũng ngát truyền cho hậu thế.

Bởi vì Người là Một Người, với tất cả cái nghĩa cao cả và đẹp lành của nó. Mà một người như thế, thì dù ở thời loạn hay thời bình, dù cho theo nghiệp kiếm cung hay mài nghiên nâng bút, thế nào cũng dựng được một sự nghiệp gì làm vẻ vang cho nhà, cho nước.

Mà đời Người, lúc thiếu thời cho đến khi bỏ lão, từ giữa chốn ba quân với rừng gươm núi giáo cho đến lúc thung dung với gió mát trăng trong, chẳng thiếu gì nét đẹp.

Là con chí hiếu, hẳn Người đã khổ tâm vì mẹ mình phải bị ép làm vợ chú mình, khiến người cha quá uất ức phải trở thành phiến loạn, và về sau, dầu được tha thứ, dầu được ban cho thái ấp, niềm công phần và tui nhục xưa vẫn nặng trĩu đáy lòng, để gọi lại cho đứa con mà ai cũng đoán sau này sẽ « kinh bang, tế thế » : « Mai sau, nếu con không vì ta mà lấy được thiên hạ, thì ta nằm dưới đất đen, chẳng thế nào nhắm mắt được ». Lời cha dặn, vừa như truyền dạy, vừa như thề van lơn, làm sao Người quên được. Song không quên là một việc, mà cho đó là đúng, là phải, mà phải làm theo cho đúng, lại là một việc khác. Cho đến lúc cơ hội ngàn năm một thuở nằm trong tay : vua giao hết cả binh quyền, mà vẫn chẳng làm cho thỏa dạ kẻ sanh thành. Lại còn hỏi thử con đề dờ ý. Khen con trưởng phản đối bao nhiêu thì lại giận con thứ tán thành bấy nhiêu, giận đến đổi toan đưa gươm cắt tình phụ tử, giận đến đổi lúc gần lìa trần dặn con trưởng đừng cho đứa con bất hiếu kia được thấy mặt Người. Đẹp tình tư qua bên đề trọn vẹn với lễ lớn, mấy ai mà được như Người. Bài học giản dị và cao cả của Người để lại : xóa hiềm riêng, lo nghĩa cả, con cháu Người trải bao năm tháng, giờ vẫn còn ghi.

Và con cháu Người đến nay vẫn còn nhắc thái độ và cử chỉ Người đối với Chiêu-Minh-vương, Trần - Quang-Khải, người em bà con chú bác với Người. Tánh tình không hợp, ý kiến không đồng, Người và Quang-Khải không ưa nhau ra mặt. Thế mà lúc tổ quốc lâm nguy, Người — lớn vai hơn, lớn quyền hơn — đã bước tới trước để xóa hẳn những

gi chẳng hay khi trước, đang cùng nhau thân ái tay trong tay mà chung lo cứu nước cứu dân. Và đề trời luôn — nếu nó còn dính lại chút nào — chuyện cũ, Người đã vui vẻ và hóm hỉnh tự tay dội nước ấm thơm cho Chiêu-Minh-vương mà Người biết vốn sợ tắm, rồi vừa kì rửa cho chú em, vừa bồn : « Được tắm rửa thượng tướng như thế này, thật là ngàn năm mới có một thuở ! Thật là hân hạnh cho kẻ ra công kì », khiến Trần-Quang-Khải, vị tướng sau này « *Đoạt sáo Chương-dương độ, Cầm Hồ Hàm-tử-quan* » quên hẳn tất sợ nước mà đùa lại : « Người được hân hạnh là người được Quốc công ban cho ơn kì rửa chớ ! » Và sau cuộc « tắm lịch sử » này, tình hữu ái giữa Người và Quang-Khải thắt chặt thêm, việc lớn cũng nhờ đó mà thêm phần hay, đẹp.

Với cha, biết không vâng lời, với con, biết khát khe, với em, biết dịu dàng. Người đã làm kẻ hậu sanh kính phục; song với loài thú, với con vật Người dùng, kẻ đến sau mới cảm mến Người biết bao. Biết bao người, lúc hoạn nạn có nhau, mà khi thành công, thì lại dờ dờ « được chim bẻ nã, được cá quăng nôm » ; với người họ còn thế, huống chi đối với vật. Nhưng Người không phải họ.

Con voi đã từng cùng Người xông pha tên đạn, bị sa lầy tại sông Hóa, không bẻ cứu được. Người buộc lòng già từ nó, đi mau đến sông Bạch-đăng phá chiến thuyền Ô-Mã-Nhi. Con vật trung thành nhìn theo Người đi mà ứa nước mắt, làm Người cũng khóc theo. Lời thề tại sông này, Người giữ vẹn : « *Trận này không phá xong giặc Nguyên, thì không về đến sông này nữa* » ! Quân Mông-cò phá

xong, Người trở lại chỗ cũ. thì con voi đã không còn. Con voi đã đến nọ nước ấy không còn, nhưng đến nay vẫn còn con voi gạch ở cạnh sông, do Người sai xây để kỷ niệm. Và từ đó, con sông Hóa đã chứng kiến lời thề lịch sử trên kia có một « bến Voi » để nhắc nhở người đời cái nghĩa của một con vật và tấm tình của một con người.

Tình Người đẹp thế, lượng Người mới rộng làm sao !

Toàn thắng quân xâm lăng rồi, lo cho tù binh về nước. Song có một tên, cần phải gọi xương lại nước Nam. Vua muốn thế, mà dân cũng muốn thế. Vì tên ấy đã khai quật mộ vua khai sáng nhà Trần, vì tên ấy quyết tìm giết cho được vua Việt dương thời mới nghe, vì tên ấy sát hại lương dân quá sức tưởng tượng. Tên hán là Ô-Mã-Nhi. Được vua hỏi kế, Người đưa ra mật kế : đưa Ô-Mã-Nhi và gia quyến về bằng đường thủy, rồi nửa đêm, đục thuyền. Song ai làm nấy chịu, kẻ lăm chày máu người phải đền nợ máu, chỉ một mình Ô-Mã-Nhi phải bỏ thân dưới nước, còn thê, thiếp, tiểu đồng của tướng giặc khát mát máu này, thì Người cho thủy thủ cứu cả và cho đưa chúng về Tàu.

Đức hiếu sinh của Người, những ai xứng là con cháu Người lại nở chẳng noi theo ?

Lại khi quân thù bị quét khỏi bờ cõi, triều đình bắt được tài liệu của một số quan thông đồng với giặc, (1) Người đồng ý với Thái-Thượng-hoàng đốt tất cả bằng chứng, khiến những kẻ có tội càng ăn năn hối hận, đem hết tâm trí trong công cuộc chung lo kiến thiết lại quê hương, để đáp lại lòng trí ân Thượng-Hoàng và Đại-vương trong muôn một.

(1) Một thứ giặc lăm bá chủ gần hết thế giới lúc bấy giờ.

Tiết kiệm những dòng máu đồng bào, cho người lỡ lầm, nông nổi có cơ chuộc tội, — « *lúc quê hương cần người* » — bài học lịch sử này, gần bảy trăm năm qua, nay vẫn còn y nguyên giá trị.

Khi sống, Người đã đem hết sức tài giúp vua giúp nước, mà đến lúc sắp chết Người cũng còn « *nặng gánh giang san* ». Người đã thừa với vua (2) :

— Xưa, Triệu-Vũ-Đế lập quốc (3), vua Hán cho quân sang đánh, Triệu-Vũ-Đế bảo dân đốt phá sạch quang đồng nội, không để quân địch cướp bóc được lương thảo, rồi đem đại binh ra châu Liêm, châu Khâm, đánh Trường-sa (4), dùng đoản binh úp ở sau : đó là một thời.

Đời Đinh, đời Lê, lựa dùng được người hiền lương : bấy giờ bên Bắc mới mẻ suy yếu, còn bên Nam thì mới mẻ hùng cường, trên dưới đồng lòng một ý, lòng dân không chia lìa, đắp thành Bình-lỗ (5) mà phá quân Tống : đó là một thời thái.

Nhà Lý mở nghiệp, quân Tống sang xâm lấn đất đai bờ cõi, vua Lý dùng Lý-thường-Kiệt đánh Khâm, Liêm, tiến đến tận Mai-lĩnh : đó là thế làm được.

Trước đây, Toa-Đô, Ô-Mã-Nhi, bốn mặt bao vây. Phía ta, vua tôi đồng tâm, anh em hòa thuận, cả nước cùng hợp sức, chúng mới bị bắt : đó là lòng trời xui nên.

Đại khái kể kia cây trường trận, ta cây đoản binh ; lấy đoản chế trường : đó là lối thường làm của binh pháp. Hễ thấy quân kia tràn đến, ầm ầm như lửa, như gió, thì cái thế ấy dễ trị. Nếu nó dùng chước như tầm ăn dần, ung dung, thủng thủng, không vụ của dân, không cần mau thắng, thì ta phải lựa dùng

lương tướng, xem tình hình mà liệu quyền biến như đánh cờ vậy. Nhưng phải tùy từng lúc mà liệu chiều, cốt có hạng quân sĩ thân tín như tình cha con thì mới dùng được. Vả, phải nói lòng sức dân để làm cái chước rễ sâu gốc vững. Đó là phương sách giữ nước hay hơn cả (6)».

Kể có bốn phận dặt dều dân tộc phải luôn luôn lo xa, nhìn rộng, lúc nào cũng biến chế cho hợp với hoàn cảnh, cho hợp với nguyện vọng toàn dân, trên dưới hiểu nhau, thương nhau, đoàn kết chặt chẽ, quân với dân như cá với nước, tùy sức chịu đựng của dân mà bắt dân chịu thiệt thòi, chịu gian khổ, việc mất còn của nòi giống là việc chung của mọi người, chớ chẳng phải việc riêng của một người, của một họ, của một đảng. . . , biết bao lời hay ý đẹp mà nước nào trên thế giới hiện nay cũng nói đi lập lại.

Song nói là một việc, còn làm đúng theo là một việc khác. Cũng như lời Người để lại là một việc, còn con cháu có làm đúng hay không theo lại là một việc khác.

(2) Vua Trần-Anh-tông hỏi : « *Thượng phụ một mai khuất núi, phỏng có quân Bắc lại sang thì làm thế nào* » ?

(3) Nay ta hiểu là Triệu-Đà — người Hán — lập quốc cho riêng ông ta, và nước đây là nước Nam-Việt, mà trong đó có nước Âu-Lạc của chúng ta bị sáp nhập. Ta không nhận Triệu-Vũ-đế là vua dân ta, và nước Nam-Việt là nước ta như người xưa.

(4) Theo sử gia Trần-Trọng-Kim, thì về diêm địa lý này Hưng-Đạo-vương lâm và ông cho có lẽ lúc bấy giờ, Hưng-Đạo-vương tướng kinh đô Phiên-ngung (gần thành Quảng-châu bây giờ) ở bên nước ta. Trường-sa ở tỉnh Hồ Nam, phía Bắc kinh đô nước Nam-Việt, còn châu Khâm, châu thì Liêm giáp nước ta, tức là phía Nam Phiên-Ngung.

(5) Thuộc tỉnh Thái-nguyên.

(6) Hoàng-Thúc-Trâm dịch.



Hỡi người đã sống, chết vì
nỗi Hồng-Lạc !

Trang sử cũ về Người tới đây, tôi đã
lật hết. Khói hương cũng đã chẳng còn.
Lòng tôi bùi ngùi, thương mình ngày này
lại ngồi một chỗ. Người dân Việt nào
chẳng mong trong đời mình, được như
nhà văn nào, mấy trăm năm về trước,
hay như nhà giáo nào, đôi mươi năm
vừa qua :

Tới sông Bạch-đăng, bơi chiếc thuyền
câu

Sóng kình trông ra man mác, đuổi
đoi (7) động thấy quần nhau.

Nước trời một sắc, phong cảnh ba thu,

Bờ lau bến lách, gió lướt rào rào,

Sóng chôn giáo gậy, gò chắt xương khô ;

Buồn rầu lặng ngẫm, đứng sông già
lâu.

Nghĩ anh hùng đã quá vắng, thương
dấu vết chỉ còn lưu.

Các cụ già cả, hỏi tớ đi đâu,

Chèo ghe chống gậy, kẻ trước người
sau.

Chào ta mà nói rằng : « Đây là chốn
hai thánh Trưng-Hưng bắt Ô-Mã-Nhi,
mà cũng là nơi khi xưa họ Ngô phá
Lưu-Hoảng-Thao đó... (8) !

Tôi lại muốn từ bùi ngùi sang chán
nản. Vì Người ơi ! Cái mong muốn
chánh đáng và xem như chẳng mấy khó
khăn kia, nay hóa thành ảo tưởng. Vì đã
ba năm rồi, đất nước bị cắt hai, và ngày hợp
nhất ấm êm, nó còn đang ở đâu đâu ; lại
thêm, giờ đây, những cuộc xâm lăng đội
nhiều hình thức, mang lắm danh từ, chẳng
phải chỉ lớp ngựa phăng phăng, vừng
gươm san sát hay đạn dưng dưng bay...

Buồn bã, bi quan trong ngày lễ kỷ niệm
Người, chẳng là đặc tội với Người và
với mình lắm sao ? Nhất là khi tin tưởng
rằng, hương hồn Người đương phăng
phất đâu đây.

Muốn tìm trong bầu « hào khí Đông-
A » (9), kẻ hậu sanh ở giữa lòng thế
kỷ XX xin mượn lời đôi bạn cùng thời
cùng lứa, xưa kia cùng một lời nguyện...



Sắc dụ cho trăm họ gần xa tụ
họp hôm nay tại điện Diên-
hồng được tường lãm :

« Mịt trời khói lửa,

« Ngất đất binh reo.

« Cầm quân Nguyên ý chúng
hiếp cô,

« Xua binh mã lấn xâm nước Việt.

« Nơi biên giới, quân ta đang
lưu huyết,

« Cùng quân thù, giành từng mảnh
giang san,

« Nhưng thế cô không đương nổi
bọn sài lang,

« Phải tạm rút lui về nơi hiểm trở,

« Thấy dân khờ, lòng quả nhân
không nở,

« Muốn ra binh mà e muốn họ
lầm than.

« Nhưng cầu hòa biết quốc gia còn
được an toàn ?

« Trăm do dự không biết nên hòa
hay chiến.

(7) Một thứ cá lớn.

(8) Ht-Ứng. Bài « Bạch-đăng phú » của
Trương-Hán-Siêu.

(9) Đông-A : nhà Trần (chữ Trần viết theo
Hán tự gồm 2 chữ : Đông và A).

« Nghĩ vì xưa các triều Đinh, Lê, Lý,
 « Ngự để đô nào biết đến muôn dân,
 « Lệnh ban ra, bắt buộc phải thi hành,
 « Dẫu gây hại, khiến sinh linh
 đổ thán.
 « Cũng vì vậy mà nước non mờ ám,
 « Vua phạt vua, dân chỉ nghĩ đến dân.
 « Suốt bao năm loạn lạc lung tung,
 « Triều đại sớm lâm cơn suy lụn.
 « Gương còn đó, Trẫm hằng
 niệm tụng,
 « Nước là dân, dân yếu nước nguy.
 « Nên trong khi giặc đến biên thùi,
 « Trẫm phát chiếu triệu Diên-hồng
 hội nghị,
 « Đặt biết rõ linh hình trong
 hương lý
 « Diên canh, kinh tế, binh lực,
 quân nhu,
 « Có đủ chẳng đặt chống chọi
 với quân thù,

« Và hai lẽ : chiến, đầu, chọn một.
 Giữa muôn dân tụ họp,
 Trẫm tuyên bố trong ngoài :
 Hội nghị Diên-hồng khai mạc ! »

★

« Hỡi nhân dân trong thành ngoài
 quận :
 « Nghĩ vì binh lương ta sung túc,
 « Nghĩ vì địa thế ta hiểm trở,
 « Nghĩ vì muôn dân ta đồng tâm,
 « Hội nghị Diên-hồng quyết định :
 « CHIẾN ĐẤU VỚI GIẶC
 TỐI CÙNG ! » (10)

NGUYỄN-NGU-Í

(10) « Hội nghị Diên-hồng », kịch lịch sử của Hoàng-Mai, tuần báo Thanh-niên, số « Tam biệt », cuối tháng 9 năm 1944.

★ TA phải lạc quan, những kẻ bi quan suốt đời chỉ là những kẻ bàng quang mà thôi.

GUIZOT

★ NGƯỜI quân tử chỉ biết chăm lo suy tính công việc của mình, lúc chưa làm được thì vui, vì có ý làm nên việc ; lúc đã làm được cũng vui vì, có trí làm nên việc. Cho nên người quân tử được hưởng vui thú suốt đời mà không phải lo sợ một ngày nào hết.

THUYẾT-UYỀN

TÌM HIỂU KIẾN-TRÚC VĂN-MIẾU

Đền thờ đức Không-Tử ở Việt-Nam

Từ - Quyên
ĐẶNG-VĂN-NHÂM



Việt-Nam có hai đền thờ Không-Tử: Văn-Miếu Hà-nội và Văn-Miếu Huế.

Văn-miếu Huế còn có tên nữa là Thánh-miếu do vua Gia-Long dựng lên năm 1808, cách chùa Thiên-Mụ độ chừng 300 thước.

Văn-Miếu Hà-nội, có thuyết cho rằng, do ông Sĩ-Nhiếp đã dựng lên trong thời kỳ đô hộ xứ ta, vào khoảng năm 187-226 sau T.C. Nhưng xét trên phương diện văn học, Văn-Miếu tỏ ra đã được dựng lên dưới niên hiệu Thần-Vũ (1070) nhà Hậu Lý, do Thái Sư

Tô-Hiến-Thành hưng công. Vị trí Văn-Miếu nằm trên phố Sinh-Tử, thuộc phía Tây Nam thành phố Hà-nội, tức làng Minh-Giám, huyện Thọ-Xương cũ. Văn-Miếu đối diện với Vô-Miếu, đền thờ quan Vũ-Đế, một vị đại anh hùng thời Tam-quốc (221-264 Sau T.C.).

Ngày xưa, Văn-Miếu đã từng được dùng làm Quốc-Tử-Giám, nơi dành riêng cho con các quan học. Vì thế, người ta còn gọi Văn-Miếu Hà-nội là nhà Giám nữa.

Văn-Miếu là đền Thờ Không-Phu-Tử, một vị đại hiền triết Trung-Hoa và của cả Á-Đông, cùng với những vị môn đệ xuất sắc nhất của ngài là: Tứ-Phối,

Đồ án Văn-Miếu Hà-nội

Chú thích :

- 1/ Khải-Thành-Điện.
- 2/ Nhà ở của những người thủ đền.
- 3/ Chỗ ngụ của các Thầy tư tế.
- 4/ Miếu thờ Thổ Thần.
- 5/ Đại-Thành điện.
- 6/ Văn-Miếu.
- 7/ Đền thờ môn đệ phía Đông.
- 8/ Đền thờ môn đệ phía Tây.
- 9/ Đại-thành môn.

Thất thập nhị hiền (72 ông hiền) và 120 vị hiền nhân quân tử khác.

Ngoài ra, ở các nơi phủ, huyện, làng mạc Việt-Nam, chỗ nào cũng có lập đền thờ, gọi là Văn-Chi hay Từ-Chi.

Văn-Chi là đền thờ ở các phủ, huyện.

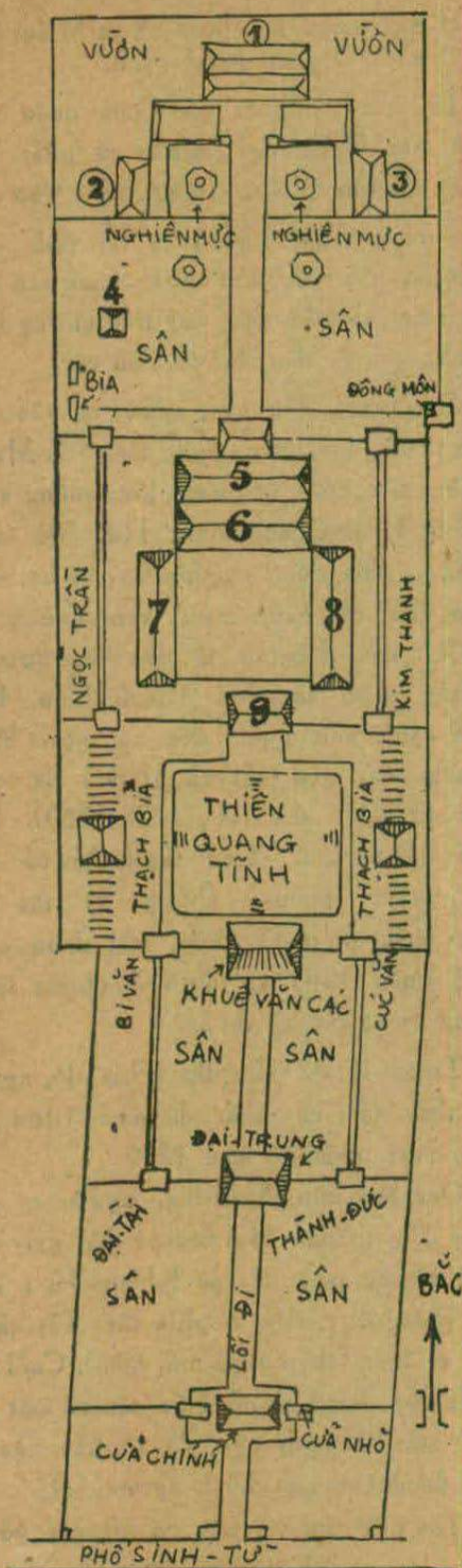
Từ-Chi là đền thờ ở các làng, tổng.

Văn-Chi và Từ-Chi là những cái đàn lộ thiên sơn trắng xây trên một gò đất cao, phong cảnh thanh nhã, êm đềm.

Văn-Chi và Từ-Chi chẳng những thờ các vị Thánh nho như đã kể trên, mà lại còn thờ luôn cả các vị khoa hoạn nổi danh trong nước như ông Chu-văn-An, hay các vị có công với nền nho học nước ta, như các ông Nhâm - Diên, Sĩ-Nhiếp v.v...

Mỗi năm, xuân thu hai kỳ, ở kinh đô hay ở tỉnh thành, các quan làm lễ rất trọng thể.

Có khi chính nhà vua thân chinh hành lễ tại Văn-Miếu, gọi là Thịch-diện.



Cũng trong những kỳ này, ở hàng huyện, hàng tổng, hàng xã, các nhà học thức trong vùng cũng họp nhau lại làm lễ tế Thánh và bàn luận văn học. Nếu năm nào có khoa thi, thì tất cả sĩ tử trong vùng họp nhau lại làm lễ kỳ khoa rất lớn lao, trọng thể.

Những nét đại cương về kiến trúc của Văn-Miếu Hà-nội tương tự như kiểu đền thờ Khổng-Tử ở quê hương ngài, thuộc làng Xương-Bình, Huyện Khúc-Phụ, nước Lỗ, nay thuộc phủ Duyên-Châu, tỉnh Sơn-Đông. Mặc dù diện tích Văn-Miếu Hà-nội đã được coi là vĩ đại ở Việt-Nam, nhưng vẫn không thể so sánh với tòa đền Khúc - Phụ nguy nga, đồ sộ ở bên Tàu.

Đồ án Đền Văn - Miếu Hà-nội kiến trúc theo hình bình hành, bề ngang đo được 75 thước, bề dài đo được 350 thước. Chung quanh có tường cao bao phủ rất uy nghiêm. Bên trong, Văn-Miếu có tường ngăn ra làm năm đợt cách biệt và có năm lần cửa chính :

— Cửa thứ nhất có tam quan ở mặt đường Sinh-tử.

— Cửa thứ hai là cửa Đại-Trung môn. Hai bên có hai cửa nhỏ gọi là Đại-Tài môn và Thành-Đức môn.

— Cửa thứ ba là Khuê-văn các, bên phải có cửa nhỏ gọi là Cúc-Văn, bên trái gọi là Bi-Văn.

— Cửa thứ tư là Đại-Thành môn. Bên trái có cửa nhỏ gọi Ngọc - Trần, bên phải gọi là Kim-Thanh.

— Cuối cùng là cửa hậu ăn thông vào sân sau. Bên phải có một cửa hông gọi là Đông-môn.

Đứng trước tam quan Văn-Miếu còn có bốn cột trụ quan xây gạch.

Từ cửa chính có gác tam quan vào đến cửa Đại-trung, người ra phải qua một cái sân cỏ lớn trống trải. Vào đến Đại-trung môn, người ta lại phải qua một lần sân rộng, lớn nữa. Cuối sân này có một tòa đền cao xây trên những bậc gạch, gọi là đền Khuê-Văn các.

Qua Khuê-Văn các, người ta vào đến sân thạch bia, tức trung tâm Văn-Miếu. Giữa sân có một giếng lớn, vuông vức, gọi là Thiên-Quang tỉnh. Hai bên cạnh giếng, phía đông và phía tây, có hai ngôi đền thờ đề hảng năm vào những kỳ tế lễ, các thầy tư tế dâng hương, tưởng niệm các bậc Thánh hiền. Hai bên cạnh mỗi ngôi đền có một hàng thạch bia, gồm tất cả 82 tấm đá dựng lên từ đời nhà Lê (1428-1789), trên rùa đá to lớn. Trên thạch bia có ghi rõ ngày, tháng những kỳ thi do các triều đình tổ chức, với danh sách quê quán 1295 vị tiến sĩ đã chiếm bảng vàng trong các kỳ thi ấy.

Treng số 82 tấm thạch bia đó, người ta thấy tấm cũ nhất đề năm 1484 và tấm mới nhất đề năm 1779.

Qua khỏi sân thạch bia, người ta đến cửa Đại-thành. Hai bên có hai dãy đền thờ những môn đệ của Khổng-Tử : một về phía đông, một về phía tây. Tất cả là 72 vị hiền (thấp thập nhị hiền). Cuối hai dãy này, ngay chính giữa sân có một tòa nhà tám mái nguy nga, đồ sộ, năm ngang, tạo thành hình một chữ U ngược. (∩).

Tòa nhà tám mái này có 40 cột gỗ to lớn, sơn son thiếp vàng lộng lẫy và ngà

ra làm hai ngôi trước sau : ngôi trước gọi là Văn-Miếu, chính giữa có đặt bàn thờ Không-Tử. Hai bên bàn có bày những hạc thờ đậu trên lưng rùa. Ngôi sau tiếp cận với ngôi trước, gọi là Đại-thành điện. Giữa Đại-thành điện, trên một bậc cao có kê một cái ngai sơn son thiếp vàng lộng lẫy, đặt bài vị thờ Không - Tử. Hai bên ngai, có hai hàng bài vị thờ bốn vị đệ nhất môn đệ của Không-Tử, gọi là Tứ-Phối gồm các ông : Nhan-Uyên, Tử-Tư (cháu nội Không-Tử), Tăng-Sâm và Mạnh-Kha. Sau hàng bài vị Tứ-phối đến những hàng bài vị của thất thập nhị hiền.

Sau Đại-Thành điện có một cửa hậu ăn thông vào sân sau, tức sân chót của Văn-Miếu, gọi là đàn Xả-tắc. Trong sân đàn, phía trái hướng tây, có một ngôi miếu nhỏ thờ thờ thần sở tại, và bốn nghiên mực lớn bằng đá, với hai giấy nhà đấu mặt nhau : giấy bên trái dành cho những người thủ đền và gia quyến trú ngụ để giữ gìn Văn-Miếu ; giấy bên phải là chỗ ngụ của các thầy tư tế.

Cuối sân đàn Xả-Tắc có một ngôi đền rộng lớn thờ song thân Không-Tử và những bậc sinh thành ra tứ phối, gọi là Khải-thành điện. Sau Khải-thành điện là một khu vườn rộng rãi, thanh quang.

Tất cả các ngôi đền thờ trong Văn-Miếu, dù lớn nhỏ đều kiến trúc tương tự nhau ; duy chỉ khác kích thước rộng hẹp, hay những vật dụng trưng bày trong nội điện mà thôi.

Xét về trang trí, sườn nhà, kèo, cột, xà ngang, xà dọc trong Văn-Miếu, đều nào cũng giống nhau với những mẫu trang trí cổ định như : tứ linh, tứ quý...

Hiện nay, vì những trùng tu liên tiếp từ đời nọ đến đời kia (vào khoảng năm 1428 đến 1433, vua Lê-thái-Tổ có cho tu bổ lại nhiều lần) đã làm cho Văn-Miếu thay đổi rất nhiều, không còn cái hình nguyên bản của cửa thời kiến tạo nữa.

IX-57

Từ-Quyên

ĐẶNG-VĂN-NHÂM

Đức hạnh cũng như hương thơm

CÓ người hỏi thánh Bonaventure có nên nói tốt về mình bao giờ không ? Ông đáp :

— Con nên nhớ rằng khi con đã có đức tính hay thì dù, có muốn, con cũng khó lòng giấu nổi thiên hạ. Cho nên con càng cố giấu đức tính của con bao nhiêu, thiên hạ càng tán tụng con bấy nhiêu ; chẳng những con đáng cho họ tán tụng vì có đức tính hay, mà còn vì con cố giấu đức tính ấy nữa.

Trái lại, nếu con dụng ý khoe khoang, thiên hạ sẽ cười chê con, và đáng lẽ khen lao con cùng lấy con làm gương mẫu, họ sẽ khinh bỉ con và bêu diễu con. Đức hạnh khác nào hương thơm, càng dậy kín thì khi tỏa ra, hương lại càng ngát, và càng dễ ngửi thì lại càng mau phai.

ĐƯỜNG LÊN TÂY BẮC

Thân tặng các chiến hữu

Chiến Dịch Tây Bắc 1952 - 1953

Nhớ về chiến dịch ngày nào,
Đường lên Tây Bắc núi cao biếc trời.
Sơn-La dăng dặc núi điệp trùng:
Nước bầu cơm ống súng đeo lưng,
Thán-Uyên gió cuốn mù bụi đá,
Lửa sáng rừng đêm gọi nhớ nhung.
Tsin-Ho đèo cao người ngựa mỏi,
« Sạn đạo » xừ Thái mây vờn cao.

Hun hút Đà-Giang,
Đoàn quân biên cương,

Phong thổ mấy mùa lưu động chiến,
Vất muối đầy rừng rét thấu xương.
Pa-Ma hoang vu không suối nước,
Nhựa chuối từng hơi thay nước uống.

Rau nướng nha phiến,
Cơm ướt sương đêm.

Phiên gác trắng rừng áo vá lưng,
Súng địch bên sông hoa lửa đỏ,
Reo hòn hốc núi đạn tua sao,
Năm gối súng mưa rừng run rẩy lạnh,
Vượn hú buồn heo hút giữa rừng lau.
Biên thủy Trung-Hoa lửa sào dăng cao,
Viễn xừ đêm trắng lạnh áo bào.
Thương nhớ đường về quê cũ,
Từ quy khắc khoải hơi sương,
Đèo cao mây đi tha hương...

PHAN-LẠC-TUYÊN

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhiệt là dầu.

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

YÊN CA HÀNH

HÁN gia yên trần tại đóng bắc,
Hán tướng từ gia phá tàn tặc.
Nam nhi bản thị trọng hoành hành,
Thiên tử phủ thường từ nhan sắc.
Túng kim phạt cổ hạ Du-quan (1)
Tinh kỳ uy dĩ Kiệt-thạch (2) gian.
Hiệu-ủy vũ thư phi Hãn-hải (3),
Thuyền-vu (4) liệp hỏa chiếu Lang-san (5).

San xuyên tiêu điều cực biên thổ,
Hồ kì bằng lãng tập phong vũ.
Chiến sĩ quân tiền bán tử sinh,
Mỹ nhân trường hạ đo ca vũ.

Đại mạc cùng thu tái thảo suy,
Cổ thành lạc nhật đầu binh hi.
Thần dương ân ngộ thường kinh địch
Lực tận quan san vị giải vi.

Thiết y viễn thủ tận cán cửu,
Ngọc trợ ưng đề biệt li hậu ;
Thiếu phụ thành nam dục đoan trường.
Chinh nhân Kế-bắc (6) không hồi thủ !

Biên phong phiêu phiêu na khả độ ?
Tuyệt vực thương mang cánh hà hữu ?
Sát khí tam thời tắc trận vân,
Hàn thanh nhất dạ truyền điều đầu (7)

Tương khan bạch nhận huyết phân phân,
Tử tiết tông lai khởi cổ huân ?
Quân bất kiến sa trường tranh chiến khồ,
Chi kim do ức Lý tướng quân (8).

KHÚC NHẠC PHU YÊN CA

Đời Hán có loạn miền đông bắc,
 Tướng Hán bỏ nhà ra dẹp giặc.
 Tài trai vốn trọng chỉ tung hoành,
 Vua cũng mừng vui khen tấm tắc.

Khua chiêng gióng trống xuống Du-quan,
 Quanh co Kiệt-thạch cờ quạt giàn.
 Mảnh thư Hiệu-úy bay Hãn-hải,
 Lửa sẵn Thuyền-vu soi Lang-san.

Non sông xơ xác tit biên thò,
 Ngựa hồ đầy xéo lẫn mưa gió,
 Chiến sĩ nửa sống nửa ra ma ;
 Mỹ nhân dưới trướng vẫn hát múa.

Bãi cát cuối thu cỏ ải gầy,
 Quân ít, thành trơ, bóng xế tây.
 Minh mang ân nặng vẫn khinh địch,
 Sức kiệt quân san chưa giải vây.

Áo sắt trận xa lâu mệt mỏi,
 Bạt ngọc khóc than khi rẽ lối ;
 Thành nam thiếu phụ dứt can tràng.
 Đất bắc chinh phu luống trông vơi.

Gió ven hiu hắt khôn gửi tình !
 Heo hút còn chi cảnh vắng tanh !
 Hơi giết vài phen bốc mây cuốn,
 Tiếng lạnh một đêm truyền trống canh.

Cùng trông gương trắng máu hoen dần
 Tử tiết bao giờ nghĩ công huân ?
 Ai chẳng thấy sa trường tranh chiến khổ,
 Đến nay còn nhớ Lý-tướng-quân.

Giải nghĩa — Khoảng đời nhà Hán có cơn khố bại, giặc giã nổi lên ở mạn đông bắc, khiến cho tướng quân của triều đình nhà Hán phải từ giã gia đình để đi đánh giặc. Đã đành làm trai vốn trọng chí khí tung hoành, không cần phải ai khuyến nhủ, nhưng Thiên-tử ở trên thấy thế cũng phải vui mừng tỏ ý ngợi khen.

Khi bước chân ra đi, chiêng trống vang lừng, cờ quạt phất phới; công văn của hiệu úy đã báo cho khu vực ven trời biết trước và xa xa đã trông thấy ngọn lửa của vua Hung-nô di sản sáng soi miền núi.

Đó là một nơi biên viễn tiêu điều, giáp giới với quân Hồ là quân Hung-nô tàn bạo, cho nên khi đi tới nơi đã được chứng kiến cái cảnh ngựa Hồ đầy xéo trên những ngọn cỏ điêu tàn, rầu rĩ trong cơn mưa gió. Trước mặt cảnh phụ không khỏi xót thương cho bao nhiêu chiến sĩ, nửa thì hăng hái chống với xâm lăng, mà nửa thì đã dần dần ngã gục trong những vũng máu sa trường. Nhưng giật mình nghĩ lại ở chốn kinh thành, thì cái cảnh mê ly dần dần hiện vẫn diễn luôn, mà những nơi lâu đài đồ sộ, trong vùng trướng phủ màn che, mỹ nhân vẫn đang xanh xang hát múa, tựa như không hề biết đến cảnh loạn ly.

Trong trường tranh đấu, giữa chốn sa trường xa út mù khơi, chiến sĩ vẫn liều quyết chí hy sinh, lăn vào giết giặc, nhưng khốn nỗi quân gia một ngày một giảm, đến nỗi sức hết viện không, mà vòng vây vẫn không sao phá nổi.

Phần thì dần dần lâu ngày, chinh phu đã thấy tự mình mỗi một; phần

thì vợ con mong đợi ở nhà, tránh sao không âm thầm than khóc trong khi ly biệt chinh phu? Ấy chính những lúc vợ con khóc lóc là những lúc chinh phu cảm động tâm thần mà thường thường quay đầu trông về những chốn hương thôn xa tít nghìn tầm.

Trong thời gian ấy, chỉ thấy gió bắc đìu hiu, chân trời hiu quạnh, còn biết lấy chi mà gửi tâm hồn? Ngửa trông lên trời, thỉnh thoảng ngàn mây bốc xông lên sát khi ngang lòng, và dưới đất thì hơi lạnh giống sương lọt vào những tiếng trống canh đêm vắng, ngoài ra còn có chi đâu?

Biết đâu thay là cảnh chiến tranh! Mờ mắt trông ra chỉ thấy gươm đao sáng loáng, pha lẫn hàng máu đỏ lè. Song những người đã vui lòng tử tiết thì còn đâu nghĩ đến công lao bù đắp, về sau? Vậy hỏi các bạn, các bạn chẳng thấy những cảnh khổ sở đau đớn ở chốn chiến trường và khiến cho Người ta hiện nay không thể không nhớ tới Lý-Mục tướng quân là người đã từng say sưa ở nơi chiến trận từ xưa

Chú thích.— (1) Du - quan tức Sơn - hải quan thuộc tỉnh Hà-Bắc.

(2) Núi Kiệt-thạch thuộc huyện Thạch-thành trong tỉnh Hà-bắc.

(3) Hãn-hải là một khu đại sa mạc thuộc về Mông-Cô.

(4) Thuyền-vu, tên vua nước Hung-nô.

(5) Lang-Sơn thuộc tỉnh Tuy-viên, một ngọn núi chót vót hùng cứ mé bắc gần sông Hoàng-hà.

(6) Kê-bác, tên của Dương-châu thừa trước, nay tức là Kê-huyện thuộc tỉnh Giang-tô.

(7) Điều đầu là những thứ quân khí dùng gõ ban đêm để nhắc hiệu lệnh cho quân sĩ trong chốn quân dinh.

(8) Lý-Mục tướng quân là người nước Triệu. trước đây đã từng lăn lộn đi đánh Hung-nô.

CHIM HỌA MI VÀ BÔNG HƯƠNG ĐỎ

Gởi lại bạn và tôi, chúng ta thời hai chín

NGƯỜI THUẬT



HÀNG sinh viên ấy, tay bút tóc, chân rào bước, trong khi miệng rền rĩ :

— Trời hỡi ! Đất ơi !

Làm thế nào bây giờ ? Chiều nay, nàng đã hứa với tôi. Những lời nàng thổ lộ đã khắc sâu vào trái tim tôi rồi :

« Anh rán tìm cho em một bông hương đỏ để em cài lên tóc, thì em sẽ khiêu vũ với anh — chỉ với anh thôi — trọn đêm dạ hội sinh viên.

Mà chín giờ tối mai là buổi dạ hội bắt đầu. Vồn vện còn có một ngày, làm sao kiếm được một bông hương, lại một bông hương đỏ, giữa hè gát gao này !

Suốt buổi chiều, tôi lùng khắp nơi vườn, chẳng gặp một bông nào, dùng chỉ đến một bông hương tươi thắm. Tôi đã chạy tìm mấy chủ vườn hoa, ai cũng bảo những ngày nắng cháy vừa rồi làm héo vài bông hương còn sót. Kiếm đâu cho ra một bông hương đỏ thắm như môi nàng ?



Lời chàng than vãn bay lọt vào tai một con chim Họa-mi làm ở trên cây Dầu già gần đó. Chim ta cúi dòm qua kẻ lá, ngạc nhiên.



Chàng sinh viên than tiếp, mắt rớm lệ :

Bông hương dò ! A ! Bao nhiêu sụp đổ tan tành mi gây nên ! Hỡi đảng Cao Xanh ! Người có biết chăng hạnh phúc con người lắm lúc lại phải tùy một vật chẳng đáng gì ? Tôi, sinh viên, tôi đã đọc chẳng sót một vĩ hiến triết Đông, Tây, Kim, Cồ, nào ; tôi đã thấu thập hết thấy những bí quyết của các môn triết học trên đời, thế mà chỉ vì thiếu một bông hương nõ màu đỏ, mà đời đầy hứa hẹn của tôi nó phải thâm đậm, âm u, đen ngịt, nó phải gãy ngang tức tưởi như thế này đây !

✱

Họa-mi lắng tai nghe không sót một lời nào ; chìm trôi thăm bảo :

« Đây mới thật là một tình nhân chân chính. »

✱

— Tối mai đây là mở cuộc khiêu vũ mê say trong kỳ dạ hội vui vẻ trẻ trung này. Người-tất-thương của tôi sẽ có mặt, và, nếu tôi có một bông hương nõ để nàng cài lên mái tóc mây, nàng sẽ tươi cười khiêu vũ với tôi — chỉ khiêu vũ với một mình tôi thôi, nàng đã hứa thế — cho đến khi vì sao Khôi-Minh báo hiệu vùng hồng sắp hé mặt nhìn ai . . .

Nhưng mà tôi không có một bông hương nõ, vậy thì tôi đành thui thủi giấu mình trong một xó tối nào, và nàng có biết gì đến tôi, mà nàng cũng chẳng cần gì đến tôi cả, thì trái tim non của tôi nó phải tan ra muôn ngàn mảnh đó, hỡi loài người ơi !

✱

Họa-mi trên cây ngắm nghĩ :

Quả thật chàng này mới là một tình nhân chân chính. Mà cũng lạ : điều sanh tiếng hát của ta lại gây nỗi khổ cho chàng ; điều khiến ta vui mê mẩn lại làm chàng sầu không nguôi. Thật ái tình là vật hết sức nhiệm mầu. Nó quý hơn ngọc ngà, nó hiếm hơn châu báu. Nước mắt xinh như hạt trai và guơm súng dữ hơn cọp rắn không mua nó được ; có ai thấy nó bày ở chợ đầu, cả ở chợ đen, kiếm sáng đêm cũng chẳng thấy ; các chú lái buôn không có mà bán ; các ông đầu cơ tìm mãi không ra ; nhà triệu phú không thể lấy vàng bỏ lên cân mà đổi ; vị độc tài cũng không thể lấy gong cùm hay chết chóc mà bắt nó thay màu . . .

✱

— Tối mai, bản nhạc sẽ trôi những bài mon trón, mê hồn, rồi người yêu của tôi sẽ ở trong tay một ai ai khác. Nàng khiêu vũ nhẹ nhàng đến đổi gót chân sen của nàng như không đụng lấy gạch hoa. Bao nhiêu mặt đều dồn vào tà áo bướm của nàng, và bao nhiêu miệng chép thăm ghen anh chàng — chẳng phải tôi — được điểm phúc cùng nàng tiên lướt theo điệu nhạc. Bản nhạc dứt, bao đầu lẳng lơ sẽ vây lấy nàng để mà nói nói cười cười, khen khen ngợi ngợi, và Nàng có đếm xia gì đến tôi, bởi, than ôi ! tôi chẳng có một bông hương nõ để dâng nàng !

Đến đây, mệt quá, và cảm động quá,

chàng sinh viên ngồi phịch xuống cỏ, hai tay ôm mặt, khóc.

— Tại sao chú ị khóc cà ?

Một con cóc kè chạy qua, hỏi thế.

— Mà thật ra thì tại sao há ?

Một con bướm trắng vừa hỏi vừa đuổi theo tia nắng sắp tàn.

— Mà các chị có biết thật ra vì sao chàng khóc không ?

Một bông cúc nghiêng đầu tỏ vẻ hỏi mấy bạn gần.

Họa mi cúi xuống, trả lời chung :

— Chàng khóc vì chàng không có một bông hường đỏ.

— Không có một bông hường đỏ mà khóc, buồn cười cho chú ị quá đi thôi !

Và các kè ngẩng đầu lên, cười muốn bẻ họng, trong khi bông cúc trầm ngâm.

Nhưng Họa mi, Họa mi chẳng thấy nước mắt của chàng sinh viên là vật đáng buồn cười, vì con chim nghệ sĩ ấy hiểu nỗi lòng của người trẻ tuổi nọ. Họa mi đứng im, ngẫm nghĩ về sự bí mật của ái tình !

Thình lình, Họa mi mở đôi cánh, êm dề lướt qua lùm cây như chiếc bóng, rồi từ từ hạ xuống bồn cỏ trong vườn.

Giữa bồn cỏ, mọc một cây hường. Họa mi lên tiếng :

— Chị hường ơi ! Chị cho tôi xin một bông hường đỏ đi, tôi sẽ hát cho chị bài hát hay nhất của tôi để đền ơn chị.

Cây hường lắc đầu :

— Họa mi, bông tôi toàn một màu vàng, vàng như Ráng trời chiều, vàng

như đồng lúa chín, và vàng như loại kim quý nhất là vàng. Nhưng tôi có người bà con ở gần giếng. Họa mi thử lại hỏi coi.



— Chị hường ơi ! Cho tôi xin một bông hường đỏ của chị nhé ! Chị không thiệt thòi gì đâu : tôi sẽ bù cho chị một bài hát tuyệt trần.

Cây hường lắc đầu :

— Họa mi, bông tôi toàn một màu trắng, trắng như cát mịn phơi mình ven biển, trắng như tuyết trùm đầu Hi-mã-lạp-sơn, và trắng như lòng người trinh nữ chưa ngáp ngừng ở ngưỡng cửa Tình Đầu. Nhưng tôi có người bà con ở khít cửa sổ chàng sinh viên. Họa mi thử lại hỏi coi.



— Chị hường ơi ! Chị có muốn nghe bài hát tôi vừa đặt, bài hát sẽ làm cỏ mềm đứng dậy và lá úa run run không ? Có, thì cho tôi một bông Hường đỏ của chị đi.

— Họa mi ! Quả thật bông tôi toàn màu đỏ, đỏ như góc trời đông khi vắng ô sắp hé, đỏ như lửa hực trên than nóng, và đỏ như má người tàn nương khi nghe bước chân của người-rất-thương nhẹ đến... Nhưng, Họa mi, phần thì tôi già, yếu, phần thì đông làm tê giá nhựa, lạnh phá hoại chồi, đóng đánh gãy cành, thành năm nay, tôi đành không nở được một bông nào...



Họa mi nghe xong, ra chiều ủ rũ. Lặng im một hồi, Họa mi như nói với chính mình :

— Không còn cách nào nữa để có một bông hường đỏ sao ?

— Còn một cách...

— Còn ! Trời ! Chì ác quá ! Còn mà nãy giờ chì chẳng chịu nói.

— Mà cách đó chỉ có mình Họa mi làm được.

— Thế chì còn đợi gì mà chưa cho tôi biết ?

— Nhưng nó dữ tợn quá, Họa mi à.

— Thì chì cứ nói đi để tôi coi nó dữ tợn đến bực nào.

— Bông hường đỏ ấy, Họa mi phải tạo với âm nhạc dưới ánh trăng mờ, rồi phải nhuộm nó với máu tươi của chính mình. Nghĩa là Họa mi phải hát, cuống họng để trên gai nhọn nhất của tôi. Họa mi hát cho tôi nghe từ lúc Trăng nhú lên đến khi mặt trời hé mọc, còn gai đâm cuống họng Họa mi cho đến tim để máu Họa mi truyền sang « huyết quản » của tôi thành máu tôi dạng nhuộm đỏ bông hường mới tạo.

Cây hường thôi nói.

Họa mi trầm nghĩ :

— Lấy cái chết để đổi một bông hường đỏ, giá bông hường mắc thật. Đời sống ! Vật quý báu nhất của muôn loài ! Đời sống ! ai lại không yêu mến thiết tha ? Riêng mình, mình đã sung sướng biết bao khi là là trên mấy cụm rừng xanh hay lúc tung cánh lượn trong khoảng rộng cao bát ngát ! Còn gì say sưa hơn lúc thu mình trong ổ ấm, lặng ngẫm mặt trời ngự trên xe vàng hay vầng trăng hiện trong xe châu ngọc, rồi đãi vạt vạt một bài ca chói lói hay một điệu hát mơ màng. Êm dịu quá mùi hương bông cát cánh, và khoái vui thay những hồi giấu mình trong mấy bụi cây hoang dại nở hoa trên một trái đồi con.

Nhưng ái tình còn quý hơn lẽ sống, và nghĩa gì tìm một con chim sánh với lòng của một con người ?



Họa mi lặng lẽ bay qua vườn về lùm cây tối.

Chàng sinh viên vẫn còn ngồi chỗ cũ, hai tay bưng lấy mặt chưa khô lệ.

Họa mi lên tiếng :

— Hãy đứng dậy, lau nước mắt và cười đi, hỡi chàng trai chưa quá tuổi hai mươi. Vì mai chàng sẽ có bông hường ao ước mà tôi sẽ tạo bằng lời ca tiếng hát dưới trăng thanh và nhuộm đỏ với tất cả máu đào tươi thắm. Chàng sẽ có bông hường mắc giá ấy, mà tôi, tôi chỉ đòi chàng có một điều, một điều thôi : là bao giờ cũng vẫn là một tình nhân chân chính. Bởi ái tình khôn ngoan hơn triết lí, mặc dầu triết lí vốn khôn ngoan. Ái tình lại mạnh hơn quyền thế, mặc dầu quyền thế đã mạnh lắm rồi. Có chi đẹp bằng ái tình với cánh và thân đỏ hực, với môi ngào ngát tợ mặt đường, với hơi thở dịu thơm như hương trầm thoang thoang...

Chàng sinh viên ngược mặt lên nghe song chẳng hiểu chút nào, vì chàng chỉ hiểu những gì có trong sách. Trái lại, cây dầu già hiểu, và buồn lắm, bởi dầu già rất mến yêu người bạn nhỏ hiền lành đã gởi gắm ở xinh xinh cho Dầu hơn nửa năm nay,

Dầu bèn bảo bạn : « Trước khi vĩnh biệt nhau ở kiếp này, họa mi hãy đãi tôi một bài hát chót ».

Đề tạ lòng bạn, họa-mi hát, tiếng hát lạnh lạnh lên cao, cao vút, cao đến đổi dầu già cũng phải vươn mình.

Chàng sinh viên bực tức : « Trong lúc người ta khờ-sở đến thế này, mà có kẻ lại dành cao giọng hát vang » ! Rồi chàng vào nhà, than trời trách đất một hồi, và ngủ quên trên ghế dựa.



Lúc bảy giờ, lá cây Dầu bắt đầu tắm ánh nắng bạc, họa mi vội từ ghế bạn, bay đến cây Hường bông đỏ.

Cây hường hỏi :

« Sao » ?

Họa mi gật đầu.

Cây Hường chỉ gai nhọn nhất, Họa mi dè dặt hòng lên rồi hát. Tiếng hát trong ngân nga, làm Cỏ ngàng lên, lá bắt xao động ; vòm trời biêng biếc đang ra để cho lời ca của Chim lan đến tận cùng : Trăng thủy tinh ngự trên chót vót khe khe nghiêng mình, và Sao cảm động càng thêm nháy mắt.

Đầu hết, Họa mi ca ái tình mới hé trong tim còn bỡ ngỡ thì, màu nhiệm thay ! Một bông Hường lặn nở, cánh này rồi cánh nọ. Bài ca dứt, bông Hường đã thành hình, một bông Hường màu lợt lạt.

Cây Hường bảo :

— Họa mi đã tạo bông rồi, giờ phải nhuộm. Vậy họa mi hãy ấn mạnh cuống hòng vào gai tôi cho bông được màu đỏ thắm.

Họa mi làm theo lời cây dạy. Giọng Họa mi trở nên nồng hực, vì đây là khúc ái tình say đắm đang đốt cháy lòng tạo rục của hai người. Không khí rộn lên từng thoáng nóng. Sao trừng mắt sáng. Trăng cao ngây ngất xuống lặn lặn. Nước xa lấp lánh dường như bốc lửa. Và một màu đỏ ben lên hiện trên mấy cánh bông Hường.

Cây hường bảo :

— Họa mi, cánh bông đều đỏ, trừ tim bông, vì chưa nhận máu em. Vậy, họa mi hãy ấn sâu hòng nữa cho gai tôi xuyên thẳng tim đi.

— Họa mi làm theo lời cây dạy. Lúc gai nhọn mới đâm lủng tim con, tiếng hát của họa mi bỗng vọt lên cao, dữ tợn khác thường : ấy là lời mở đầu của khúc ca ái-tình dương thế bị lưỡi hái của tử thần dứt tuyệt. Không gian như thất lại ; lòng nước xa tẻ tái ; trăng nhạt nhạt lui dần ; sao không nở nhìn, nhắm mắt ; cỏ cúi rạp mình và lá cây, như tờ phẳng lặng.

Cây hường bảo :

— Họa mi ơi ! tim bông đã đỏ, trừ trút giữa vì chưa nhận được giọt máu cuối cùng của tim em. Vậy họa mi rấn ấn thật mạnh gai vào tim. Mau lên em, kéo ngày lên trước khi bông toàn đỏ thắm.

Họa mi làm theo lời cây dạy. Đôi cánh giẫy tề tề, tiếng hát yếu dần. Gom tàn lực họa mi cao tiếng hát đoạn cuối cùng.

Tiếng hát chạy trên cỏ ướt, lướt mặt sông dài, ra lòng biển rộng, làm biển xôn xao thêm hồi hộp. Trăng cảm động quá, đứng nán trên vòm trời trắng trắng.

Bông hường nghe, biết giọt máu chót của chim nghệ sĩ đã qua tim mình, sung sướng đến mê mê, vội mở hết cánh ra để đón lấy bàn tay ve vuốt của sáng tinh sương.

Cây hường dò kêu :

— Họa mi, họa mi ! coi kìa ! mặt trời giờ có thể lên. Bông hường em tạo đã hoàn toàn đỏ thắm, em có thấy không ?

Không tiếng trả lời.

Mặt trời lên đã khá cao.

Chàng sinh viên tỉnh giấc.

Chàng buồn rầu lại cửa sổ, ngắm trời ; về đầu đơn rẽ rệt trong đôi mắt có quầng và mặt hốc hác. Bỗng chàng mừng rú lên, chạy ra sân, lính quính hái bông hường đỏ còn lấp lánh ánh sương mai.

Vào phòng, chàng lấy giấy mỏng, thận trọng bọc dóa hoa, rồi rửa mặt, chải đầu. Chàng vừa làm những công việc ấy vừa nói lớn :

— Bông hường đỏ ở ngay cửa sổ mình mà trọn chiều hôm qua mình không thấy, nghĩ cũng kỳ !

Sau khi thay đồ xong và ngắm nghĩa bóng mình trong gương mấy bận, chàng hí hửng như đứa trẻ má vừa cho xu ăn bánh, lẹ bước đến nhà người yêu, bông hường âu yếm ở trong tay, mặt tràn hoa nở và lòng chật chim ca.

Chàng gặp người-rất-thương ở cổng nhà nàng. Chàng tươi cười hỏi :

— Chiều qua, cô hứa với tôi một điều, cô quên rồi chưa ?

Người đẹp chau mày, ra dáng suy nghĩ ; rồi nàng lắc đầu :

— Xin lỗi anh ; tôi quên mất !

Thấy câu trả lời của mình làm người bạn bất bình, Nàng khéo léo tiếp :

— Ấy, cũng tại buổi dạ hội tối nay làm tôi diên đầu lộn óc. Vậy xin lỗi anh lần nữa và nhờ anh nhắc lại lời tôi đã hứa với anh.

Trong giọng nàng, có chút gì như ăn năn, như nài nỉ, khiến chàng vui vẻ đáp :

— Có gì mà cô xin lỗi đến hai ba lần. Thật như lời cô nói, buổi dạ hội này sẽ đánh dấu vào đời mọi người. Chính nó làm tôi ăn không no, ngủ không yên, đừng nói chi đến cô. Cô có quên trong lúc này đây, một lời hứa nho nhỏ cũng chẳng

có gì là đáng trách. Vậy để tôi nhắc lại : chiều qua, cô có hứa sẽ cho tôi cái hân hạnh khiêu vũ cùng cô suốt đêm, nếu tôi kiếm được một bông hường đỏ cho cô cài lên mái tóc...

Nàng không để chàng dứt lời :

— Và hiện giờ, bông ấy ở trong tay anh. Thật, tôi không biết nói sao giờ. Anh đừng giận, tôi mới dám nói. Số là, chiều qua, tôi vui miệng, nói vậy mà chơi, ngờ đâu anh tưởng thiệt. Khờ quá ! Lại sớm nay, một anh bạn đem tặng tôi đôi giày nhung nhận thủy xoàn để tôi mang trong đêm da hội này. Tôi từ chối mãi, mà anh ấy không nghe, tôi đành phải nhận, và để tạ lòng người bạn tốt có một không hai ấy, tôi đã hứa sẽ cùng anh ấy khiêu vũ suốt tối nay... Mời anh vào xem qua đôi giày quý.

Chàng ghen ngào :

— Cảm ơn cô. Để chiều vậy... Tôi phải lại đảng này có chút việc cần.

Rồi chàng quay gót.

Xé bọc giấy, nhìn bông hường đỏ với nụ cười chua chát, quăng nó xuống một vũng bùn nào đó cạnh lề đường. Chàng làm xong ba việc ấy không đầy nửa phút. Một lát sau, bông hường đỏ hăm hiu lại phải rũ rời dưới bánh sắt của một cỗ xe bò chở đá làm đường qua ngang đấy.

Còn chàng sinh viên thì một mạch về nhà, chân bước mau, miệng hăm hừ :

— Ái tình ? ! Không có gì vô lý bằng.

Ái-tình ? ! Vật vô lý hơn các vật vô lý trên đời !

Về đến phòng riêng, chàng vội cời áo ngoài, ném lên giường; rút ở kệ một cuốn sách dày, phủ bụi, mở ra, cầm đầu, học.

Thuật theo OSCAR WILDE

YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN

(Những chuyện của ngày xưa)

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE **HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY**



DIC

Eaux de Cologne et Lotion **de** **PREMIÈRE QUALITÉ**



Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều
chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên
Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-đón.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn-Phòng Công-Ty
135, Pasteur — SAIGON

*BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất*



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



B - Đốt cháy liền
U - Khởi mát ngay giờ
T - Không khói, không bụi
A - Dùng nấu nướng các thứ
G - Không làm nhút đầu hay cay mắt
A - Khởi phải coi chừng ngọn lửa
Z - Một bình hơi dùng :

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
 hoặc 2 thước củi
 hoặc 135 kí-lô-vát điện

HÀNG LA-VE B.G.I

*Phung Su nên
Linh-tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

KHOI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

NGUYỄN trước của bộ tiểu thuyết này viết bằng Anh văn và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Nay dịch giả đã theo Hán văn dịch ra tiếng Việt.

Đối với các nhà phê bình ở Âu, Mỹ, bộ truyện này có một giá trị tương đương với cuốn « chiến tranh và hòa bình », một kiệt tác của nhà văn hào Tolstoi.

Tuy trong truyện chỉ tả cuộc sinh hoạt của hai gia đình, nhưng nó có một đặc tính là nó đã phản ánh được cả cái xã hội Trung-hoa trong một bốn chục năm trường. Độc giả sẽ chứng kiến bao cuộc đổi thay, bao sự thăng trầm, từ lúc triều đình Mãn-Thanh bắt đầu suy vi tới cuộc loạn quyền phi, tới cuộc chính biến năm Mậu Tuất, từ cuộc cách mệnh năm Tân Hợi, tới cuộc vận động Ngũ Tứ, rồi tới cuộc quốc dân cách mệnh và việc biến cố ở Đông bắc cho đến khi xảy ra vụ Lư-cần-kiến, cùng là sự kháng chiến toàn diện của nhân dân Trung-hoa, chống sự xâm lăng của quân phiệt Nhật-bản.

Đem lại cả một thời đại đầy thanh, đầy sắc, của cái nước Trung-hoa cũ kỹ, đương mê ngủ, bỗng bừng tỉnh và đổi mới, vào trong khuôn khổ nhỏ hẹp của một cuốn tiểu thuyết, là một kỳ công. Nếu không có quyền uy trên lãnh vực tư tưởng, có thịnh ughiệp về bút mực, không thể nào thành công được. Với một ngàn trang giấy in và dư bảy mươi vạn chữ, độc giả sẽ nhận thấy rõ cái linh cảm của một thiên tài và cái mỹ lực của cây bút họ Lâm.

Chúng tôi sẽ lần lần trích đăng mỗi chương, một vài đoạn, thiên tiểu thuyết đó, để cố gắng hiễn độc giả thưởng lãm.

BÁCH-KHOA

BÁCH KHOA — 67

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

THE BANK OF EAST ASIA, LTD
(ĐÔNG - A NGAN - HANG)

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Dĩ-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : N^o 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

TOUTES OPERATIONS DE BANQUE
ET DE CHANGE

Agences et Correspondants dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

LƯỢC DẪN. — Nhân cuộc nội loạn quyền phi và việc tiến quân của chín nước liên minh để đánh Bắc-Kinh, ông Diêu-Tư-An, một phú thương, phải đem gia quyến đi lánh nạn. Chẳng may giữa đường, cô con gái lớn của ông, là Mộc-Lan, bị thất lạc,

Đã tồn công tìm kiếm mà không ra manh mối, ông đành cùng vợ con về thăm Hàng-Châu, nơi quê hương, sau khi phái người đi tìm tòi.

Vừa ra may, ông Tăng-Văn-Phát, một vị quan kinh, về thăm quê nhà, được hay tin buồn của Diêu-gia, chỗ quen biết, nên ông ra công tìm thấy Mộc-Lan và chuộc cô ra khỏi tay của quân buôn người trên Vạn-hà. Ông liền báo tin mừng cho Diêu-gia và tiện đường, ông đem Mộc-Lan và vợ con ông cùng về Thái-An, nơi nguyên quán của ông.

Ông bà Tăng có ba cậu con trai là Bản-A, Khâm-A và Tân-A.

Cũng là thiên duyên tiền định mà nhân việc hột ngô đó, Mộc-Lan, sau này, sẽ về làm dâu nhà họ Tăng.

Dưới đây, là đoạn Mộc-Lan về tới phủ đệ của Tăng-gia tại Thái-An.

SAU khi chiếc quan thuyền ghé bến Đông-A, cả nhà liền đồ bộ và dùng kiệu, theo đường cái đi về hướng đông để về Thái-An, nơi quê nhà của họ Tăng.

Lúc đó vào chiều cuối hạ, gần sang thu, nên khi trăng mọc, mặt hồ Đông-Bình sáng ngời lên. Đi trên con đường ở ven hồ, cả đoàn người, ai cũng lấy làm khoái chí. Riêng Mộc-Lan, lần này là lần đầu tiên, cô được hân thưởng cảnh đêm khuya, trăng tỏ, nó làm cho cô cơ hồ như quên lãng hẳn sự nhớ nhà.

Mãi tới ngày hôm sau, mới về đến thành Thái-An. Ngay sáng sớm hôm đó, ông Tăng-Văn-Phát đã phái một tên gia đình, cướp đường, đi về trước, để báo tin.

Vào khoảng ba giờ chiều thì đoàn kiệu dừng lại ở cổng thành. Ở đó, các viên tri phủ, tri huyện sở tại đã cùng một bọn tùy thuộc túc trực để nghinh tiếp. Dân chúng, những kẻ vô công, rồi nghề, cũng kéo nhau, lũ lượt, vây chung quanh đám quan, nha. Lũ trẻ con, đứa thì cời trăn, đứa cời trướng, cũng cố len lỏi chen vào, rồi

kiêng chân, nghèn cổ, để xem cho bằng được. Chúng xôn xao bàn tán: « A, a, vị quan Kinh đã chầy về đấy » !

Mộc-Lan chợt nghe thấy những lời trầm trồ khen ngợi đó, cũng tự lấy làm hãnh diện được ở trong cái đoàn người vinh quý đó. Kịp tới khi về tới phủ đệ của Tăng-gia, cô lại càng nhận thấy rõ hơn, cái thế lực hùng đại của họ. Tuy gia đình cô cũng thuộc vào hạng hào phú đấy, nhưng, cha cô, và tổ tiên cô, không có một ai được dự vào giai cấp quan liêu, thế phiệt cả.

Tăng phủ ở ngay trong thành Thái-An, gần phía cửa Đông, với những dãy tường san sát, vừa cao, vừa dài. Tuy sự cấu trúc có tinh trí, cái dinh cơ này vẫn không thể đo được với những phủ thự của các vương gia và các quan bộ đường ở nơi Kinh sư.

Ở chính giữa, là một cái cổng nguy nga, đồ sộ, hai bên, có hai hàng tường quét vôi trắng xóa, và, theo một quán lệ, ở mỗi chân cột cổng, có một con sư tử đá. Qua ngưỡng cổng, lùi vào trong mười bước, một tấm bình phong bằng gỗ, bốn bức, sơn xanh, đứng sừng

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

sững để ngăn không cho những cặp mắt tò mò nhìn thấy rõ phía bên trong.

Một con đường nhỏ, lát toàn đá tảng, sau khi quần quanh một cái vườn hoa xinh xẻo, thì đưa thẳng tới bậc thềm của tòa sảnh đường thứ nhất. Nếu ngược mắt nhìn vào, thì trong sảnh đường sáng rực lên, những điều lương, họa đồng, cái nào cũng chạm trổ rất tinh vi, và sơn, thiếp, với những màu thanh nhã nó thi nhau khoe thắm, đua tươi.

Vừa đi qua tấm bình phong, một mùi thơm mát rợi, phảng phất, đưa tới nó làm cho Mộc-Lan ngây ngất cả người. Cô nhìn về phía trước mặt mới nhận ra, hương thơm đó do hai cây quế hoa, bông đương thịnh phóng, tiết ra. Cô không khỏi không có một cảm giác vui ai, là chính mình, mình sẽ sống ở trong cái cảnh đầy xinh tươi và thơm ngát này đây! Thiệt tinh, cái cảnh này vượt qua hẳn cái phong vị thông thường của một gia đình; nó quả là một nơi lý tưởng của những ai hằng mơ ước cái đẹp đơn thuần và nhã đạm.

Ở chính giữa cái sảnh đường rộng thênh thang, một bà cụ già, người lùn lùn, bận quần áo rất phú lệ, đương đứng lom khom, tay chống lên một chiếc gậy sơn đỏ. Đầu cụ đội một thứ mũ bằng vóc đen, trên đỉnh có đính một viên bảo thạch màu xanh biếc. Cụ đây chính là Tăng lão thái thái, thân mẫu của ông Tăng-Văn-Phác. Ông vội vàng tiến tới trước mặt cụ và cung cung, kính kính, vãn an cụ.

Cụ dạy: « Con làm mẹ hết đổi lo ngại »! Cụ vốn là một phụ nhân nơi thôn quê, nên sẵn có một thói quen,

nhớ vanh vách những ngày, tháng. Cụ dạy tiếp: « Ai lại, suốt từ bữa mừng tám tháng bầu, mẹ được tin con về, ngày nào mẹ cũng tựa cửa, mong con... Con có nhớ rằng, từ bấy nhần nay, đã có thêm một tháng, linh chín ngày, rồi không »?

Cả đám phụ nữ, đều lần lượt đến vãn an cụ. Lại còn cái việc cần hơn hết, là bông đũa cháu gái mới sinh lại để cụ coi, vì từ lúc nó lọt lòng mẹ, cụ chưa hề trông thấy mặt nó.

Cụ dạy: « Ừ, con bé này, trông hay hay đấy! Nói trộm vía nó, nó chẳng kém phần mỹ lệ đâu »!

Tuy đứa cháu này chỉ là một đứa con gái, nhưng, Quế-Cô nghe thấy lời ban khen của cụ, cũng không khỏi không lấy làm nở lòng, hả dạ, vì chính Quế-Cô là sinh mẫu của nó.

Sự vui mừng hiện trên nét mặt nhần neho của cụ, vì cụ nhận thấy lũ con, cháu cụ, đã bình an, vô sự, về tới quê nhà. Cụ có cái cảm giác như trẻ lại vạt mười tuổi. Bằng một giọng đầy từ tường và thân ái, cụ nói:

— Mấy thằng cháu trai đã khôn lớn cả rồi, thứ nhất Bân-A, gã đích tôn của lão...

Cụ vừa cười vừa nói, vừa kéo vào lòng cụ, cái cậu « mập » Tân-A, cụ cậu này phì nộn, phốp pháp nhất trong đàn trẻ.

Cụ lại dạy tiếp, trong khi đương cao hứng:

— Mà này, cả nhà này, lại còn cái cô a-hoàn họ Quế nhà ta nữa... lão chỉ hay ăn cơm mới, nói chuyện cũ, chứ, của tiêu tội, trước đây, cô mảnh

khánh, yếu đuối, cái gió thổi bay, ấy thế mà, bây giờ đã nghiêm nhien trở thành một người mẫu thân tươi tắn, đậm đệp đáo đề, nhá... ! Không trách người ta nói chàng ngoa, gái một con trông mòn con mắt !

Cụ nói luôn miệng, thao thao bất chí. Cả nhà đều lắng tai, kính cần nghe lời từ huấn của cụ, vì hiện nay trong Tăng-gia, cụ là bậc tối cao chủ phụ. Không những thế, theo cái gia phong cổ hủ, ở trong gia đình, người đàn bà vẫn giữ cái ngôi chủ tể. Còn người đàn ông, hình như họ phải đề ở nơi ngưỡng cửa của khuê vi, tất cả uy lực và quyền thế, trước khi bước vào cái lãnh vực của vị nội tướng vậy !

Đến sau cùng, ông Tăng-Văn-Phát mới dắt Mộc-Lan ra để bái kiến cụ. Ông trình vấn tấu với cụ rằng, cô là con một ông bạn ở Kinh-sư và, nhân cùng với gia đình đi ty nạn, cô đã giữa đường bị thất tán, và cũng là ư may, ông đã tìm thấy cô. Cụ ngược cặp kính lão, nhìn ngắm Mộc-Lan suốt từ chân lên tới đầu, rồi cụ vui vẻ bảo :

— Ừ... ừ... cái cô bé này, my thanh, mục tú, coi có vẻ con nhà lắm... ! Ừ, ừ, đề rồi, mai ngày, lão sẽ kén làm cháu dâu lão, thì còn đâu hơn nữa !

Quế-Cô cũng mau miệng tiếp lời cụ :

— Bầm vâng, thôi thì, xin lờ mầu chu toàn cho, thì còn gì bằng !

Cả nhà đều lúm lúm cười, tỏ vẻ tán thành. Mộc-Lan ta bị một mẻ thẹn cứ chín cả người đi, không còn dám ngàng đầu lên nữa.

Cụ lại dạy :

— À mà, đề sáng mai, ta cho trẻ nó đi gọi Man-Ny sang, cho nó đánh bạn với Mộc-Lan. ... Hồi này, Man-Ny cũng lớn vọt hẳn lên... Ấy, nửa tháng trước đây, nó cũng ở chơi ở bên phủ nhà, mãi đấy... Á, à, cả nhà xem, chẳng bao lâu nữa, lão sẽ có chất đề bông, và lão sẽ lên chức Tổng - lờ mầu, cho mà coi !

Cả nhà lại hướng về phía cậu Bán-A mà cười, làm cho cậu ta đỏ mặt, tía tai, không con biết chạy đâu cho thoát.

Man-Ny vốn là con gái đầu lòng của một người cháu nội của cụ cố. Cô cùng bằng vai với anh em con nhà họ Tăng, và vào hàng anh chị em con cô, con cậu với họ. Cha cô là một nhà nho thanh bần. Ngay từ lúc còn thơ ấu, Man-Ny đã rất kiều diễm. Cô càng lớn lên, càng đẹp, với một thiên bàm thùy my, đoan trang, nên được cụ cố yêu dấu như nén vàng mười trên tay. Đã từ lâu, cụ sắp định kén cô làm cháu dâu trưởng. Tuy cô không hẳn là một nàng dâu đồng dưỡng, nhưng thời thường cô vẫn sang ở bên Tăng-phủ, khi dăm bữa, khi nửa tháng không chừng. (xin độc giả lưu ý, người Tàu, xưa có tục nuôi con dâu từ khi còn thơ ấu, nên có từ ngữ « đồng dưỡng tức phụ » ; nghĩa là nàng dâu, nuôi từ khi còn bé dại).

Nhân, phủ đệ của Tăng-gia đứng vào hàng phú quý nhất thành Thái-an, nào cửa cao, nhà rộng, toà ngang, đầy độc, nào vườn hoa, cây cảnh, nhất nhất, cái gì cũng phú lệ, nên Man-Ny, dự ý rất thích được luôn luôn ở dưới

gối bà, đề nếm cái hương vị của ý la cùng là đề đánh bạn với cái lũ biều huynh, biều đệ, bên Tăng-gia. Giữa lũ trẻ đó, có một cái tình quyến luyến rất đột là thăm thiết.



Đến bữa sau, quả nhiên tiểu thư Man-Ny sang chơi bên Tăng-phủ.

Man-Ny vốn là một cô nương của một thị trấn nhỏ, cha cô lại là một nhà hàn nho nên cô được giáo dục thành một người con gái thuần túy điển hình của nho phong. Sự giáo dưỡng ấy không phải chỉ căn cứ vào kinh, điển, truyện, dạy ở trên các sách, vì đó chỉ là một bộ phận của toàn thể phạm trù của nho gia. Cô đã được ông thân uốn nắn ngay từ nhỏ theo lễ nghi của tứ đức, như : « phụ đức, phụ ngôn, phụ dung và phụ công ». Bốn cái đức tính đó làm một thứ đại biểu vững chắc, bất di, bất dịch, cho phẩm giá của người đàn bà, một cái phẩm giá truyền thống, không một thế lực nào có thể lay chuyển nổi. Đề đạt tới cái phụ cách nói trên đây, người ta phải chuẩn bị một nền huấn giót cực kỳ kiên xác, thứ nhất về mặt thực tiễn, để cho toàn thể phụ nữ ứng phục, kể từ kẻ vô học cho tới người biết chữ. Bao nhiêu lời châm huấn tự ngàn xưa, đã thành một lý lưỡng có định nghĩa phân minh, được đời xưa xác nhận, và hơn nữa, nó đã rèn đúc nên biết bao vị hiền thê, lương mẫu. Trong cái quy luật về đức hạnh, sự lễ mạo đứng đầu ; nó rất mực quan trọng. Một người đàn bà tốt, phải có lễ mạo, vì thiếu lễ mạo, người đàn bà thiếu hẳn đức hạnh và nhân phẩm.

Về đức tính, người đàn bà phải biết

cần, kiệm, phải nhu thuận và hòa mục ; về dung thái, họ phải thanh tịnh, chỉnh khiết ; về ngôn ngữ, họ phải hòa nhã, khiêm cung và từ tường, họ phải tránh những chuyện ngời lẽ dốt mách, hoặc nói xấu người, hay bêu xấu kẻ thân thuộc trước mặt chồng ; đối với các việc nội trợ, họ phải thông thạo việc nấu nướng, giữ cho đồ ăn, thức uống lúc nào cũng ngon lành, trọng sạch ; việc thêu thùa, may vá cũng chẳng thể sao lãng.

Ngoài những phận sự đó, nếu người đàn bà thuộc vào dòng dõi thư hương, có học thức thì có thể viết văn, làm thơ, hoặc đánh đàn, hội họa. Tuy nhiên, các việc ấy không thể vượt lên trên những việc nội trợ. Chẳng qua, những cái kỹ năng về nghệ thuật đối với cái điển hình của một người thực nữ, thiết không khác gì những đóa hoa đối với một tấm gấm vậy. Ngay đến văn học cũng vậy, nó chỉ là một thứ xa xỉ phẩm như những đồ trang sức, nhĩ đi.

Sự trinh tiết vẫn được người đời công nhận là một đức hạnh bất khả xâm phạm, nhưng không thể đòi hỏi ở người đàn ông, con trai, cái việc tương đương bất khả năng nó. Về phía phụ nữ, sự tuyết sạch giá trong vẫn hằng được tôn trọng và thực hiện một cách nghiêm khắc. Ta có thể nói, tám, chín phần mười phụ nữ giữ được trinh thảo trong thời kỳ xử nữ của họ, chừ những a hoàn, bậc nữ ở những gia đình hào phú. Trong đám này, khéo lắm chỉ được chừng, ba, bốn trong số mười người, biết thủ thân, mà thôi.

Ngay từ khi bắt đầu lớn lên, những phụ nữ có giáo dục đã được huấn giót để hiểu rõ cái phẩm tính thánh khiết

của sự trinh bạch. Cái lý tưởng gìn vàng, giữ ngọc đã ăn sâu vào não tủy họ mà kết tinh thành một liệt tinh. Thà chết, chứ họ không chịu cho một người đàn ông không phải phối ngẫu, xâm phạm tới thân thể họ. Họ tôn thờ sự tuyết sạch giá trong, đề sau này, đem tặng cho người trăm năm, cái viên ngọc bích trong trắng, không bợn mảy mảy hà ố.

Man-Ny quả là điển hình của một người con gái cổ điển, nên khi Trung-Hoa trở thành một nước dân chủ, nàng bị lạc lỏng trong cái xã hội đổi mới đó, không khác gì một con người «vẽ», ở trong một cuốn sách cổ, bỗng nhảy vọt ra cõi đời. Nàng không thể nào sinh tồn được trong cái hoàn cảnh tân kỳ đó. Nàng phải bị «đào thải» một cách tàn nhẫn và vô cùng thâm hiểm!

Man-Ny đẹp.

Nàng đẹp về hai hàng lông mi cong, mượt; về cái miệng anh đào đỏ thắm; về hai hàm răng ngọc, sáng, bóng; về tất cả cái phong thái ung dung, văn nhã của nàng.

Buổi đầu gặp gỡ Mộc-Lan, Man-Ny mới có mười bốn tuổi và nàng đã bó chân rồi. Mộc-Lan vốn hoạt bát nên hết lời tán mỹ Man-Ny. Hai người ở chung với nhau trong một căn phòng ở một mé đình viện. Chỉ vài ngày sau, là họ đã trở thành một đôi bạn tâm giao, họ yêu dấu nhau như ruột thịt và không rời nhau ra một bước. Lần này chẳng là lần đầu tiên, Mộc-Lan được ngắm cái phong vị của tình bạn. Cô vừa đắm say cái sắc kiều diễm, vừa kính trọng cái vẻ ôn nhã của người bạn lòng đó. Thì ngoài cô em là Mạc-

Sầu và cha mẹ ra, cô chưa hề yêu dấu một ai. Với cái thiên tính của một người thâm tình, cô thấy lòng mình tràn ngập yêu đương, và càng quen thuộc nết, cô càng quý mến Man-Ny.

Nay, về tới chốn quê nhà an ổn, ông Tăng-Văn-Phác mới nghĩ tới việc học tập của lũ con. Sự hoang phế đó bắt đầu từ khi giặc quyền phi. Ông thấy số ruột, nên ngay tức khắc, ông cho đi rước một cụ đồ ở trong vùng về, đề ngày hai buổi, sáng, chiều, kế tục việc học cho các con.

Cụ đồ, người họ Phươg, năm nay đã ngoài sáu chục tuổi. Cụ không có quyền thuộc đầu íu, nên ông mời cụ ở ngay bên phòng học, ở phía đông của đình viện.

Cụ đề tóc dài, róc thành một chiếc bím. Cụ mang một cặp kính lão. Tất cả thái độ của cụ có một cái gì lạnh khốc và nghiêm khắc, nó làm cho người ta lầm tưởng cụ chẳng yêu thương lũ trẻ con, học trò của cụ. Nhưng, khi cụ nói với mấy trò gái thì cụ cố dịu giọng cho đỡ vẻ nghiêm lệ.

Mỗi ngày, sau bữa ăn sáng, thì lớp học bắt đầu khai giảng. Mấy trò gái học trước, tới lối mười một giờ, thì nghỉ, để cho lũ trò trai kế tục cho mãi tới trưa.

Cả trò trai, trò gái đều học Kinh thi và năm loại «đi quy», đây là một tổng tập gồm tất cả những thiên luận văn, dạy cho con trẻ, cách làm người cho chánh đáng, cùng những kỷ luật về việc huấn luyện ở nhà trường và bổn phận của con trai, cũng như con gái, đối với cha mẹ.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội năcdanh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON
29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại-diện các Ngân-Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoái Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

ĐÂY LÀ MỘT KIỂU

TRONG CÁC LOẠI XE

AUSTIN



**MÀ QUÍ NGÀI CÓ THE ĐẶT MUA NGAY
T A I**

HÃNG GARAGES CHARNER

131 - 133, ĐẠI - LỘ NGUYỄN - HUỆ — SAIGON

Đ. T. 20.423 và 22.531

HÃNG



Giấy nói : 305

Giấy thép : KOL CHOLON

51A-53A, đại-lộ Hồng-Bàng

CHOLON

SẢN XUẤT :

- Kem và xà-bông đánh răng
- Các loại nút-ve, hộp, nắp, ống đựng thuốc cho các dược-phòng bằng chất nhựa Phénoplaste, mélamine, polyétylène,
- Các thứ bàn chải đánh răng bằng nylon,
- Các thứ ống nước bằng chất vinyle
- Nút áo
- Các thứ vật-dụng điện-khí
- Dao bào râu, chén.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

TRANVANTHI

Số 7, đại-lộ Nguyễn-Huệ (lầu ba) — SAIGON

Hãng xuất nhập-cảng - Số vốn VN\$ 3.000.000

Xuất-cảng : Ngũ-cốc và nông-sản khác.

Nhập-cảng : Thực-phẩm, hàng vải, kim khí, đồ đồng, đồ sắt, đồ điện, các loại máy.

ĐẠI - LÝ ĐỘC - QUYỀN

- | | |
|------------------------------|------------------------------------|
| ZUNDAPP DELPHIN (Đức) | — Máy gắn ghe lườn và tam bản. |
| BAUSCHER (Đức) | — Máy kéo diesel, nằm và đứng. |
| FACIT (Thụy-điển) | — Máy tính, quay tay và chạy điện. |
| ROCKET (Nhật-bản) | — Máy làm nước đá và cà-rem. |

Vespa

1957

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

Việt-Nam Bảo-Hiểm Phạt-Bà

**CÔNG - TY BẢO - HIỂM NGƯỜI VIỆT
VỚI SỐ VỐN 6.000.000\$00 ĐÓNG BỦ**

TRỤ SỞ : Nơi biệt-thự Công-Ty :

13, đường Pasteur — SAIGON

Giấy nói : 23.529

Bảo - Hiểm tai nạn rùi-ro :

các loại Xe, Ghe, Tàu, cùng Nhân-công và Hành-khách

Hỏa hoạn : Nhà, Kho, Xưởng và Hàng-hóa.

Trộm cắp : Hàng-hóa chuyên chở và dự-trữ.

Trách-nhiệm : Chủ-nhân Xưởng, Mộc...

ĐIỀU-KIỆN DỄ DẴI — BỒI ĐỀN MAU CHÓNG

91010210

AIR LAOS

VIENTIANE — BANGKOK : Lundi, Jeudi, Samedi

BANGKOK — VIENTIANE : Mardi, Jeudi, Samedi

VIENTIANE — HONGKONG : Mardi

HONGKONG — VIENTIANE : Mercredi

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur

STRATOLINER

Jeudi et Samedi

par Douglas DC 3

Mardi et Dimanche

VIENTIANE-XIENGKHOUANG : Lundi, Mercredi, Vendredi

VIENTIANE — LUANGPRABANG — LUONG NAM THA —

MUONGSING : Lundi, Mercredi, Vendredi.

Renseignements et Réservations

65, rue Lê-Thành-Tôn — SAIGON — Tél : 22.102



Hãy Mua Phân Thàn-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp

với phân **THẦN-NÔNG**

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

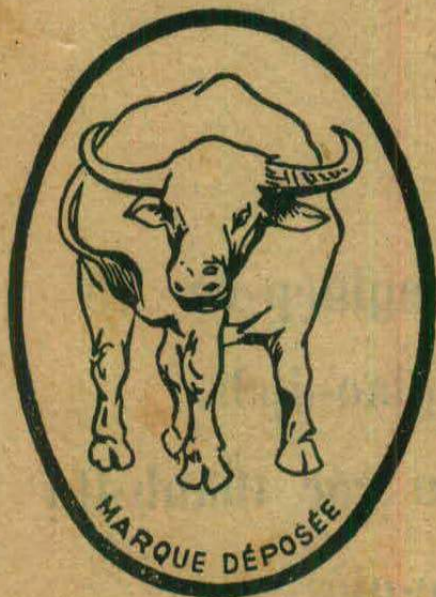
Bán tại hãng

LOUISOGLIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam



GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÀNG CHÍNH :

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefebvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : COMMUBANK



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị

lớn khắp thế-giới.

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN-ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA-THIỆT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH-TRỊ, KINH-TẾ, VĂN-HÓA,
XÃ-HỘI.**

Chịu-nhiệm : HUYNH-VAN-LANG

hợp-tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHI
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN-HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHẢI
PHẠM-DUY-LÂN
NGUYỄN-QUANG-LỆ
TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHẾ-SANH
NGUYỄN-HUY-THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG-KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VŨ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG-MINH-TUYNH
BÙI-CÔNG-VĂN